



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,
Q.Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Hội nghị Thống nhất Phật giáo năm 1981 chụp trước chùa Quán Sứ - Hà Nội (ảnh sưu tầm)

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Chủ tịch MTTQVN gửi thư chúc mừng - TTXVN **03**
- Diễn văn khai mạc - HT Thích Trí Tịnh **04**
- Đại lão HT Thích Đức Nhuận - Trần Khánh Dư **06**
- GHPGVN những chặng đường - H. Độ **11**
- Hệ phái nam tông người Kinh - HT Thiện Tâm **12**
- Vì sao Phật giáo đứng vững - Xuân Hoa Nguyệt Thương **14**

2. KINH TẠNG

- Kinh Niệm xứ - HT. Thích Minh Châu **17**

3. LUẬT TẠNG

- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên **19**

4. THIỀN HỌC

- Thiền sư Achaan Neab - Tk Thiện Minh **22**

5. VĂN HÓA

- Lịch sử và tình hình văn học PG - TT Thích Phước Đạt **25**
- Lực lượng sáng tác văn học PG - Lý Thị Mai **28**

6. ĐỐI THOẠI

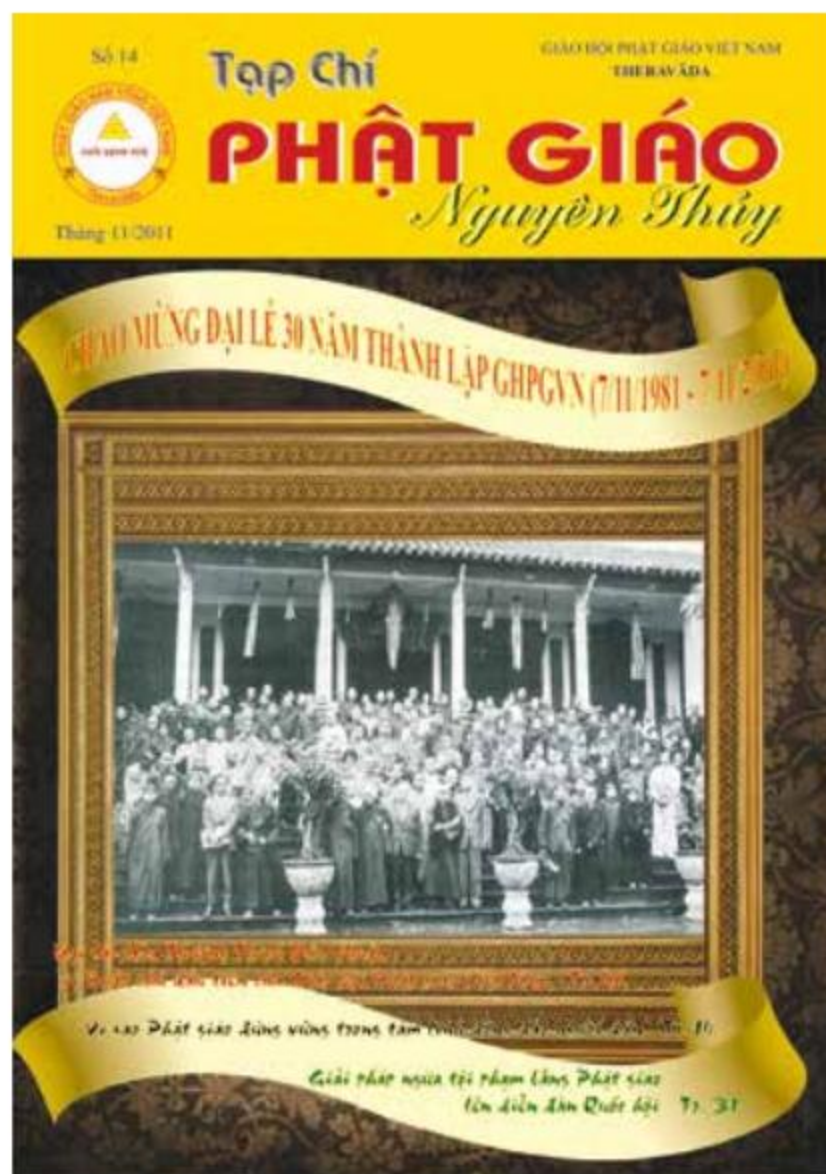
- Giải pháp ngừa tội phạm - Trọng Hoàng **31**

7. SUY NGẪM

- 10 điều người trẻ dễ lãng phí nhất - Duy Thiện **33**

8. VĂN THƠ

- Nhà chùa doanh nghiệp và - Nguyễn Khắc Thuần **34**
- Dễ và Khó - ĐĐ. Thiện Minh **37**
- Dòng sông tâm thức - Thiện Bằng **41**
- Ánh sáng từ bi - Huệ Trắng **41**
- Dấu ấn Bửu Quang - Trần Quê Hương **42**



- Trong am cốc nhỏ - Tk Tuệ Nhẫn **43**

- Chiêu cảm Đạo trường siêu thanh - Hoa Huệ **43**

- Tình huynh nghĩa đệ - Minh Tâm **44**

9. VĂN HỌC PĀLI

- Trưởng lão Thánh Tăng Sivali - Tk Định Phúc **45**

10. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Sức khỏe phụ nữ trong Y học tây Tạng - Lý Thu Linh **49**

11. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Uống nước cây xả tươi - Huyền Trang **52**

12. PHÁP LUẬT

- Tìm hiểu luật hình sự - Lâm Thị Mai **54**

13. THEO DÒNG

56



Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Gửi thư chúc mừng Giáo hội Phật giáo Việt Nam

TTXVN



Ông Huỳnh Đảm - Chủ tịch MTTQ Việt Nam

Ngày 3/11, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huỳnh Đảm đã gửi thư chúc mừng Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhân kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập (7/11/1981-7/11/2011).

Thay mặt Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ông Huỳnh Đảm gửi lời chúc mừng tốt đẹp nhất đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cùng chư vị tôn đức giáo phẩm, quý vị hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư và toàn thể tăng ni, đồng bào Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

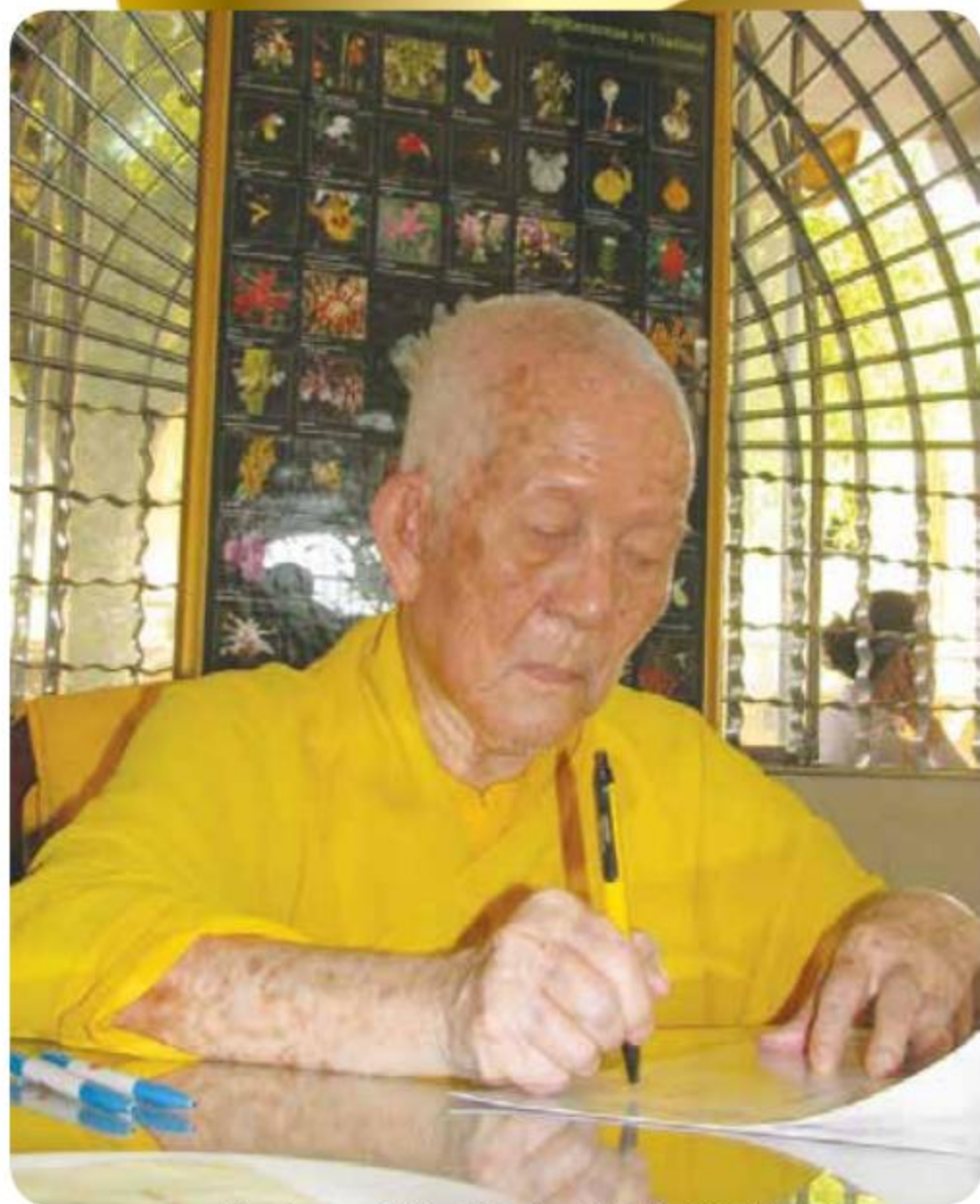
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đánh giá cao, trân trọng biểu dương và chúc mừng những kết quả hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng những đóng góp tích cực của Giáo hội và toàn thể tăng ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước đối với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong suốt 30 năm qua.

Từ khi thành lập đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn đoàn kết, vận động Tăng Ni, Phật tử trong cả nước tham gia thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phát động, đóng góp tích cực vào sự nghiệp chung của cả nước.

Đây là những biểu hiện sinh động khẳng định: Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là sự tiếp nối, kế thừa truyền thống Phật giáo Việt Nam, là sự đoàn kết, hòa hợp và thống nhất tự nguyện của tất cả các tổ chức, hệ phái Phật giáo vốn đã có ở Việt Nam, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo chư vị tôn đức giáo phẩm và tăng ni, đồng bào Phật giáo Việt Nam; đáp ứng yêu cầu sự nghiệp chung khi đất nước hoà bình, thống nhất.

Ông Huỳnh Đảm cũng đề nghị và tin tưởng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội", tiếp tục phát huy vai trò là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước luôn đoàn kết, đồng hành cùng dân tộc, hưởng ứng và tham gia thực hiện, đưa Nghị quyết Đại hội XI của Đảng vào cuộc sống; đồng thời, chuẩn bị tốt về mọi mặt để tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ VII trong năm 2012, làm cơ sở tiếp tục phát huy truyền thống "Hộ quốc dân an" của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.●

Diễn văn khai mạc Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự



Hòa thượng Thích Trí Tịnh - Chủ tịch Hội đồng Trị sự

Kính bạch chư Tôn giáo phẩm trong Hội đồng chứng minh; chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni và quý vị cư sĩ trong Hội đồng Trị sự.

Kính thưa quý vị Đại biểu thuộc Ban Trị sự tỉnh, Thành hội Phật giáo Việt Nam, thuộc ban ngành Trung ương Giáo hội.

Kính thưa Chư vị khách quý đại diện Chính quyền, Tổ chức, Đoàn thể, Cơ quan thân hữu

Kính thưa chư liệt vị.

Hôm nay, ngày 07/11/2011, Giáo hội Phật giáo Việt Nam long trọng tổ chức Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội. Cũng trong ngày này 30 năm

trước, Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc được tổ chức tại chùa Quán Sứ - Thủ đô Hà Nội gồm 165 đại biểu của 9 tổ chức và các hệ phái Phật giáo trên toàn đất nước Việt Nam. Trong ngày trọng đại đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính thức được thành lập. Giáo hội đã hoạt động trong hoàn cảnh đặc biệt vừa thuận lợi vừa khó khăn. Thuận lợi lớn nhất là nước nhà vừa được độc lập, thống nhất, Tăng Ni Phật tử trên toàn quốc có nguyện vọng tha thiết là Phật giáo được thống nhất và phát triển vững mạnh và chính sách ủng hộ Tôn giáo tích cực tham gia xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước. Hoàn cảnh mới cũng đầy những khó khăn cho mọi hoạt động củng cố và phát triển của Giáo hội: Đất nước đang phải hàn gắn vết thương chiến tranh, đối mặt với những thế lực thù nghịch, phản động từ bên ngoài qua sự cấm vận, xuyên tạc, gây hoang mang, gây khó khăn cho việc ổn định và phát triển đất nước. Cùng với sự vượt khó và vươn lên mạnh mẽ của đất nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng phát triển không ngừng để có được như ngày nay.

Nhân Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập này, Giáo hội chân thành kính cảm tưởng nhớ đến chư vị cố Đại lão Hòa thượng lãnh đạo Giáo hội như cố Pháp chủ Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hòa thượng Thích Tâm Tịch, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Hòa thượng Thích Mật Hiển, Hòa thượng Thích Huệ Thành, Hòa thượng Thích Giác Nhu, Hòa thượng Mahasarây, Hòa thượng Thạch Xom; cố Chủ tịch Hội đồng Trị sự Hòa thượng Thích Trí Thủ; cố Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Hòa thượng Thích Thế Long, Hòa thượng Thích Thiện Hào, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Kim Cương Tử; cố Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Hòa thượng Thích Tâm Thông, Hòa thượng Thích Bửu Ý, Hòa thượng Thích Thuận Đức, Hòa thượng Thích Thanh Chân, Hòa thượng Giới Nghiêm, Hòa thượng Châu Mum, Hòa thượng Thích Từ Hạnh... và chư vị cố Đại lão Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Ni trưởng, Ni sư, quý vị cư sĩ trong cơ cấu nhân sự từ Trung ương đến địa phương của

Giáo hội. Đây là những vị đã có công lao lớn trong việc củng cố và phát triển Giáo hội.

Những thành tựu của Giáo hội suốt 30 năm qua là liên tục, đều đặn và rất khả quan, đó là nhờ vào tinh thần đoàn kết hòa hợp, sự đồng tình ủng hộ của các tổ chức Hệ phái Phật giáo trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước. Lát nữa đây, Ban Thư ký Hội đồng Trị sự sẽ tuyên đọc báo cáo tổng kết 30 năm hoạt động của Giáo hội qua nhiều lãnh vực, đủ các ban, ngành, viện Trung ương và địa phương. Những minh họa rõ rệt trong từng cơ cấu của Giáo hội; ví dụ, nhiệm kỳ I có 50 thành viên Hội đồng Trị sự, đến nay, theo Hiến chương được sửa đổi và bổ sung, con số ấy là 147, tỷ số tăng trưởng ấy cũng là chung cho nhân sự ban ngành các cấp thuộc Giáo hội. Chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành Tăng Sự, Hoằng Pháp, Giáo dục Tăng Ni, sự tham gia vào các công tác an sinh, từ thiện xã hội của Ban Từ thiện Xã hội; các cơ sở chùa chiền được trùng tu, xây dựng; sự nở rộ các ấn phẩm, kinh sách, nghiên cứu dịch thuật, báo chí, sự phong phú hợp tác thân hữu với các tổ chức Phật giáo thế giới...

Ngày nay, đất nước ta đã vươn lên từ những khó khăn của một quốc gia mới được độc lập, thống nhất, phải chịu nhiều mất mát, đau thương, chịu nghèo khổ và chiến tranh, chịu sự thiếu ổn định về nhiều mặt hoạt động. Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và Phật giáo Việt Nam cũng liên tục đạt những thành tựu khả quan. Lịch sử đã cho thấy hễ chính quyền ủng hộ Phật giáo thì đất nước mạnh và Phật giáo hưng thịnh; đất nước bị suy yếu thì Phật giáo cũng suy yếu. Ngược lại, có thể đánh giá sự thịnh suy của đất nước qua sự thịnh suy của Phật giáo. Văn hóa dân tộc có sự đóng góp lớn lao của Phật giáo về văn học, triết học, giáo dục, mỹ học, kiến trúc, nghệ thuật... Các nhà sư từng tham gia việc nước; chùa chiền từng là cơ sở giáo dục, từ thiện, là nơi an ủi, vỗ về, hướng dẫn đời sống tâm linh cho mọi người. Do đó, có thể nói Phật giáo luôn ở trong lòng dân tộc, gần gũi, thân thiết với dân tộc; hay nói cách khác, Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc.

Giáo hội mong chờ qua cuộc hội thảo "Giáo hội Phật giáo Việt Nam 30 năm phát triển và đồng hành cùng dân tộc", các tham luận, phát biểu sẽ dựa vào báo cáo tổng kết 30 năm hoạt động của Giáo hội mà ban Thư ký sẽ tuyên đọc, dựa vào thực tế và nêu những suy nghĩ, lập luận về chất lượng của những thành tựu, nguyên nhân của các ưu khuyết điểm, cùng những ý kiến cụ thể về phương hướng

hoạt động sắp tới của Giáo hội...

Đâu là sức mạnh để Giáo hội có thể phát triển bền vững lâu dài? Sức mạnh sẽ được tăng thêm nhờ phẩm chất tốt đẹp, sự tận tụy vì lý tưởng Phật giáo của chư Tăng Ni và Phật tử, sự ủng hộ của chính quyền và nhân dân. Sức mạnh ấy căn bản vốn ở những người con Phật, gồm 5 lực (ngũ lực) trong 37 phẩm trợ đạo. Đó là Tín lực, sức mạnh của niềm tin vào Tam bảo; Tấn lực, sức mạnh của niềm tin vào bốn chánh cần là những nỗ lực chân chính; Niệm lực, sức mạnh của niềm tin vào bốn niệm xứ để có được chánh niệm; Định lực, sức mạnh của niềm tin vào Thiền định để tẩy trừ phiền não, thanh tịnh tâm; và Huệ lực, sức mạnh của niềm tin vào việc quán niệm để có trí tuệ giải thoát. Chỉ riêng với Tín lực, Kinh cũng đã phân biệt mười loại tín tâm; năm tâm đầu là tính chất và sự vận hành của năm lực trên; kể đến là Bất thoái tâm, cái tâm kiên định; Hồi hướng tâm, tâm chuyển công đức vào chúng sanh; Hộ pháp tâm, tâm một lòng vì đạo pháp; và Giới nguyện tâm, tâm giới hạnh. Ngũ lực và thập tín vừa nêu chính là phẩm chất mà một vị Tỳ-kheo, thậm chí của một Phật tử, quyết tâm giữ vững, sở hữu trong tu tập và thực hiện các Phật sự. Có được sức mạnh và niềm tin như thế, trong lúc hành pháp, làm Phật sự để đưa ánh sáng Phật giáo vào đời, chúng ta cần sử dụng những phương tiện thiện xảo, ví dụ sáu phương tiện mà Kinh Bồ-tát Địa Trì đã nêu: Tùy thuận thiện xảo tức là tùy theo căn cơ chúng sanh mà giảng pháp; Tập yếu thiện xảo là theo nhu cầu vật chất của chúng sanh mà ban bố cho họ; Dị tướng thiện xảo, đối với kẻ ngạo mạn hay kẻ ác thì phải hăm dọa khiến họ sợ hãi mà bỏ ác hành thiện; Bức bách xảo, không cung cấp vật dụng, trách phạt những người phạm giới khiến họ từ bỏ ác pháp; Báo ân thiện xảo, bố thí tài vật để chúng sanh khởi tâm báo ân, hồi hướng công đức cho cha mẹ và tin giữ giới hạnh; và Thanh tịnh thiện xảo, hòa nhập vào chúng sanh để khuyến tu khuyến thiện.

Kính thưa chư liệt vị

30 năm hoạt động với những thành tựu khả quan, Giáo hội xin hồi hướng công đức này đến Tam bảo, đến hết thầy mọi chúng sanh, đến đất nước và nhân dân Việt Nam. Nguyên cầu Tam bảo gia hộ cho Thế giới hòa bình, Quốc gia hưng thịnh và tất cả chúng sinh đều đạt niềm vui tự nội.

Kính chúc chư liệt vị thân tâm an lạc, thành tựu viên mãn mọi hoạt động vì đạo vì đời, ích nước lợi dân.

Xin cảm ơn chư liệt vị.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT. ●

Đai lão Hòa Thượng Thích Đức Nhuận

vị Pháp chủ đầu tiên của
Giáo hội Phật giáo Việt Nam



Di ảnh cố HT Thích Đức Nhuận

Trần Khánh Dư

*Đệ nhất
Pháp chủ Giáo hội Phật
giáo Việt nam, cố Đại lão Hòa
thượng Thích Đức Nhuận, thế danh Phạm
Đức Nhuận, quê xã Hải Phương, huyện Hải
Hậu, tỉnh Nam Định. Hòa thượng là một vị
chân tu khả kính, suốt đời vì đạo, vì đời,
người mà tôi luôn có dịp gần gũi.*

Tôi chưa phải là Phật tử, chỉ là người làm công tác Tôn giáo, chuyên trách về Phật giáo một thời gian dài, do đó, tôi biết rõ về Hòa thượng. Ở Hòa thượng việc đạo, việc đời được kết hợp hài hòa và quan hệ mật thiết với nhau. Càng gần Hòa thượng, tôi càng thấy kính trọng Hòa thượng hơn.

Ngược dòng thời gian, từ phong trào Phật giáo Cứu quốc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đến khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, rồi việc thành lập "Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam" (ở các tỉnh phía Bắc năm 1958), và hoạt động của Hội trong suốt thời kỳ đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước (1981). Mặc dù có vô vàn khó khăn, (ở miền Bắc phải vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chi viện cho miền Nam đánh Mỹ) nhất là khi giặc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc, thì khó khăn lại càng

chồng chất, nhưng hoạt động của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam vẫn được duy trì. Vì phải khế lý, khế cơ, tùy thời, tùy pháp cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế là một việc hết sức tế nhị và phải rất uyển chuyển, nên đòi hỏi những vị vận hành hoạt động của tổ chức Hội phải hết sức nhạy cảm mới có thể vượt qua được. Tuy có những mặt bị hạn chế nhưng ở thời điểm ấy các đoàn khách nước ngoài khi đến thăm Việt Nam luôn có cái nhìn thiện cảm. Mọi hoạt động Quốc tế của Phật giáo Việt Nam mà đại diện là Phật giáo ở các tỉnh phía Bắc vẫn diễn ra bình thường, làm cho bạn bè Quốc tế cảm phục, những hoạt động đó đã góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng nước nhà của toàn dân tộc. Như thế, công sức của quý vị lương đồng trong Ban lãnh đạo của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam là rất lớn, trong đó công lao của cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ (Hội trưởng) không nhỏ, nhưng đồng thời phải kể đến công lao của cố Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận (Phó Hội trưởng) mà tôi muốn nói đến hôm nay.

1. Quá trình tu học, hành đạo của Hòa thượng thì nhiều người đã biết, ở đây tôi chỉ xin nêu lên đôi điều mà tôi được chứng kiến trong quá trình công tác và được nghe những người có trách nhiệm kể lại: Vào đầu thập niên

năm mươi của thế kỷ trước, khi ấy cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đang trong giai đoạn quyết liệt, vùng Hà - Nam - Ninh (tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình) là nơi quân đội Pháp liên tục càn quét, đánh phá, chùa Đồng Đắc nơi Hòa thượng trụ trì thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình gần khu vực Phát Diệm - Bù Chu, một "Thánh địa" của thực dân Pháp lúc bấy giờ. Chùa Đồng Đắc do Hòa thượng trụ trì (tuy nằm sát khu Phát Diệm) nhưng lúc đó mọi sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường và tất nhiên là cơ sở của cách mạng ở nơi đó cũng được bảo toàn. Bọn tay sai của Pháp ở vùng này biết Hòa thượng là người có uy tín lớn đối với tăng, ni, Phật tử trong vùng là điều bất lợi cho chúng, nên chúng cho tay chân đến vừa vỗ về, mua chuộc, lôi kéo, vừa đe dọa, ép Hòa thượng tham gia tổ chức "liên tôn..." với chúng. Biết thế không thể cưỡng lại được, Hòa thượng đành giao lại cho tăng chúng tự quản lý, rồi Hòa thượng về chùa Hòe Nhai thuộc phố Hàng Than, Hà Nội, tiếp tục công việc hoằng pháp độ sinh, tham gia giảng dạy Phật học ở một số chùa và tham gia vào các hoạt động của Phật giáo Cứu quốc tại đây.

2. Sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (năm 1954), các vị cao tăng ở các tỉnh phía Bắc đã đề xuất vận động Thống nhất Phật giáo, thành lập một tổ chức Phật giáo chung ở miền Bắc, Hòa thượng lại cùng với các vị cao tăng thành lập Ban Vận động, và Hòa thượng là một trong những vị chủ chốt của cuộc vận động này. Trong hơn một năm tiến hành vận động, đến tháng 3 năm 1958, cuộc vận động Thống nhất Phật giáo ở các tỉnh phía Bắc đã được thành tựu. "Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam" được thành lập. Tại Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam lần đầu tiên này, Hòa thượng được Đại hội suy tôn vào Ban Chứng minh Đạo sư kiêm giữ chức Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (Hòa thượng Thích Trí Độ giữ chức Hội trưởng).

Là người bên cạnh Hòa thượng Hội trưởng nhưng Hòa thượng Thích Đức Nhuận có một vai trò rất quan trọng là quy tụ và đoàn kết tăng, ni, Phật tử ở các tỉnh phía Bắc hoạt động



HT. Thích Đức Nhuận (người ngồi thứ 2 từ phải sang)
tại Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981

trong Hội và giữ mối quan hệ với Phật giáo ở các tỉnh phía Nam, đồng thời làm cho các đoàn khách quốc tế đến thăm Việt Nam có cái nhìn thiện cảm (vì sự có mặt của một vị cao tăng có uy tín lớn trong hàng tăng chúng ở miền Bắc). Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam hoạt động đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trải qua 3 kỳ đại hội, Hòa thượng luôn được Đại hội tín nhiệm suy tôn vào Ban Chứng minh Đạo sư và suy cử vào vị trí Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, kiêm giữ chức giám luật. Quá trình đảm nhiệm những trọng trách nói trên, Hòa thượng đã cùng với Hòa thượng Hội trưởng luôn tìm cách đưa hoạt động của Hội vào nền nếp, nhất là công tác giáo dục tăng ni, đào tạo tăng tài. Ngay sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (năm 1975), Hội đã xin phép Nhà nước cho mở các lớp bồi dưỡng đào tạo tăng ni khẩn cấp. Những lớp học ba tháng, sáu tháng liên tục được mở ra. Hòa thượng Thích Đức Nhuận luôn được Hòa thượng Thích Trí Độ (Hội trưởng) ủy thác giữ trọng trách trong việc giáo dục đào tạo này. Những học tăng của các khóa học nói trên sau đó đã đảm nhiệm tốt những nhiệm vụ quan trọng ở các cấp của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, đến nay nhiều vị đã viên tịch, một số vị hiện còn đang giữ trọng trách trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1977, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam lại được Nhà nước cho phép mở trường

đào tạo tăng tài với thời gian dài hơn. Mỗi khóa học là ba năm. Nhằm mục đích đào tạo một lớp tăng ni trẻ làm nòng cốt cho hoạt động của Hội trong giai đoạn mới. Trường được lấy tên là "Trường Tu học Phật pháp Trung ương", địa điểm đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, Trụ sở của Hội. Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, ngoài việc kiêm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng còn đảm nhiệm giảng dạy một số môn quan trọng, như Luật học...

Khi Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ viên tịch (năm 1978), Hòa thượng Thích Đức Nhuận được Hội suy cử lên thay thế vị trí Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam. Kiêm giữ chức Hiệu trưởng



Tam quan chùa Đồng Đắc (Ninh Bình) – nơi HT. Thích Đức Nhuận trụ trì

Trường Tu học Phật pháp Trung ương. Với cương vị mới này, Hòa thượng lại cùng với quý vị trong Ban Thường trực Trung ương Hội thúc đẩy các hoạt động của Hội. Đối với công việc đào tạo tăng tài và nghiêm trì giới luật, một trong những Phật sự mà Hòa thượng luôn coi là hết sức quan trọng. Hòa thượng luôn nhắc nhở tăng ni tu học và hành đạo phải đúng với chính pháp đạo Phật.

Trong những năm đất nước đang có chiến tranh, ở miền Bắc có cuộc Vận động: Thực hiện nếp sống mới, Hòa thượng thấy cuộc vận động này là thiết thực và đúng với tinh thần giáo lý nhà Phật, Hòa thượng đã cùng với Ban Thường trực Trung ương Hội soạn thảo một chương trình "Cải tiến Lễ nghi Tôn giáo", và công bố rộng rãi cho toàn xã hội biết, và phổ biến, quán triệt đến các cấp của Hội, xuống tới cơ sở các chùa để thực hiện, đồng thời Hòa thượng cùng với các vị trong Ban Thường trực Trung ương và Ban Nghi lễ của Hội soạn thảo ra các Thời khóa bằng tiếng Việt, thay vì bằng chữ Hán vẫn dùng trước đây. Những sổ sách như: Sổ Cầu an, Sổ Cầu siêu, Điệp Quy y... được Hội

Phật giáo Thống nhất Việt Nam (ở miền Bắc) soạn bằng Quốc ngữ và xuất bản phát hành sử dụng rộng rãi ở các Chi hội Phật giáo các tỉnh phía Bắc.

Năm 1980, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam lại xin phép Nhà nước cho mở Trường Cao cấp Phật học Việt Nam. Thời gian của mỗi khóa học là 4 năm, với mục đích là để tăng, ni sinh đã tốt nghiệp chương trình của Trường Tu học Phật pháp Trung ương có điều kiện học tiếp lên chương trình Cao cấp để có trình độ cao,

đáp ứng các Phật sự quan trọng trong các hoạt động của Hội. (Trường Cao cấp Phật học Việt Nam của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam sau năm 1981 được chuyển giao sang Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý, điều hành). Trường là cơ sở nền móng đầu tiên trong hệ thống giáo dục, đào tạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trường Cao cấp Phật học của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được phép khai mở, khóa học được bắt đầu từ cuối năm 1981. Các tăng ni sinh của trường Tu học Phật pháp Trung ương được học tiếp chương trình cao cấp Phật học (4 năm), sau khi tốt nghiệp đã được điều động về Văn phòng Trung ương Giáo hội và một số địa phương làm Phật sự. Hiện nay nhiều người đang giữ trọng trách trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trong các khóa đào tạo dù ngắn hạn hay dài hạn, Hòa thượng cũng luôn quan tâm nhắc nhở phải chú trọng giữ gìn giới luật và phải kết hợp học chữ Hán. Theo Hòa thượng thì Kinh sách Phật giáo chủ yếu bằng chữ Hán, nếu không thông thạo chữ Hán thì khi đọc vào Kinh sách sẽ không hiểu hết được nghĩa lý của Kinh điển (Tôi được nghe Hòa thượng nói rất kỹ về điều này tại Đại hội nhiệm kỳ của Thành hội Phật giáo thành phố Hà Nội năm 1987).

3. Đầu Xuân Canh Thân (1980) các vị Giáo phẩm đứng đầu các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam trong cả nước có cơ duyên hội ngộ

tại thành phố Hồ Chí Minh, trong dịp này, cùng với không khí sôi động của các tổ chức, đoàn thể quần chúng về sự vận động thống nhất tổ chức trong phạm vi cả nước, nhân đó một số vị giáo phẩm đề xuất mở một cuộc vận động rộng rãi trong Phật giáo để thành lập một tổ chức Phật giáo chung trong cả nước theo ước nguyện của các vị tiền tổ trong cuộc vận động chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX. Một cuộc gặp mặt lịch sử được diễn ra, đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (ở miền Bắc) được các vị giáo phẩm cung thỉnh đứng đầu Ban Cố vấn Chứng minh của Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam. Biết là công việc khó khăn, nhưng Hòa thượng vẫn hoan hỷ đảm nhận trọng trách mà hàng giáo phẩm trong Phật giáo cả nước ủy thác.

Vào thời điểm ấy, đất nước vừa mới được giải phóng, công cuộc thống nhất đất nước vừa mới được thực hiện, công việc của toàn xã hội đang bề bộn, đất nước lại đang phải trải qua thời kỳ hết sức khó khăn về kinh tế. Trong bối cảnh như vậy, việc vận động thống nhất Phật giáo, để thành lập một tổ chức Phật giáo chung là một vấn đề không phải đơn giản. Cũng phải nói thẳng ra rằng, ngay sau khi mới hình thành danh sách "Ban Vận động" đã vướng phải trục trặc, tiếp theo là có nhiều ý kiến về quan điểm, về hình thức tổ chức bộ máy, về sắp xếp nhân sự... Không chỉ có những khó khăn trong nội bộ Phật giáo, mà ngoài xã hội cũng có nhiều ý kiến về vấn đề này. Tôi được biết rất rõ vào thời điểm ấy mặc dù có nhiều sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến Hòa thượng, nhưng Hòa thượng đã xử lý một cách uyển chuyển làm cho tình hình dịu đi. Có trường hợp thì Hòa thượng nhẹ nhàng thuyết phục, có trường hợp thì Hòa thượng có thư để cảm hóa, do đó những thông tin trái chiều dần dần được hạn chế. Công cuộc Vận động có lúc tưởng chừng như bế tắc, nhưng rồi cũng lại vượt qua được. Có lẽ, đúng như một số tăng ni, Phật tử thường nói: Nhờ có uy đức của Hòa thượng mà trên thì

Nhà nước ủng hộ, dưới thì tăng chúng hướng về, nên cuộc Vận động Thống nhất chỉ sau gần hai năm với sự nỗ lực của các vị Cao tăng Thạc đức và tăng tín đồ trong cả nước cùng với sự trợ duyên của Nhà nước đã thành tựu một cách viên mãn, một tổ chức chung của Phật giáo cả nước được thành lập mang tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hòa thượng được toàn thể Đại hội suy tôn vào ngôi vị cao nhất của Giáo hội, ngôi vị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

4. Hòa thượng luôn nhắc nhở tăng chúng, thực hành nghiêm giới luật; tôn trọng Chính quyền các cấp, chấp hành đúng các quy định của Nhà nước và địa phương, nhưng đồng thời Hòa thượng cũng mạnh dạn kiến nghị những vấn đề mà theo Hòa thượng đó là những điều bức xúc trong tăng chúng. Có lần thì Hòa thượng đến gặp cơ quan chuyên trách của Nhà nước để đề đạt nguyện vọng của tăng ni, nhưng có lần thì Hòa thượng nêu thẳng vấn đề với lãnh đạo Nhà nước. Nhiều người còn nhớ, ngay sau khi Đại hội thống nhất Phật giáo thành công (chiều ngày 07 tháng 11 năm 1981), các đại biểu dự Đại hội đến chào Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng tại Phủ Chủ tịch để báo cáo kết quả Đại hội với Thủ tướng. Thủ tướng đã thay mặt Nhà nước chúc mừng thành công của Đại hội và chúc mừng Hòa thượng vừa được Đại hội suy tôn lên ngôi vị cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Thủ tướng cũng mong rằng



Toàn cảnh chùa Đồng Đắc (Ninh Bình)

trên cương vị mới của mình, Hòa thượng động viên tăng ni, Phật tử Việt Nam ở trong và ngoài nước đoàn kết cùng nhau xây dựng đất nước, xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày một vững mạnh. Thủ tướng vừa dứt lời thì Hòa thượng đã thông thả đứng lên chấp tay niệm Phật và cảm ơn Thủ tướng đã có lời chúc tốt đẹp và cũng ủy thác trách nhiệm nặng nề. Song, Hòa thượng cũng lấy trong túi ra một bản kiến nghị trình lên Thủ tướng, xin Thủ tướng chấp thuận và chỉ thị cho các cấp chính quyền ủng hộ cho Phật giáo ở địa phương thực hiện, có được như thế thì Hòa thượng mới dám nhận trách nhiệm trước tăng ni, Phật tử và trọng trách mà Thủ tướng ủy thác (Kiến nghị gồm ba vấn đề lớn mà ngày nay những điều đó đã được thực hiện một cách tốt đẹp. Có thể nói rằng những điểm trong kiến nghị này ở vào thời điểm đó đưa ra là hơi "nhạy cảm" - Ba vấn đề là: Xin mở hệ thống trường đào tạo; Người thừa kế; Tự do tín ngưỡng).

5. Trong quá trình giữ ngôi vị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, (từ tháng 11 năm 1981 đến tháng 12 năm 1993) Hòa thượng luôn quan tâm đến sự đoàn kết hòa hợp trong Giáo hội. Mỗi khi có vấn đề gì gợn lên, Hòa thượng đều kịp thời uốn nắn bằng nhiều hình thức, khi thì nhẹ nhàng

nhắc nhở khi thì có Thông điệp gửi các cấp Giáo hội kêu gọi giữ gìn nếp sống Thiền gia, Lục hòa cộng trụ đoàn kết xây dựng Giáo hội vững mạnh, góp phần xây dựng đất nước thanh bình an lạc. Và cứ thế, với uy đức bao trùm của Hòa thượng, cộng với sự trợ duyên từ bên ngoài, mọi sự rồi cũng vượt qua nhanh chóng. Tôi đã từng được nghe một vị cao tăng có vị trí cao trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam ca ngợi công đức Hòa thượng khi nói đến việc xây dựng Giáo hội như sau: Nhờ có "Ôn" Đức Nhuận là cây Đại thụ trong hàng giáo phẩm đứng ra làm trụ cột nên việc Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam trong cả nước mới sớm được thành tựu. Quy tụ được đông đảo tăng ni về một mối mới giữ vững được sự đoàn kết thống nhất của Giáo hội. Vị cao tăng này cũng nói thêm rằng Sơn môn Đồng Đắc từ lâu đã nổi tiếng mẫu mực về việc giáo dục tăng ni, đào tạo tăng tài trong Phật giáo cả nước, mà Hòa thượng Đức Nhuận là tiêu biểu cho sự mẫu mực ấy.

Tôi ghi lại đôi điều trên đây cũng là để thể hiện tấm lòng tưởng nhớ đến một vị cao tăng mà tôi hằng trân trọng.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập đến nay tròn 30 năm, Giáo hội đang chuẩn bị để kỷ niệm sự kiện lịch sử trọng đại này, tưởng cũng nên ôn lại công lao của tiền nhân, lấy đó để mà soi rọi. ●



Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Đức đệ Tam Pháp chủ HĐCM GHPGVN thắp hương trước di ảnh cố Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận - Đức đệ nhất Pháp chủ GHPGVN trong lễ húy nhật tưởng niệm lần thứ 17 tại chùa Hòe Nhài

Giáo hội Phật giáo Việt Nam những chặng đường

Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tròn 30 tuổi, một chặng đường đã qua với nhiều thành tựu đạt được, dưới đây là những cột mốc cơ bản của chặng đường đó.

H.Độ tổng hợp

Nhiệm kỳ I là thời kỳ xây dựng và củng cố cơ sở với 50 thành viên Hội đồng Chứng minh (HĐCM), 50 thành viên Hội đồng Trị sự (HĐTS), thành lập 28 Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành hội, 6 ban ngành hoạt động.

Nhiệm kỳ II là giai đoạn phát triển các mặt hoạt động theo chương trình nội dung 6 điểm của Giáo hội trong thời kỳ đổi mới của xã hội và đất nước, với 60 thành viên HĐCM, 60 thành viên HĐTS, thành lập được 33 đơn vị Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành hội và 8 ban ngành hoạt động.

Nhiệm kỳ III là giai đoạn tiếp tục phát triển một cách toàn diện và hoàn chỉnh các mặt hoạt động của 10 ban ngành, viện từ Trung ương đến địa phương trong thời kỳ tiếp tục đổi mới và mở cửa của đất nước, tiến tới mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thành lập 41 đơn vị Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành hội, với 75 thành viên HĐCM, 70 thành viên HĐTS.

Nhiệm kỳ IV thành lập 45 đơn vị Ban Trị sự tỉnh, thành hội Phật giáo, với 65 thành viên HĐCM, 95 thành viên HĐTS. Đây là nhiệm kỳ tổng kết những thành quả của Giáo hội trong những năm cuối của Thế kỷ XX để vững vàng bước sang Thế kỷ XXI.

Nhiệm kỳ V là nhiệm kỳ đầu của Thế kỷ XXI, với 52 đơn vị Ban Trị sự tỉnh, Thành hội Phật giáo, 85 thành viên HĐCM, 95 thành viên HĐTS chính thức và 24 thành viên HĐTS dự khuyết.

Nhiệm kỳ VI, kiện toàn cơ chế tổ chức, triển khai nội dung hoạt động theo tinh thần Hiến chương đã tu chỉnh, gồm 3 cấp hành chánh Giáo hội, với 58 đơn vị tỉnh, thành hội Phật giáo, 97 thành viên

HĐCM, 147 thành viên HĐTS chính thức và 48 thành viên dự khuyết HĐTS. Trong nhiệm kỳ này, Giáo hội đã công nhận 6 Hội Phật tử Việt Nam tại các nước châu Âu như: Nga, Đức, Czech, Hungary, Ba Lan và Ukraina.●



Đại biểu Đại hội nhiệm kỳ VI (2007 - 2012) của Giáo hội



Đại lễ Phật đản Liên Hiệp quốc 2008 (Vesak) tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, một trong những sự kiện lớn của Phật giáo Việt Nam trong 30 năm qua (ảnh internet)

Hệ phái Nam tông người Kinh

trong bản chất và diện mạo thống nhất của Phật giáo Việt Nam

HT. Thiện Tâm

1. LỊCH SỬ

Trong tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam, một tiến trình diễn ra liên tục, từ hơn nửa Thế kỷ trước, đạt được kết quả rực rỡ vào tháng 11 năm 2001, và hiện nay đang trong giai đoạn củng cố, hoàn thiện sự thống nhất đã có, Phật giáo Nam tông người Kinh, sau đây xin được gọi tắt là hệ phái Theravāda, đã đóng một vai trò quan trọng, cả trong bản chất lẫn diện mạo của quá trình thống nhất.

Trong sự kiện thống nhất Phật giáo lần thứ nhất, năm 1951, thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, hệ phái Theravāda không có mặt, vì cho đến lúc đó, Phật giáo Theravāda đang trong giai đoạn hình thành, số tăng ni Phật tử, chùa chiền chưa nhiều, để tạo nên yêu cầu khách quan cho việc hiện diện trong tiến trình thống nhất Phật giáo Việt Nam lúc bấy giờ.

Hơn mười năm sau, với sự nỗ lực của chư vị lãnh đạo Phật giáo Theravāda lúc bấy giờ, như các vị Hòa thượng Thiện Luật, Hòa thượng Hộ Tông..., và nhiều vị cư sĩ nhiệt tâm, các tổ chức Phật giáo Theravāda ra đời, trong đó, giữ vai trò chủ chốt là Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, cũng như sự gia tăng đáng kể chư tăng, Phật tử, chùa chiền, khiến Phật giáo Theravāda trở thành một thành phần quan trọng của Phật giáo Việt Nam, kể cả trong vai trò cấu thành cũng như trong diện mạo (hình thức thể hiện).

Tuy đến lúc này, Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam chưa tham gia vào tổ chức Phật giáo thống nhất Phật giáo, nhưng những biểu hiện của sự thống nhất đã được thể hiện. Thích Ca Phật Đài do Phật giáo Theravāda xây dựng tại Vũng Tàu thể hiện sự lớn mạnh của hệ phái và lễ khánh thành được đặt dưới sự chủ trì của chư tôn đức lãnh đạo Tổng hội Phật giáo Việt Nam đã

bước đầu thể hiện sự thống nhất mà Phật giáo Theravāda luôn hướng đến.

Trong sự thống nhất, chỉ mới đạt ở mức độ tinh thần, nhưng Phật giáo Theravāda Việt Nam đã cùng chịu đựng với Phật giáo Việt Nam sự bách hại, cũng như tham gia với các tông phái, tổ chức Phật giáo tại Việt Nam trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo để cùng đấu tranh cho sự sinh tồn của Phật giáo.

Điều đó, thể hiện sự thống nhất của hệ phái Phật giáo Theravāda đối với Phật giáo Việt Nam trong lịch sử là một vấn đề thuộc về bản chất, không phải là vấn đề hình thức.

Nếu lần thống nhất Phật giáo vào năm 1951 là sự thống nhất ở tầm vóc quốc nội, với các tổ chức Phật giáo ở ba miền Nam - Trung - Bắc, thì lần thống nhất Phật giáo vào năm 1964 đã mang tính quốc tế, vì Theravāda là một hệ phái mang tính chất quốc tế, là tông phái của đạo Phật quốc giáo ở nhiều quốc gia Đông Nam Á và Nam Á. Cuộc thống nhất năm 1964 được thể hiện chủ yếu như một cuộc thống nhất Bắc - Nam tông, tiếp nối lần thống nhất các địa phương trước đó.

Do đó, Hiến chương của Giáo hội Phật giáo tại miền Nam được thành lập từ năm 1964 yêu cầu Đức Phó Tăng thống phải là vị tôn đức có hệ phái khác với Đức Tăng Thống (được hiểu một cách chi tiết là nếu Đức Tăng Thống là một vị tôn đức Bắc tông thì Đức Phó Tăng thống phải là Nam tông, để thể hiện sự thống nhất Bắc - Nam tông, và trong thực tế Hòa thượng Thích Thiện Luật thuộc Phật giáo Theravāda đã giữ ngôi vị Phó Tăng thống trong một thời gian dài). Tính chất Bắc - Nam Tông còn được thể hiện ở một vị Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo (tương đương Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự hiện nay) luôn là một vị tôn

đức Nam tông.

Hình ảnh thống nhất Phật giáo Việt Nam Bắc - Nam tông trước hết tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục ở thời điểm sau năm 1975, với tổ chức Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước. Trước khi đi đến một sự thống nhất toàn diện, triệt để, Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước cũng là một tổ chức Phật giáo thể hiện đầy đủ tính chất thống nhất Bắc - Nam tông. Phật sự quan trọng mà hệ phái Theravāda đóng góp trong giai đoạn này là hoạt động truyền giới lại cho chư tăng Phật giáo Campuchia, mà tất cả đã bị hoàn tục trong những năm chế độ diệt chủng Pôn Pốt chiếm chính quyền. Việc hồi sinh Phật giáo Campuchia, mà Phật giáo Theravāda Việt Nam đóng góp, trong tư cách sự trợ giúp của Phật giáo Việt Nam nói chung dành cho Phật giáo Campuchia, đã có một vị trí quan trọng trong việc hồi sinh của cả dân tộc Campuchia, là một Phật sự công đức lớn lao. Nó cũng thể hiện diện mạo Phật giáo Việt Nam thống nhất Bắc - Nam tông trong mọi hoàn cảnh, dù trong hoàn cảnh chưa đủ nhân duyên hình thành một tổ chức thống nhất hoàn toàn và triệt để.

2. GÓP PHẦN XÂY DỰNG NGÔI NHÀ CHUNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Sự kiện trọng đại đã đến vào tháng 11 năm 1981, với sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong đó có sự tham gia của Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam (Phật giáo Nam tông Kinh). Từ đó đến nay, Phật giáo Nam tông Kinh, vẫn thường gọi là hệ phái Theravāda, luôn gắn bó trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam, dù vẫn giữ gìn nghiêm túc truyền thống tu tập biệt truyền của mình. Sự đóng góp của hệ phái Nam tông Kinh thể hiện ở đủ các mặt trong sinh hoạt Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từ hoằng pháp, giáo dục Tăng ni, đến tăng sự, văn hóa, giao lưu quốc tế...

Hình ảnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với cộng đồng Phật giáo thế giới luôn là hình ảnh một Giáo hội Phật giáo đặc biệt gồm cả Bắc - Nam tông. Tầm vóc thống nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tầm vóc thống nhất có tính quốc tế nâng cao. Điều đó, thể hiện Phật giáo Việt Nam là sự dung nạp độc đáo hai hướng truyền bá chính của Phật giáo thế giới tại châu Á.

3. ĐỀ XUẤT HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG

Để thể hiện sâu sắc hơn nữa, trọn vẹn hơn nữa tính chất thống nhất toàn diện Bắc - Nam tông của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, góp phần thúc đẩy hoạt động đối ngoại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng là đồng thời thúc đẩy hoạt động ngoại giao nhân dân của nước ta đối với các nước theo Phật giáo Nam tông ở Đông Nam Á và Nam Á (như Lào, Campuchia, Thái Lan, Sri Lanka...), tông phái Phật giáo Theravāda trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần được thể hiện không phải như một tông phái địa phương với địa bàn hoạt động chủ yếu chỉ ở các tỉnh phía Nam, mà là một tông phái toàn quốc, là một phần diện mạo toàn quốc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là một điều cần thiết để thúc đẩy ngoại giao nhân dân giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước Đông Nam Á, Nam Á theo Phật giáo Nam tông. Vì lợi ích chung của đất nước và Giáo hội, chúng tôi đề nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam hỗ trợ tông phái Theravāda truyền bá ở các tỉnh phía Bắc, thể hiện một diện mạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Bắc - Nam tông ở phạm vi toàn quốc thật sự.

Trong mục tiêu này, ngoài sự việc trợ giúp thuận duyên từ Giáo hội Trung ương, nỗ lực của chính hệ phái Theravāda, cũng còn cần đến sự giúp đỡ từ chính quyền, trước hết trong việc kiến tạo một ngôi chùa Nam tông ở thủ đô.

Ngoài việc phục vụ cho hoạt động Tôn giáo mang tính chất thống nhất toàn diện, đa hệ phái của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hình thành diện mạo thống nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại thủ đô, ngôi chùa Phật giáo Theravāda tại Hà Nội còn là nơi các nhà ngoại giao, kiều dân các quốc gia Phật giáo Nam tông đến lễ bái, tu tập, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của số không nhỏ bạn bè quốc tế trong khối Đông Nam Á.

Hệ phái Theravāda luôn hướng đến việc kiến tạo một sự thống nhất tuyệt đối vững chắc, toàn diện, triệt để, có tính chất vĩnh viễn trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Sự phát triển của hệ phái Theravāda trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam là sự thể hiện sinh động bản chất và diện mạo thống nhất của Phật giáo Việt Nam. ●

Vì sao Phật giáo “đứng vững” trong tâm linh đông đảo người dân

Đi tìm câu hỏi vì sao ở Việt Nam, Phật giáo đã thực sự có được chỗ đứng vững chắc trong cuộc sống và tâm linh của đông đảo người dân, đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc. Nhân Đại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo (Ban Tôn giáo Chính phủ) đã có buổi đối thoại thú vị với Báo Pháp luật Việt Nam. Tạp chí PGNT xin giới thiệu buổi đối thoại trên với độc giả.

Xuân Hoa - Nguyệt Thương thực hiện

Luôn đi đầu thực hiện đại đoàn kết dân tộc

Thưa ông, ông có thể lý giải cơ duyên gì đã đưa Phật giáo đến với vị thế như ngày hôm nay ở đất nước Việt Nam và trong lòng người dân Việt?

- Nước ta hiện có 12 tôn giáo với trên 22 triệu tín đồ, gần 70 ngàn chức sắc, gần 22 ngàn cơ sở thờ tự. Trong đó, Phật giáo có trên 10 triệu tín đồ, hơn 45 nghìn chức sắc, gần 17 nghìn cơ sở thờ tự, con số đó đủ nói lên Phật giáo là tôn giáo có số lượng lớn so với các tôn giáo khác.

Trước khi Phật giáo du nhập tới nước ta, đã có một số tôn giáo từ nước ngoài truyền sang như Khổng giáo, Lão giáo từ Trung Quốc, trong nước đã có một số hình thức tín ngưỡng bản địa như thờ Mẫu, thờ Thánh, thờ thần nước, thờ thần rừng,..., sau khi Phật giáo du nhập vào nước ta theo thời gian còn có một số tôn giáo khác từ nước ngoài tiếp tục được truyền tới và trong nước có một số tôn giáo nội sinh.

Với triết lý nhân văn, được thể hiện qua tư tưởng từ bi, vô ngã và vị tha rất phù hợp với tình cảm, lối sống, suy nghĩ thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, trách nhiệm của mỗi con người trước cộng đồng.. của người Việt nên Phật giáo đã được đông đảo người Việt



Ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo

đón nhận và được thực hiện trong đời sống xã hội ngày một sâu rộng.

Trải qua nhiều biến cố lịch sử, trong suốt thời gian khá dài Phật giáo luôn tỏ rõ là một tôn giáo gần gũi, có nhiều đóng góp tạo nên lịch sử hào hùng của dân tộc và góp phần không nhỏ xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam. Phật giáo đã được nhiều nhà lãnh đạo đất nước trong các giai đoạn lịch sử khác nhau đánh giá là tôn giáo yêu nước, gần bó đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử gần 2000 năm có mặt tại Việt Nam

Phật giáo còn thể hiện qua việc góp phần vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Bằng chứng là các vị minh quân từ xưa tới nay đã biết khai thác tư tưởng, triết lý lục hòa của Phật giáo

để qua đó xây dựng khối đại đoàn kết, quy tụ lòng dân. Tư tưởng đạo Phật là tư tưởng từ bi, khoan dung, vô ngã không nghĩ tới cá nhân mà chỉ nghĩ đến những điều lớn lao cho mọi người, đó là xây dựng một xã hội an lạc, xây dựng một quốc gia hòa bình vì hạnh phúc chung của mọi người.

Chính điều đó đã giúp cho mọi người nhận thức được chân giá trị của mình trong đời sống xã hội, triệt tiêu mâu thuẫn giữa phe này nhóm khác và cùng nhau đoàn kết để xây dựng xã hội phát triển qua việc bảo vệ cuộc sống bình yên, chống giặc ngoại xâm, chấn hưng đất nước.

Xưa đã thế thì nay cũng thế, Phật giáo luôn là tôn giáo đi đầu gương mẫu trong thực hiện đoàn kết các tôn giáo để góp phần thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Phật giáo là tôn giáo luôn đi đầu trong xây dựng xã hội, hướng ứng và thực hiện tích cực các chương trình xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ người khó khăn, giúp nhau xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Hàng năm, Phật giáo huy động hàng trăm tỷ đồng để giúp cho đồng bào bị thiên tai dịch bệnh những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Riêng năm 2010, Phật giáo đã huy động gần 700 tỷ đồng để giúp đỡ đồng bào khó khăn bị thiên tai, dịch bệnh, ốm đau...

Những hoạt động, đóng góp của Phật giáo luôn là tấm gương để các tôn giáo khác noi theo, cũng đã có những hoạt động từ thiện hiệu quả góp phần cùng nhau xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Đó cũng chính là một trong những biểu hiện để khẳng định vai trò và giá trị đạo đức của tôn giáo.

Duy trì cân bằng đời sống xã hội, góp phần phát triển kinh tế

Có nhận định rằng, là một tôn giáo nhưng Phật giáo đã có rất nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Nhìn từ góc độ quản lý nhà nước về tôn giáo, ông nghĩ sao về nhận định này?

- Xin khẳng định ngay rằng, Phật giáo đã có sự đóng góp rất to lớn, không thể phủ nhận trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Trước hết, xin nói về đường hướng hành đạo, là một tổ chức tôn giáo nhưng Phật giáo luôn đảm bảo giữ vững quan điểm của một tổ chức tôn giáo yêu nước và đồng hành cùng dân tộc. Tại sao lại nói vậy? Vì nếu ngược dòng lịch sử thì

có thể nói 2000 năm qua với truyền thống yêu nước lúc nào Phật giáo cũng gắn bó với đất nước, dân tộc, thể hiện lòng yêu nước, sự mong muốn độc lập dân tộc, tự cường.

Còn trong giai đoạn lịch sử hiện tại thì Phật giáo là tôn giáo luôn ủng hộ chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong con đường xây dựng XHCN ở Việt Nam, qua đường hướng "Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội" mà Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã khẳng định từ khi thành lập năm 1981.

Đường hướng này khẳng định phương châm hành đạo nhưng đồng thời cũng thể hiện triết lý yêu hòa bình, hướng tới sự an lạc, đó là triết lý, là tư tưởng Phật giáo và đó cũng là mục đích của chủ nghĩa xã hội. Bản lĩnh này của Phật giáo đã có tác động rất lớn đến các Tôn giáo khác, để các Tôn giáo khác cũng phải có sự so sánh và điều chỉnh lại hành động của mình vì đất nước, vì dân tộc.

Về mặt kinh tế, tuy Phật giáo ít trực tiếp tạo ra sản phẩm kinh tế nhưng lại góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế - xã hội. Nói như vậy vì cần phải nhìn ở góc độ Phật giáo tích cực bảo tồn những giá trị vật chất mà tự nhiên đã có và con người đã làm ra.

Ví dụ, theo lời dạy của Phật giáo thì nếu muốn chặt cây, bắt cá cũng không được tận thu mà phải chừa cây con, cá bé lại để chúng tiếp tục có cơ hội sinh tồn, phát triển để là nguồn cung cấp cho người sau. Phật giáo cũng khuyến khích lao động thông qua đề cao việc mọi người phải tự giác lao động, mưu sinh qua một triết lý "Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực" có nghĩa là một ngày không làm là một ngày không ăn.

Người theo đạo Phật có thể không trực tiếp làm ra của cải nhưng thay vào đó là việc tu nhân tích đức để làm gương cho người khác học theo, làm theo nhằm duy trì một xã hội tích cực, ổn định thông qua việc "làm điều lành, không làm điều xấu". Sự đóng góp quan trọng nhất của Phật giáo trong lĩnh vực kinh tế chính là sự nỗ lực giáo dục con người duy trì sự cân bằng trong phát triển đời sống, tự nhiên và xã hội

Về mặt văn hóa, nhà bác học nổi tiếng Anhtan đã từng nói đại ý rằng: Nhân loại này muốn có một Tôn giáo cho tương lai, gắn liền Tôn giáo với khoa học, phù hợp với đời sống hiện đại thì Tôn giáo đó không gì khác ngoài Phật giáo. Qua đó thấy rằng, những người theo đạo Phật không đơn thuần chỉ là học triết lý nhà Phật

mà đã đạt tới kiến thức khoa học căn bản rất thiết thực.

Từ đây có thể nói truyền bá tư tưởng Phật giáo là truyền bá tư tưởng khoa học vào đời sống con người. Mặt khác, Phật giáo có nhiều đóng góp ở giá trị đạo đức vì theo nghĩa của Phật giáo: Tu học chính là sửa mình, sửa bỏ những thói quen xấu để luôn làm việc tốt nhằm có lợi cho mình và cho xã hội.

Ở Việt Nam, Phật giáo luôn có cơ duyên để phát triển

Hiện nay, ở Việt Nam có rất nhiều Tôn giáo và có thể nói các Tôn giáo đều có cơ hội, vận mệnh phát triển như nhau trong hành lang chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đây, ông có thể cho biết xu hướng vận động của Phật giáo trong thời gian tới sẽ ra sao?

- Đảng và Nhà nước ta ngay từ khi lập nước đã có chủ trương rất rõ ràng với tôn giáo, Sắc lệnh về tôn giáo mà Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 3/9/1945 là một minh chứng. Tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân được sắc lệnh khẳng định, tiếp đến điều đó đã được cụ thể hóa trong Hiến pháp và nhiều các văn bản pháp luật khác về sau và gần đây nhất là Pháp lệnh về Tín ngưỡng Tôn giáo và Nghị định 22 hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh.

Tất cả chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan tới tôn giáo đều nhằm đạt mục đích là: Làm sao để thực hiện tự do tín ngưỡng Tôn giáo đối với tất cả mọi người theo hoặc không theo Tôn giáo; đảm bảo tự do tín ngưỡng Tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật nhằm phát huy những giá trị tốt đẹp của Tôn giáo đóng góp cho đời sống xã hội đồng thời hạn chế việc lợi dụng Tôn giáo chống lại lợi ích của nhân dân, của đất nước.

Cũng cần nói thêm rằng Nhà nước Việt Nam không có chính sách riêng biệt cho bất kỳ Tôn giáo nào mà chủ trương bình đẳng mọi Tôn giáo. Hiện nước ta có 12 Tôn giáo và 33 tổ chức Tôn giáo đã được công nhận.

Còn nói về xu hướng vận động của Phật giáo thì hiện Phật giáo đang có cơ hội phát triển đặc biệt trên toàn thế giới chứ không riêng gì Việt Nam; vì từ năm 1999 LHQ đã chọn ngày Tam hợp đức Phật làm ngày Văn hóa Tôn giáo Thế giới. Sự lựa chọn này chứng tỏ Phật giáo đã có tính ưu việt hơn từ rất nhiều những giá trị mà nhân loại tìm thấy ở Phật giáo, trong đó có một số giá trị như tôi đã nói ở trên.



Chư tôn Giáo phẩm và lãnh đạo Nhà nước trong buổi lễ khánh thành tượng Đức Thánh Gióng (ảnh internet)



Gặp gỡ các vị đại biểu chức sắc các Tôn giáo (ảnh internet)



Kính mừng Phật Đản - PL 2555

Ở Việt Nam, Phật giáo đã gắn bó với đất nước, dân tộc suốt 2000 năm qua và hiện có những cơ duyên để Phật giáo phát triển hơn xuất phát từ nhu cầu tín ngưỡng của người dân cùng với chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước.

Xin cảm ơn ông. ●

**1. Sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

a) Vị Tỷ-kheo đi đến gốc cây, đi đến ngôi rừng hay tại ngôi nhà trống, ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô, chánh niệm vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy quán tri "tôi thở vô dài", cũng vậy thở ra dài, thở vô ngắn, thở ra ngắn, cảm giác toàn thân, an tịnh thân hành, vị ấy đều biết rõ như vậy.

b) Vị Tỷ-kheo, khi đi, quán tri "tôi đi"; khi đứng quán tri "tôi đứng"; khi ngồi quán tri "tôi ngồi"; khi nằm quán tri "tôi nằm". Phàm thân có hướng cử động như thế nào thời quán tri như vậy.

c) Vị Tỷ-kheo, khi bước tới bước lui, tỉnh giác việc đang làm, khi nhìn tới nhìn xung quanh...; khi co tay khi duỗi tay...; khi mang áo Sanghāti, bát, y...; khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm...; khi đi đại tiện, tiểu tiện...; khi đi, đứng, ngồi, nghỉ, thức, nói, im lặng, tỉnh giác việc mình đang làm.

Như vậy vị ấy sống, quán thân trên nội thân, hay sống quán thân trên ngoại thân, hay sống quán thân trên cả nội thân ngoại thân, hay sống quán tánh sanh, tánh diệt, tánh sanh diệt trên thân: "Có thân đây". Vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

d) Vị Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh đầu, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da (5), thịt, gân, xương, tủy(10), tim, gân, hoành cách mô, lá lách, phổi (15), ruột, màng ruột, bụng, phân, mật (20), đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ (25), nước mắt, mồ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu (31). Như vậy vị ấy sống... ở trên đời.

e) Vị Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới. Trong thân này có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới... Như vậy vị ấy sống... trên đời.

f) Vị Tỷ-kheo thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, trương phồng lên, xanh ú lại, thối nát ra, vị Tỷ-kheo quán thân ấy tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không thoát khỏi tánh chất ấy.

g) Vị Tỷ-kheo thấy thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa bị các loài quạ, điều hâu, các loài chó, loài giả can, các loài côn trùng ăn (quán như trên).

KINH NIỆM XỨ (SATIPATTHANA SUTTA)

HT. Thích Minh Châu

*Đức Phật dạy đây
là con đường độc
nhất đưa đến
thanh tịnh cho
chúng sanh, vượt
khỏi sầu não,
diệt trừ khổ ưu,
thành tựu chánh
trí, chứng ngộ
Niết bàn, chính
là bốn Niệm xứ.*

h) Vị Tỷ-kheo thấy thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa với bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại..., bộ xương còn liên kết với nhau, không dính thịt còn dính máu, còn được các đường gân cột lại..., các bộ xương còn liên kết với nhau, không có thịt và máu, còn được đường gân cột lại... chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia....

i) Vị Tỷ kheo thấy thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đồng xương lâu hơn ba năm..., chỉ còn lại xương thối thành bột. Tỷ kheo quán thân trên thân.

2. Sống quán thọ trên thọ:

Cảm giác các thọ như sau: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, lạc thọ thuộc vật chất, lạc thọ không thuộc vật chất, khổ thọ thuộc vật chất, khổ thọ không thuộc vật chất, bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất. Như vậy vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ, trên các ngoại thọ, trên các nội ngoại thọ: "Có thọ đây". Vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời.

3. Sống quán tâm trên tâm:

Tâm có tham biết tâm có tham, tâm không tham..., tâm có sân..., tâm không sân..., tâm có si..., tâm không si..., tâm tham nhiếp..., tâm tán loạn..., tâm đại hành..., tâm không đại hành..., tâm không vô thượng..., tâm vô thượng..., tâm không có định..., tâm có định..., tâm không giải thoát..., tâm giải thoát. Vị ấy sống quán tâm trên nội tâm, trên ngoại tâm, trên nội ngoại tâm, tánh sanh khởi, tánh diệt, tánh sanh diệt trên tâm: "Có tâm đây". Vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở đời.

4. Sống quán pháp trên các pháp:

a) Đối với năm triền cái: Tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi. Nếu nội tâm có triền cái nào, biết nội tâm có triền cái ấy, nội tâm không có, biết nội tâm không có, triền cái chưa sanh, nay sanh khởi, triền cái sanh rồi, nay được đoạn diệt, triền cái đã đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy biết như vậy.

b) Đối với năm thủ uẩn: Tỷ kheo suy tư năm thủ uẩn, năm thủ uẩn tập khởi, năm thủ uẩn đoạn diệt, con đường đưa đến năm thủ uẩn đoạn diệt.

c) Đối với sáu nội ngoại xứ: Tỷ kheo quán tri, khi con mắt thấy sắc, do duyên hai pháp này các kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh, nay sanh khởi, vị ấy quán tri như vậy. Với kiết sử đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy quán tri như vậy. Với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy quán tri như vậy. Cũng vậy đối với tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp.

d) Đối với bảy giác chi: Vị Tỷ kheo nội tâm có niệm giác chi, quán tri nội tâm có niệm giác chi, nội tâm không có niệm giác chi, quán tri nội tâm không có niệm giác chi. Với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy quán tri như vậy. Với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành vị ấy quán tri như vậy. Cũng vậy, đối với trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

e) Đối với bốn sự thật: Vị Tỷ kheo như thật quán tri, đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp, quán pháp trên các ngoại pháp, quán pháp trên các nội ngoại pháp, quán tánh sanh khởi, đoạn diệt, sanh diệt trên các pháp. Có những pháp ở đây, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời.

Đức Phật kết luận vị nào tu tập bốn niệm xứ trong bảy năm hay sáu năm, hay năm năm, hay bốn năm, hay ba năm, hay hai năm, hay một năm, hay bảy tháng, hay sáu tháng, hay năm tháng, hay bốn tháng, hay ba tháng, hay hai tháng, hay một tháng, hay nửa tháng, hay bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn dư ý chứng quả Bất hoàn. ●

GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tk. Indacanda Nguyệt Thiên dịch

PHẬN SỰ CỦA VỊ NGỰ Ở RỪNG

[428] Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ kheo cư ngụ ở trong rừng. Các vị ấy không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về vị trí của các ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp sau khi đi đến nơi ấy đã nói với các tỳ kheo ấy điều này:

- Thưa ngài có nước uống không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, có nước rửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, có lửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, có vật tạo lửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Thưa ngài, hôm nay liên quan đến điều gì?
- Anh bạn à, tôi không biết.
- Thưa ngài, hướng này là hướng gì?
- Anh bạn à, tôi không biết.

Khi ấy, bọn trộm cướp ấy (nghĩ rằng): "Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết vị trí của các ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là các tỳ kheo" nên đã đánh đập rồi bỏ đi.

Sau đó, các vị tỳ kheo ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ kheo. Các vị tỳ kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ kheo rằng:

- Nay các tỳ kheo, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ kheo ở rừng, các tỳ kheo ở rừng nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[429] Nay các tỳ kheo, vị tỳ kheo ở rừng sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, đắp y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung lại, đóng cửa lớn và cửa sổ, rồi rời chỗ trú ngụ. (Nghĩ rằng): "Bây giờ, ta sẽ đi vào làng," (vị ấy) nên tháo dép ra, để ở chỗ thấp, rũ sạch, rồi bỏ vào túi xách, đeo lên vai. Nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho chỉnh tề, trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc chỉnh tề, ... (như trên)..., không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này và ra bằng lối này." Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên rời đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý định bố thí." Trong khi được

dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực. Nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí xúp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) cầm lấy cái muỗng, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý định bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi rời đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được mặc tề chỉnh, ...(như trên)..., không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Khi đã đi ra khỏi làng, nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, cuốn tròn y lại, đội lên đầu, mang dép vào, rồi đi về.

Này các tỳ kheo, vị tỳ kheo ở rừng nên dự trữ nước uống, nên dự trữ nước rửa, nên dự trữ lửa, nên dự trữ vật tạo lửa, nên dự trữ cây gậy để chống, nên học về vị trí của các ngôi sao toàn bộ hoặc một phần, nên rành rẽ về các phương hướng.

Này các tỳ kheo, đây là phận sự của các tỳ kheo ở rừng, các tỳ kheo ở rừng nên thực hành đúng đắn theo như thế.

PHẬN SỰ Ở NƠI CƯ NGỰ

[430] Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ kheo đang may y ở ngoài trời. Các tỳ kheo nhóm Lục Sư đã đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị tỳ kheo đã bị lấm bụi. Các tỳ kheo ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ kheo nhóm Lục Sư lại đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ kheo bị lấm bụi?

Sau đó, các vị tỳ kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỳ kheo, nghe nói các tỳ kheo nhóm



Lục Sư đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ kheo bị lấm bụi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

... (như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ kheo rằng:

- Này các tỳ kheo, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở nơi cư ngụ cho các tỳ kheo, các tỳ kheo ở nơi cư ngụ nên thực hành đúng đắn theo như thế.

[431] Cư ngụ trong trú xá nào, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tọa cụ và ngoại cụ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván gối đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên dời (chúng) khỏi lỗ hổng, nên lau chùi các cửa sổ và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị dốm loang lổ nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị dốm loang lổ nên thấm ướt khăn chà

xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các tỳ kheo. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các trú xá. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước uống. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước rửa. Không nên đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Nên đập giũ sàng tọa ở phía dưới gió. Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong, và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ghế, làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng nệm gối, làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng giường tọa cụ và ngoại cụ ở một góc, làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ống nhổ ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong, và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gối đầu ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong, và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rến, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rến, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rến, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rến, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ

sinh có rác rến, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên lại đem nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu cư ngụ trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi điều tra, không nên học bài, không nên giảng Pháp, không nên thắp đèn, không nên thổi tắt đèn, không nên mở cửa sổ, không nên đóng cửa sổ. Nếu đi kinh hành cùng với vị thâm niên trên cùng một đường kinh hành, nên quay trở lui cùng lúc với vị thâm niên và không nên va chạm vị thâm niên dù là góc y hai lớp.

Này các tỳ kheo, đây là phận sự ở nơi cư ngụ của các tỳ kheo, các tỳ kheo ở nơi cư ngụ nên thực hành đúng đắn theo như thế. ●





Thiền sư Achaan Naeb

Wat Sraket là một hòn đảo êm ả, có những phòng ốc và tịnh viện thoáng mát ở trung tâm của Thái Lan. Viếng thăm thiền sư Achaan Naeb là một cơ duyên để thính pháp rõ ràng và trực tiếp.



Thiền sư Achaan Naeb

Tk. Thiện Minh (dịch)

Trước tiên bà dạy hành giả ngồi thoải mái sau đó khuyên hành giả không nên nhúc nhích. Dĩ nhiên không bao lâu, hành giả tự động bắt đầu chuyển đổi oai nghi. "Hãy kiên nhẫn chịu đựng nó. Tại sao quý vị nhúc nhích, lúc này đừng có nhúc nhích". Lời dạy của thiền sư chỉ trực tiếp vào nguyên nhân đau khổ rõ nhất, thân thể chính của chúng ta. Nếu đơn thuần chúng ta vẫn duy trì và cố kiềm chế không cho thân nhúc nhích, cuối cùng thì đau nhức tăng thêm cho nên chúng ta phải thay đổi oai nghi. Suốt ngày hầu hết tất cả công việc của chúng ta diễn ra cùng hình thức với nhau. Sau khi thức giấc, chúng ta tỉnh táo và đi xuống phòng tắm vệ sinh. Sau đó chúng ta ăn sáng. Sau nữa chúng ta ngồi xuống để thư giãn và đứng lên. Tiếp theo chúng ta đọc sách hay nói chuyện hoặc xem Tivi để làm lãng quên đi niềm đau tâm phiền não của chúng ta. Tiếp theo chúng ta nhúc nhích một lần nữa để làm thư giãn sự khó chịu khác. Mỗi sự chuyển động. Mỗi việc làm đều không mang lại niềm hạnh phúc nhưng để làm thư giãn sự đau khổ, không thể tránh được mà nó sinh ra trong thân thể. Phương pháp của thiền sư Achaan Naeb giản dị, nhìn vào nhân quả của đau khổ trong công việc và đời sống hàng ngày.

Ý niệm rõ về phương pháp này là lối đi vào trực tiếp để chấm dứt đau khổ và đây là hạnh phúc của bậc giác ngộ.

Achaan Naeb sắp đặt một số vấn đề Phật pháp quan trọng khác nữa. Trước tiên, bà nhấn mạnh rằng, hành giả phải có chánh kiến trước khi thực hành. Bà dạy rằng việc thành lập con đường trung đạo thì rất khó khăn. Không có chánh kiến và sự nhận thức, thì trí huệ sẽ không phát huy được. Chánh kiến này là sự hiểu biết, làm thế nào nhận thức tâm và vấn đề cho đúng đắn. Điều đó cũng có thể hiểu là những phiền

não phát sanh ra sao từ ái dục và có thể phân biệt giữa sự hiểu biết rõ ràng về những đề mục hiện tại, đó là thực hành đúng, và nếu hành giả tu tập cho tâm an chỉ định, đó là thực hành chưa chuẩn.

Bà nhấn mạnh đến sự phân biệt giữa thiền chỉ và thiền quán. Bất cứ sự dính mắc nào đến an chỉ định hay sự luyện tập không có phương pháp thì được xem đó là điều cản trở cho trí tuệ phát sinh. Chỉ có thiền quán mới đi đến sự quán chiếu trực tiếp bản chất thân tâm trong giờ phút hiện tại. Không có ráng sức quá độ mà cũng không nhập định, điều đó thì thích hợp cho người tu thiền quán. Thay vì chúng ta cố nài để nhận biết được thân tâm một cách trực tiếp khi chúng xuất hiện trong mọi oai nghi. Chúng ta sẽ thấy rõ làm sao đau nhức và khổ đau chạy khắp châu thân xuyên qua những hành động hàng ngày. Chúng ta cũng sẽ biết làm sao cho thân tâm tách rời nhau, hiện tượng rỗng tuếch thì thay đổi liên tục.

Thiền sư Achaan Naeb dạy, chỉ xuyên qua sự chú niệm trực tiếp thân và tâm thì đó là thực hành thiền quán để trí tuệ phát sanh. Bà nhấn mạnh duy nhất chỉ có Phật giáo mới đề cập đến Tứ niệm xứ như một con đường đi đến giác ngộ. Bà nhấn mạnh rằng không có con đường nào khác phải đi cả, đơn thuần chỉ tu tập theo dõi giây phút hiện tại, đặc biệt là thân tâm, và tại sao chúng ta di chuyển khi chúng ta làm.

Achaan Naeb khuyến khích chúng ta lắng nghe với sự hiểu biết để chúng ta có thể đạt được trí tuệ. Bà dạy: "Nghe với sự hiểu biết nghĩa là chúng ta lắng nghe mà không có những tư duy và ý kiến nào nhận thức trước cả. Nếu chúng ta lắng nghe với tâm cố chấp, thì những tư duy và ý kiến nhận thức trước của chúng ta sẽ bị che giấu, chân lý không thể hiển hiện, và đó là lý do chúng ta sẽ quên đi sự thành đạt trí

tuệ. Những thứ này chúng ta nên để qua một bên, và chúng ta nên lắng nghe với tâm cởi mở và không nên suy nghĩ về những gì thầy của chúng ta đã dạy trước đây. Và lại, chúng ta không nên suy nghĩ về người nói; anh ấy là ai, trong bất cứ trường hợp nào anh ấy là thầy chúng ta, và không cố chấp bất cứ thành kiến nào ngược lại anh ta. Chúng ta phải lắng nghe với tâm hồn cởi mở và cố tìm ra những gì người ta đã nói hợp lý, và những gì người ta nói dẫn chúng ta đi đến sự giác ngộ".

Một số trung tâm thiền ở Thái Lan (và cũng như Miến Điện) dạy theo phương pháp này, và nhiều người phương Tây đến viếng thăm và thực hành đã đạt được trí tuệ giải thoát.

Tu tập Thiền quán

Achaan Naeb chỉ rằng trong Phật giáo có hai phương pháp tu tập. Một là tu tập thiền Quán (Vipassana) và hai là tu tập thiền Chỉ (Samatha). Mục đích cuối cùng của thiền chỉ là ở sự tập trung, do con người liên tục chú tâm vào một đề mục, và sự tập trung này được trực tiếp cùng với một điểm duy nhất cho đến khi nào đạt được an chỉ định hoàn toàn. Loại tu tập này không mang đến cho hành giả trí tuệ thật sự mà cũng không có giải thoát và giác ngộ. Nó chỉ mang lại cho hành giả an định chỉ (Samadhi) mà thôi. Trái lại tu tập thiền quán, lấy trí tuệ của "bản chất thật"; hay nói cách khác biết được danh và sắc, tâm hay sở hữu tâm. Trí tuệ này là mục đích tu tập của thiền quán.

Các giai đoạn thanh tịnh

Sau khi chúng ta đã thực chứng bản chất rỗng không của thân và tâm rồi, thì trước tiên chúng ta đạt được mức độ trí tuệ của thiền quán, mà được gọi là tuệ phân biệt danh sắc. Nó là mức độ tuệ giác có thể giúp chúng ta cảm nhận trực tiếp sự riêng rẽ của thân và tâm trong mọi hiện tượng. Chúng ta phải hiểu rằng những trạng thái thân và tâm đã ngộ từ tuệ phân biệt danh sắc không giống như những trạng thái thân và tâm chúng ta hiểu biết do sự học tập hoặc sự lắng nghe. Bất cứ ai chưa trải qua tuệ xác định này không thể nào phân biệt sự khác nhau giữa tuệ phát sanh từ "lý thuyết" và tuệ phát sanh từ sự "thực chứng". Cho nên, bất cứ cái gì hành giả cảm nhận, nó vẫn còn là ảo giác về cái "tôi" hoặc bản ngã mà hành giả nghe hoặc thấy; mặc dù bị si mê bao phủ nhưng hành giả vẫn biết được thân và tâm là gì bằng lý thuyết của mình. Ví dụ, nếu tôi hỏi oai nghi ngồi là thân hay tâm, hành giả có thể trả lời rằng nó là thân. Nhưng thực tế khi hành giả đang ngồi, có phải hành giả nghĩ rằng oai nghi ngồi là thân không, và hành giả có thể phân chia cái thân rõ ràng từ những trạng thái tâm bao gồm không? Đây là sự khác nhau giữa sự thực hành và lý thuyết. Trong thực tế, để đạt được tuệ phân biệt danh sắc không phải là dễ, mặc dù nó là mức độ đầu tiên của tuệ giác đã tìm thấy trong sự tu tập của thiền quán. Cần phải có chánh niệm và định tâm mạnh mẽ

thì mới có thể phân biệt được điều này rõ trong mọi giây phút.

Bây giờ, chúng ta phải tiếp tục phát huy sự tu tập nhiều hơn, điều đó có nghĩa là chúng ta phải niệm những trạng thái thân và tâm cho đến một trình độ cao hơn. Lúc đầu, chúng ta không có quan tâm đến sự kiện là thân và tâm đó là những nhân tố có liên hệ với điều khác. Chúng ta chỉ biết niệm và chỉ biết những gì là thân và tâm thôi. Nhưng bây giờ chúng ta càng chú niệm những trạng thái thân tâm, chúng ta càng thấy rằng chúng sanh khởi từ những động cơ gì. Ví dụ, sự nghe phát sanh, chúng ta nhận thức rằng âm thanh là một nhân tố của sự nghe. Lúc có cảnh tượng, chúng ta nhận thức rằng màu sắc là một nhân tố của sự thấy. Trong trường hợp này, chúng ta cũng sẽ thấy loại tâm gì xuất hiện đó là kết quả của âm thanh và màu sắc. Đối với những oai nghi thân khác, hoặc sự chuyển động của thân, chúng ta phải liên tục chú niệm mọi lúc và sẽ thấy rằng thân đang chuyển động có tâm dẫn đầu. Thân bị thúc đẩy do tâm. Thân là tâm mà tâm trực tiếp làm cho thân đứng, ngồi, nằm hoặc thay đổi oai nghi, vì thế những oai nghi khác xảy ra. Tất cả những oai nghi thân này xảy ra bởi vì chúng có tâm dẫn đầu, và lúc loại tâm này xảy ra, nó có thân làm động cơ của nó. Như vậy những trạng thái thân tâm sẽ được thấy khi chúng xảy ra từ những nhân tố. Loại tuệ giác này xảy ra là sau khi chúng ta đạt được tuệ phân biệt danh sắc. Khi chúng ta niệm theo phương pháp này thì sự liên hệ nhân quả giữa thân và tâm sẽ được khám phá. Tuy nhiên, trước đây, chúng ta biết sự hiện hữu phải có thân và tâm, nhưng chúng ta không biết thân và tâm xuất hiện như thế nào hoặc từ những nguyên nhân gì. Lúc chúng ta chưa biết được điều này, chúng ta có thể nghĩ rằng sự hiện hữu của thân và tâm xuất phát từ một đấng thượng đế, như đã được trình bày bởi những tôn giáo khác. Nhưng khi chúng ta đạt đến mức độ tuệ minh sát và vấn đề đạt được, chúng ta sẽ biết rằng thân tâm không có xuất hiện bởi đấng tạo hóa nào cả. Thay vì chúng làm duyên bởi các nguyên nhân và những yếu tố, chúng liên hệ nhân quả với nhau. Thân và tâm được xem như là những yếu tố độc lập. Điều này được hiểu giống như chúng ta biết rằng âm thanh của một tiếng chuông reo, xuất phát từ hai điều: dây chuông và cái chuông. Nếu dây chuông không đụng cái chuông, thì không có âm thanh. Không ai tạo nên âm thanh của tiếng chuông này, và không có ai biết âm thanh ở đâu hoặc âm thanh đi về đâu; nhưng ngay khi có hai yếu tố trên thì âm thanh xuất hiện. Nếu chúng ta chiêm nghiệm điều này xuyên suốt trong sự liên hệ đến thân và tâm, thì câu hỏi và ẩn số về thân tâm xuất hiện và chúng ta hiểu điều gì làm cho chúng sanh diệt.

Trong mức độ của tuệ giác này, dù bây giờ chúng ta biết được những nhân quả của thân và tâm, tuy thế chúng ta vẫn chưa nhận thức đầy đủ về sự riêng rẽ của chúng, và chưa cảm nhận tiến trình nhanh chóng của thân và tâm và nhận thức được sự biến mất của

chúng. Nhưng trạng thái thân và tâm biến mất một cách nhanh chóng và tuệ giác chưa đủ sâu sắc, tuy thế chúng ta phải quán chiếu vấn đề này. Cho nên chúng ta phải tiếp tục niệm thân và tâm, cho đến khi chúng ta nhận ra sự biến mất của chúng. Ví dụ như, khi chúng ta thay đổi từ oai nghi ngồi sang oai nghi khác, chúng ta sẽ nhận ra được sự biến mất của oai nghi ngồi; hoặc khi chúng ta đứng và chúng ta không còn đứng nữa, chúng ta sẽ nhận ra sự biến mất của oai nghi đứng, và sẽ nhận ra sự phát sinh tiếp một oai nghi mới. Khi nhận thức được điều này, chúng ta sẽ biết rằng oai nghi đứng thì không thường hằng. Lúc ban đầu chúng ta sẽ cảm nhận những oai nghi và những cảm thọ của chúng ta trong sự hì lạc này. Khi chúng ta nhận ra sự biến mất của một oai nghi, chúng ta sẽ ghi nhận lập tức sự phát sinh của một oai nghi mới khác. Tuy thế, chúng ta chỉ nhận ra sự biến mất của một oai nghi chỉ khi oai nghi đó dừng lại. Chúng ta sẽ phải nhận thức sự phát sinh hiện tại và biến mất của thân trong oai nghi đó. Cho đến bây giờ, khi chúng ta nhận ra sự biến mất của oai nghi ngồi, chúng ta chỉ nhận ra nó khi oai nghi ngồi đã được chuyển sang một oai nghi khác. Tiếp đến chúng ta phải nhận ra sự biến mất của thân trong oai nghi ngồi trong lúc chúng ta vẫn còn đang ngồi. Điều này có nghĩa là tuệ giác đã đạt được sâu sắc hơn chúng ta có thể cảm nhận sự biến mất của thân trong lúc vẫn đang giữ oai nghi ngồi. Điều này xảy ra bởi việc ghi nhận sự riêng rẽ của tiến trình nhanh chóng của thân và tâm mà chúng ta sẽ cảm nhận trong lúc chúng ta đang còn ngồi. Khi việc tu tập tiếp tục, sự cảm nhận của chúng ta về tiến trình nhanh chóng này sẽ trở nên dứt khoát và kiên định. Khi có được mức độ tuệ minh sát này, thậm chí chúng ta sẽ biết được tất cả những hiện tượng trong quá khứ hoặc tương lai đều vô thường giống như nhau. Khi chúng ta có được tuệ giác này chúng ta không còn nghi ngờ bản chất của tương lai. Khi chúng ta cảm nhận và nhận thức được sự sanh diệt của những kiếp sống khác nhau, như vậy chúng ta đã đạt được mức độ tuệ giác được gọi là thông tuệ, và tuệ giác này giúp chúng ta nhận thức dứt khoát về những trạng thái thân tâm thì vô thường. Người ta nói rằng mức độ của tuệ minh sát này nhận ra được tam tướng, bởi vì nó cảm nhận được vô thường của thân và tâm, từng sát na sinh diệt của chúng, những điều phải cảm nhận là sự phân định rõ ràng tiến trình nhanh chóng của thân và tâm. Tuy thế sự sâu sắc của tuệ giác này vẫn chưa đủ mạnh và sắc sảo để đoạn trừ tận gốc rễ tà kiến chủ yếu nhất, ăn sâu vào trong tiềm thức của chúng ta.

Nếu chúng ta tiếp tục nhận thức, tuệ minh sát sẽ phát triển càng ngày càng sâu sắc, và sự nhận thức của chúng ta sẽ trở nên vi tế và sắc sảo hơn. Chúng ta càng chú niệm thì càng liên tục nhận chân được sự hiện hữu, bất chấp đề mục nào. Bây giờ sự nhận thức của một sự hiện hữu sẽ được mở rộng rõ ràng hơn và sự phân định sắc bén về sự sanh diệt của thân

và tâm sẽ được hành giả nhận ra. Khi chúng ta cảm nhận sự phân định rõ ràng về trạng thái sanh diệt của thân và tâm, chúng ta sẽ đạt được mức độ của tuệ minh sát được gọi là tuệ sanh diệt. Mức độ của tuệ minh sát này cũng bao gồm tất cả những nhận thức của ba tuệ đầu tiên trong nó. Bây giờ hành giả cảm nhận được tuệ đầu tiên mà tuệ này cảm nhận tất cả hiện hữu đơn thuần chỉ là thân tâm; mức độ tuệ giác thứ hai là cảm nhận được nhân sanh diệt của thân và tâm; mức độ thứ ba của tuệ giác là cảm nhận được những đặc tướng của những trạng thái sanh diệt của thân và tâm, tuy thế mức độ phân định của chúng chưa rõ ràng.

Bây giờ, con đường chánh đạo thiền quán đã được bắt đầu với kinh nghiệm của tuệ sanh diệt. Mức độ tuệ giác này rất quan trọng và tuệ giác này đầu tiên cảm nhận được những phân định rõ ràng về tiến trình nhanh chóng của thân và tâm. Với chánh niệm gia tăng, tuệ sanh diệt càng trở nên sắc sảo hơn. Tuệ giác này giúp hành giả thấy rõ rằng sát na sanh tử luân hồi, thấy rõ những khoảng trống đã được phân định của từng trạng thái của thân và tâm khi chúng sanh diệt. Để có tuệ giác này thì phải có một trí tuệ rất sắc bén. Loại trí tuệ này sẽ đoạn trừ và tiêu hủy ảo giác về sự thường còn của thân và tâm, nó sẽ cho thấy rằng thân và tâm không là nguồn hạnh phúc vĩnh cửu và bản ngã chúng ta rằng không hoặc không có "tôi". Tuệ giác này sẽ đoạn trừ nhiều tà kiến đã ăn sâu trong tiềm thức của chúng ta. Tuy thế tuệ giác này vẫn tạm thời, và nó không thể đoạn trừ tất cả những tà kiến. Nó sẽ bắt đầu phát sinh những phiền não, đặc biệt là những tà kiến làm sai lạc cảm nhận "thân" có thật. Thực tế, mức độ tuệ giác này hết sức mạnh, đến nỗi thiền sư sẽ không bảo đảm được rằng, hành giả đã nhận thức ra được chân lý, chính với tuệ giác của mình, hành giả có thể phán đoán chính xác cùng với sự vững chắc. Ở điểm này, hì lạc sẽ phát sanh trong tâm. Sự cảm nhận rõ ràng như thế này hành giả chưa từng cảm nhận trước đây. Đây là tầng giải thoát thứ nhất trong tâm (còn tiếp). ●



Thiền viện Boonkanjanaram Trung tâm Thiền nổi tiếng của bà Ajahn Naeb tại Pataya, Thái Lan.

Lịch sử và tình hình văn học Phật giáo từ đời Lý đến đầu đời Trần

TT. TS. Thích Phước Đạt
(tiếp theo)

Chỉ cần xem qua Thiền uyển tập anh và một số thư tịch cổ xưa khác cũng đủ minh họa cho lực lượng sáng tác văn học Phật giáo thời này thật hùng hậu. Tác giả của bộ phận văn học này chủ yếu là thiền sư, thứ đến là vua chúa, quý tộc, quan lại và một bộ phận nhỏ nho sĩ sùng mộ đạo Phật. Nội dung sáng tác thể hiện rõ thế giới quan, nhân sinh quan Phật giáo, triết lý, đạo đức, giáo dục, lễ nghi mang âm hưởng màu sắc văn hoá đạo Phật hoặc mang cảm hứng Thiền đạo. Về mặt thể loại ngoài kệ và thơ thiền là thể loại chiếm số lượng lớn, văn học Phật giáo còn có các thể loại khác như: sấm vĩ, từ khúc, ai, điệu, tán tụng, tụng cổ, niệm tụng kệ, ngữ lục, luận thuyết tôn giáo, bi, minh, ký, truyện truyền đăng, thiền phả... Nhìn ở góc độ thể loại văn học mà nói, việc các tác giả sử dụng nhiều thể loại để sáng tác đủ minh chứng cho tình hình sáng tác văn học Phật giáo thời kỳ này thật phong phú về nội dung phản ánh và hình thức thể hiện. Suy cho cùng, văn học Lý Trần, trong đó có văn học Phật giáo Lý Trần, theo quy luật chịu ảnh hưởng của hệ thống thể loại, thì pháp văn học trung đại, đậm đặc tính chức năng, giáo hoá, giáo huấn, bác học trang nhã, quy phạm, bút pháp ước lệ tượng trưng và chịu ảnh hưởng thế giới quan tôn giáo. Cho dù bộ phận văn học ấy được sáng tác dưới ánh sáng của tư tưởng Phật giáo Thiền tông nhưng tư tưởng ấy mang tính Tam giáo đồng nguyên đã được dung hoà rồi Việt hoá. Cho nên không lấy làm lạ, đọc các tác phẩm văn học thời này ta bắt gặp các yếu tố như điển tích, thi văn liệu lấy từ Thánh kinh Hiền truyện, các yếu tố ngôn ngữ của Nho, Lão. Đó chỉ là sự tiếp biến của nguyên lý nhà Phật "một là tất cả, tất cả

là một", sự thể hiện chẳng qua là "phương tiện quyền xảo" để giáo hoá mà thôi. Rõ ràng, việc xác định cụ thể các thể loại, thể tài văn học thời Lý Trần, trong đó có văn học Phật giáo chỉ mang tính chất tương đối. Nguyễn Huệ Chi đã định hướng cho cách phân loại thể loại văn học Lý Trần như sau trong phần "Khảo luận văn bản", trong bộ Thơ văn Lý Trần, tập 1: "Chỉ có thống kê tỷ mỉ tất cả mọi đặc điểm riêng và chung, về nghệ thuật cũng như về phương thức biểu hiện nội dung tác phẩm, của mọi thể thức viết văn mà thời đại Lý Trần đã thông dụng thì mới phân định được thật hợp lý các thể loại văn học Lý Trần. Những đặc điểm chung nhất và bền vững nhất cho một số hình thức văn chương sẽ có tác dụng tập hợp các hình thức đó vào trong một loại. Những đặc điểm thấp hơn, riêng biệt hơn và cũng kém bền vững hơn, sẽ làm cho mỗi loại phân thành nhiều thể. Và những đặc tính trung gian giữa từng loại, thể lại có tác dụng nối các loại các thể trong một chỉnh thể với nhau⁽¹⁾".

Văn học Phật giáo đã thể hiện hầu hết các thể loại và không ngừng phát triển về hình thức thể hiện để đáp ứng nhu cầu đời sống văn học. Bằng chứng từ kệ và thơ thiền, tụng, từ khúc, bi, ký, minh... thể hiện ở các tác phẩm đời Lý thì sang đầu đời Trần và về sau đã xuất hiện thêm ca, tụng cổ, phú, luận thuyết tôn giáo, thơ trữ tình, thơ tự sự, các thể truyện, truyền đăng... Thậm chí, trong một tác phẩm lại dùng nhiều thể loại, thể tài để sáng tác như Khoá hư lục của Trần Thái Tông chẳng hạn.

Về ngôn ngữ, văn học Phật giáo Lý Trần bên

1. Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 1, sđd, tr. 49 - 187.

cạnh sử dụng chữ Hán là chủ yếu thì còn sử dụng chữ Nôm để sáng tác. Dù mảng văn học chữ Nôm của bộ phận văn học này qua thư tịch hiện còn lại rất ít nhưng cũng phải khẳng định rằng nhà chùa là nơi đầu tiên chế tác ra chữ Nôm. Việc các nhà sư do yêu cầu thực hiện lễ nghi tôn giáo khi cầu nguyện cho thập phương bá tánh, cần ghi tên thí chủ, tên làng, tên xã vào các văn tự số điệp để hành lễ mà những tên tuổi, địa danh quê quán này trong chữ Hán không có.

Về sau, các vị Tổ phái Trúc Lâm đời Trần sử dụng chữ Nôm để sáng tác văn học đủ chứng tỏ sự tiếp biến ngôn ngữ văn tự nước ta thật hoàn mỹ, như là một gia sản quý báu, chứng tỏ bản lĩnh văn hoá của dân tộc đã được khẳng định, phát triển và nâng cao. Nhà ngôn ngữ học Nguyễn Tài Cẩn đã viết: "Sự xuất hiện chữ Nôm đáng được coi như là một cái mốc lớn trên con đường tiến lên của lịch sử. Và kho tàng văn bản chữ Nôm cũng như bản thân chữ Nôm được coi như là một gia tài văn hoá quý báu của dân tộc ta⁽²⁾".

Nhìn chung, các tác phẩm văn học Phật giáo Lý Trần đều có mục đích là phục vụ cho yêu cầu cuộc sống hiện thực của dân tộc. Đề tài của nó tập trung phản ánh trước hết là giải bày thế giới tâm linh của những thiền sư đặc đạo thuộc các dòng thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường đời Lý và Trúc Lâm Yên Tử đầu đời Trần. Đọc bất cứ tác phẩm nào, chúng ta cũng cảm nhận sức sống vô biên được khơi nguồn từ triết lý nhà Phật. Bài kệ Thị tịch của thiền sư Vạn Hạnh là một minh chứng:

*"Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô⁽³⁾".*

*(Thân như bóng chớp có rồi không,
Cây cối xuân tươi thu nẫu nùng.
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi,
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông⁽⁴⁾).*

Như con tim nắm giữ sinh mệnh con người, cũng vậy một tâm thức an tịnh bao giờ cũng an trú trong thế giới tự do, không bị lay động

2. Nhiều tác giả, *Thiền học đời Trần*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1995, tr. 515 – 516.

3. *Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr.218.*

4. Ngô Tất Tố, *Văn học đời Lý*, Mai Lĩnh, Hà Nội, 1942, tr. 30.



Một bản kinh Phật có từ đời Lý (ảnh internet)

bởi sự hưng thịnh trần thế. Bài thơ như bức thông điệp giải trình sự thắng chứng tâm linh, liễu ngộ Phật pháp. Con người không còn lo âu sợ hãi mà tích cực dẫn thân để đóng góp cho đời.

Với một tinh thần "Quốc tộ" mà thiền sư Pháp Thuận khởi xướng, một Vạn Hạnh "ưu thời mẫn thế", còn Pháp Bảo, Viên Thông thì yêu cầu nhà vua phải biết "sửa mình, yêu người", Quốc sư Phù Vân (Viên Chứng) thì đề nghị Trần Thái Tông "lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình⁽⁵⁾". Đây chính là những nguồn cảm hứng để các tác giả tạo ra những áng văn chương để đời, nhằm tổng kết các thành tựu đạt được từ văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội lúc bấy giờ. Các tác giả cũng không quên ghi nhận những tấm gương cao cả của thời đại đã làm nên lịch sử thời Lý Trần.

Bài văn bia "Đại Việt quốc đương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi⁽⁶⁾" của Thượng thư Nguyễn Công Bật là một minh chứng. Nội dung bài văn bia như một bản báo cáo tổng kết sự thành tựu của vương triều nhà Lý với tất cả niềm tự hào của một người dân yêu nước, một Phật tử thấm nhuần đạo pháp. Toàn bài văn đã toát lên tinh thần hào khí dân tộc "Tinh thông tới chỗ yếu huyền; pháp thuật ngoại quyền, thấu tóm toàn ý chỉ. Đúc lời đẹp như đá vàng, sáng loà tinh đấu..." Đời sống sinh hoạt của người dân Đại Việt trở nên khởi sắc, phong phú, biểu lộ sự cường thịnh của quốc gia biết dùng Chánh pháp nhà Phật để giáo hoá quần chúng, sánh vai các cường quốc lân bang: "...Kẻ trở oai trong chốc lát,

5. Trần Thái Tông, *Khóa hư lục*, Đào Duy Anh dịch và giới thiệu, Nxb KHXH, Hà Nội, 1974, tr. 114.

6. *Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr. 388.*

người đón rước lúc bấy giờ. Lân quốc mền nên dất già bể trẻ; chư hầu về mà vượt lũy bằng tường. Chăm chú đón xem; chờ mong được thấy. Khấp chồn trang hoàng gấm vóc; hàng trăm vui vẻ ba ngày. Đưa mọi người lên cõi hồ thiên; đặt quần chúng vào nơi Lạc quốc⁽⁷⁾...”

Bài văn bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn đã ca ngợi Lý Thường Kiệt là một vị thái úy tài đức vẹn toàn: “Thái úy biết rằng dân lấy sự no ấm làm đầu, nước lấy nghề nông làm gốc, cho nên không để lỡ thời vụ, tài giỏi mà không khoe khoang. Nuôi dưỡng cả đến người già nhờ thể mà được yên thân. Phép tắc như vậy có thể là cái gốc trị nước, cái thuật yên dân, sự tốt đẹp từ ở đây cả⁽⁸⁾”. Bài Bia chùa Báo Ân ở Thanh Hoá, Chu Văn Thường đã hết lời ca ngợi Lý Thường Kiệt là vị tướng tài ba, có công lớn trong việc xây dựng vương triều nhà Lý thái bình; một Phật tử thuần thành, đóng góp nhiều công đức lớn trong việc phát triển đất nước như là niềm tự hào cả dân tộc.

Hẳn nhiên, các tác gia thời đó cũng để lại những bài thơ tán tụng các bậc long tượng trong giới Thiền môn như bài Truy tán Tỳ-ni-đa-lưu-chi; Tán Giác Hải thiền sư... Tất cả những gì văn học Phật giáo Lý Trần phản ánh là để minh chứng và lý giải vấn đề tinh thần dân tộc như Đinh Gia Khánh đã nhận định “Nhìn chung, nếu văn học Thiền tông có một vị trí nhất định trong lịch sử văn học thì chính là vì các thiền sư đã ít nhiều có tinh thần dân tộc, thì chính là vì các tác giả trong khi là nhà sư lại vẫn hành động và suy nghĩ như người dân nước Đại Việt⁽⁹⁾”.

Tình yêu thiên nhiên, xúc cảm về quê hương xứ sở, giải bày cõi lòng với những con người đang hiện hữu là những đề tài quen thuộc được các thiền sư thể hiện. Bài thơ Ngôn hoài, Ngư nhàn theo Thiền uyển tập anh là của thiền sư Không Lộ là một minh chứng cụ thể. Nói theo thể giới thi ca Thiền tông, chỉ cần một âm vọng của thực tại “Không tánh” cũng đủ làm tê lạnh sự biến động thế giới được vận hành bởi tâm lý tham - sân - si. Phải hiểu như thế, chúng ta mới cắt nghĩa hết hình tượng “Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư” (Một tiếng kêu vang lạnh cả trời⁽¹⁰⁾).

7. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr. 488.

8. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr. 362.

9. Đinh Gia Khánh – Bùi Duy Tân – Mai Cao Chương, Văn học Việt Nam thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XIII, tập 1, Nxb Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp, Hà Nội tái bản, 1992, tr. 103.

10. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr. 385.

Đến với bài thơ “Ngư nhàn⁽¹¹⁾”, cảnh giới hạnh phúc của người dân Đại Việt như hiện ra trước mắt với khung cảnh làng quê, non nước hữu tình. Hình ảnh ông chài tự tại, đánh một giấc ngủ ngon lành mãi cho đến trưa khi tuyết đã rơi đầy thuyền “Ngư ông thuy trước vô nhân hoán, Quá ngọ tinh lai tuyết mãn thuyền”. Xem ra, thiền sư Không Lộ không viết những trang sách triết lý bàn về bản thể, hiện tượng hay xiển dương chủ nghĩa khắc kỷ, khoái lạc mà chỉ để lại những vần thơ ngắn, chứa đựng những hình ảnh thi vị ngọt ngào, quý giá hơn những pho sách dày.

Tại đây, chúng ta có đủ cơ sở để lý giải sự phát triển sự không ngừng nền văn học thời kỳ này, nhất là văn học Phật giáo trên mọi phương diện, từ nội dung tư tưởng cho đến hình thức nghệ thuật biểu hiện, đúng như lời nhận định của Nguyễn Công Lý: “Nếu như ở văn học đời Lý đa số tác giả là thiền sư đặc đạo thì tác giả văn học đời Trần lại đa dạng hơn vì được mở rộng thêm. Bên cạnh thiền sư còn có vua chúa, quý tộc, quan lại, nho sĩ tu thiền hay mang cảm hứng thiền. Về loại hình thể loại, nếu văn học đời Lý chỉ có sấm vĩ từ khúc, kệ và thơ thiền, ngũ lục, minh bi ký, truyện (thực lục, hành trạng) thì văn học Phật giáo đời Trần còn xuất hiện thêm thơ trữ tình, phú, ca, tụng cổ, niệm tụng kệ, luận thuyết tôn giáo, truyện ký và văn học phê bình. Tuy số lượng tác giả văn học Phật giáo đời Trần ít hơn văn học Phật giáo đời Lý nhưng số tác phẩm lại nhiều hơn, thể loại phong phú hơn. Về nội dung chuyển tải, nếu các tác phẩm văn học Phật giáo đời Lý thường thể hiện giáo lý nhà Phật thông qua một hình thức ngắn gọn, cô đúc thì các tác phẩm văn học Phật giáo đời Trần có dung lượng bề thế hơn; nội dung không chỉ đề cập đến Thiền, Phật mà còn nêu lên nhiều vấn đề khác của cuộc sống⁽¹²⁾”.

Đây chính là tiền đề, điều kiện cần và đủ để Trần Thái Tông làm ra tác phẩm “Khoá hư lục” bất hủ để đời. Hẳn nhiên, Khoá hư lục của Trần Thái Tông là một tác phẩm văn học xuất sắc không chỉ có giá trị nội dung tư tưởng mà còn chiếm lĩnh giá trị tư duy nghệ thuật, hình thức biểu đạt từ thể loại cho đến ngôn ngữ của văn học Phật giáo đầu đời Trần (còn tiếp). ●

11. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, sđd, tr. 388.

12. Nguyễn Công Lý, Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2002, tr. 164.

Lực Lượng Sáng Tác Văn Học Phật Giáo THỜI LÝ - TRẦN

Lý Thị Mai

Hội Khoa Học Lịch Sử TP. HCM

Không ai phủ nhận rằng văn học Phật giáo là một thực thể tồn tại lâu dài và từng có những cống hiến xuất sắc cho lịch sử văn học dân tộc. Một số công trình khảo cứu công phu và nghiêm túc, liên tục được công bố trong mấy chục năm qua đã xác nhận điều đó. Báo cáo nhỏ này chỉ xin sơ bộ góp thêm đôi lời về lực lượng sáng tác văn học Phật giáo thời Lý - Trần.

Nhà sư và các tác giả giàu thiện cảm với nhà Phật là lực lượng sáng tác văn học chiếm vị thế áp đảo dưới thời Lý (1010 - 1225)

Thực ra, vị thế này đã được xác lập từ trước thời Lý. Kể nói tới các tác giả lớn của thế kỷ X, không ai có thể quên tên tuổi của ba bậc Thiền Sư nổi tiếng là Ngô Chân Lưu⁽¹⁾, Đỗ Pháp Thuận⁽²⁾ và Vạn Hạnh⁽³⁾. Họ không chỉ là những cố vấn chính trị sắc sảo và giàu bản lĩnh của các Hoàng Đế đương thời mà còn là những cây bút rất tài hoa.

1. Ngô Chân Lưu (933-1011) là Thiền Sư thuộc dòng Vô Ngôn Thông, nổi tiếng từ thời Đinh Tiên Hoàng, được Đinh Tiên Hoàng ban hiệu là Khuông Việt Đại Sư (bậc Đại Sư khuông phò nước Việt). Sau ông tiếp tục giúp Lê Hoàn và sống đến khi nhà Lý được thành lập mới viên tịch.

2. Đỗ Pháp Thuận (915-990) là Thiền Sư thuộc dòng Vinitaruci. Thiền Sư đã có nhiều công lao trong việc giúp Lê Hoàn trị nước.

3. Vạn Hạnh (?-1018) là Thiền Sư đã có công nuôi dạy Lý Công Uẩn, sau lại công phu chuẩn bị cả về dư luận và tổ chức để đưa Lý Công Uẩn lên ngôi, lập ra nhà Lý. Ông được Lý Công Uẩn phong làm Quốc Sư.

Tham khảo các công trình giới thiệu về văn học thời Lý Trần⁽⁴⁾, chúng tôi thấy dưới thời Lý, lực lượng sáng tác văn học xuất thân là Nho gia chỉ chiếm một phần không đáng kể. Sau khi tiến hành thống kê và sơ bộ phân loại, chúng tôi thấy trong tổng số 52 tác giả văn học hiện vẫn còn tác phẩm lưu giữ được, có :

- 37 tác giả là Thiền Sư.
- 9 tác giả là người tu tại gia.
- 3 tác giả là người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của triết lý nhà Phật.
- 3 tác giả là người giàu thiện cảm với nhà Phật.

Dưới đây là bản liệt kê họ tên hoặc đạo hiệu của từng tác giả thuộc các nhóm cụ thể. Trong bản liệt kê này không có Thiền Sư Vạn Hạnh vì sự nghiệp sáng tác của ông chủ yếu là thuộc thế kỷ X.

1. Nhóm thứ nhất: Các tác giả là Thiền sư

- Trưởng lão Định Hương (?-1051): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền lão Thiền sư (thời Lý Thái Tông): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Cứu Chỉ (thời Lý Thái Tông): dòng Vô Ngôn Thông

4. Công trình lớn nhất là thơ văn Lý - Trần do các học giả của Viện Văn Học thuộc Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam biên soạn. Sách gồm 3 tập. Nhà xuất bản KHXH ấn hành năm 1978.

- Thiền sư Viên Chiếu (999-1090): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Mãn Giác (1052-1100): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Ngộ Ấn (1019-1088): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Không Lộ (?-1119): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Giác Hải (thời Lý Nhân Tông): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Bảo Giám (?-1173): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Đạo Huệ (thời Lý Anh Tông): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Bản Tịnh (1100-1176): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Tịnh Không (1091-1170): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Nguyên Học (?-1174): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Đại Xả (1120-1189): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Trí Bảo (?-1190): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Tịnh Giới (?-1207): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Quảng Nghiêm (1121-1190): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Minh Trí (?-1196): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Trường Nguyên (1110-1165): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Thường Chiếu (?-1203): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Hiện Quang (?-1220): dòng Vô Ngôn Thông
- Thiền sư Thuần Chân (?-1101): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Đạo Hạnh (?-1115): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Trì Bát (1049-1117): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Huệ Sinh (?-1063): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Khánh Hỷ (1066-1142): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Giới Không (thời Lý Nhân Tông): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Chân Không (1045-1100): dòng

Vinitaruci

- Thiền sư Trí Huyền (thời Lý Nhân Tông): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Trí Thiền (thời Lý Anh Tông): dòng Vinitaruci
- Ni sư Diệu Nhân (1041-1113): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Viên Học (1072-1136): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Viên Thông (1080-1151): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Y Sơn (?-1213): dòng Vinitaruci
- Thiền sư Pháp Bảo (thời Lý Nhân Tông): chưa rõ dòng tu
- Thiền sư Nguyên Thường (thời Lý Cao Tông): chưa rõ dòng tu
- Lý Huệ Tông là Hoàng đế, đi tu 2 năm thì bị bức tử, chưa rõ dòng tu

2. Nhóm thứ hai: Các tác giả là những người tu tại gia

- Hoàng Đế Lý Thánh Tông (1054-1072): dòng Thảo Đường
- Linh nhân Hoàng Thái hậu tức Ý Lan (?-1117): dòng Thảo Đường
- Chu Văn Thường (?-?): chưa rõ dòng tu
- Lý Thừa Ân (?-?): chưa rõ dòng tu
- Đoàn Văn Khâm (?-?): chưa rõ dòng tu
- Nguyễn Công Bật (?-?): chưa rõ dòng tu
- Hoàng Đế Lý Anh Tông (1138-1175): dòng Thảo Đường
- Hoàng đế Lý Cao Tông (1175-1210): dòng Thảo Đường
- Ngụy Tư Hiền (?-?): chưa rõ dòng tu

3. Nhóm thứ ba: Các tác giả là những người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của triết lý nhà Phật

- Dĩnh Đạt (?-?)
- Hoàng Đế Lý Thái Tông (1028-1054)
- Hoàng Đế Lý Nhân Tông (1072-1127)

4. Nhóm thứ tư: Các tác giả là những người giàu thiện cảm với nhà Phật

- Hoàng đế Lý Thái Tổ (1010-1028)
- Lê Văn Thịnh⁽⁵⁾ (?-?)

5. Xét về hành trạng, Lê Văn Thịnh chẳng khác gì một Đạo sĩ thực thụ nhưng xét về ứng xử thì Lê Văn Thịnh rất giàu thiện cảm với nhà Phật.

- Lý Thường Kiệt (1019-1105)

Trong số 52 tác giả thuộc 4 nhóm nói trên, có tác giả đã để lại cho đời không ít những tác phẩm thực sự có giá trị lâu dài. Trong nhóm thứ nhất, nổi bật hơn cả là Thiền Sư Mãn Giác và Thiền Sư Thích Pháp Bảo.

Thiền Sư Mãn Giác vốn có thể danh là Lý Trường và pháp danh là Hoài Tín Trưởng Lão. Sau khi viên tịch, ông được Hoàng Đế Lý Nhân Tông ban hiệu là Mãn Giác nên đời vẫn thường gọi ông là Thiền Sư Mãn Giác. Hậu thế hầu như ai cũng biết đến bài CÁO TẬT THỊ CHÚNG với lời thơ rất độc đáo :

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai
(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai).*

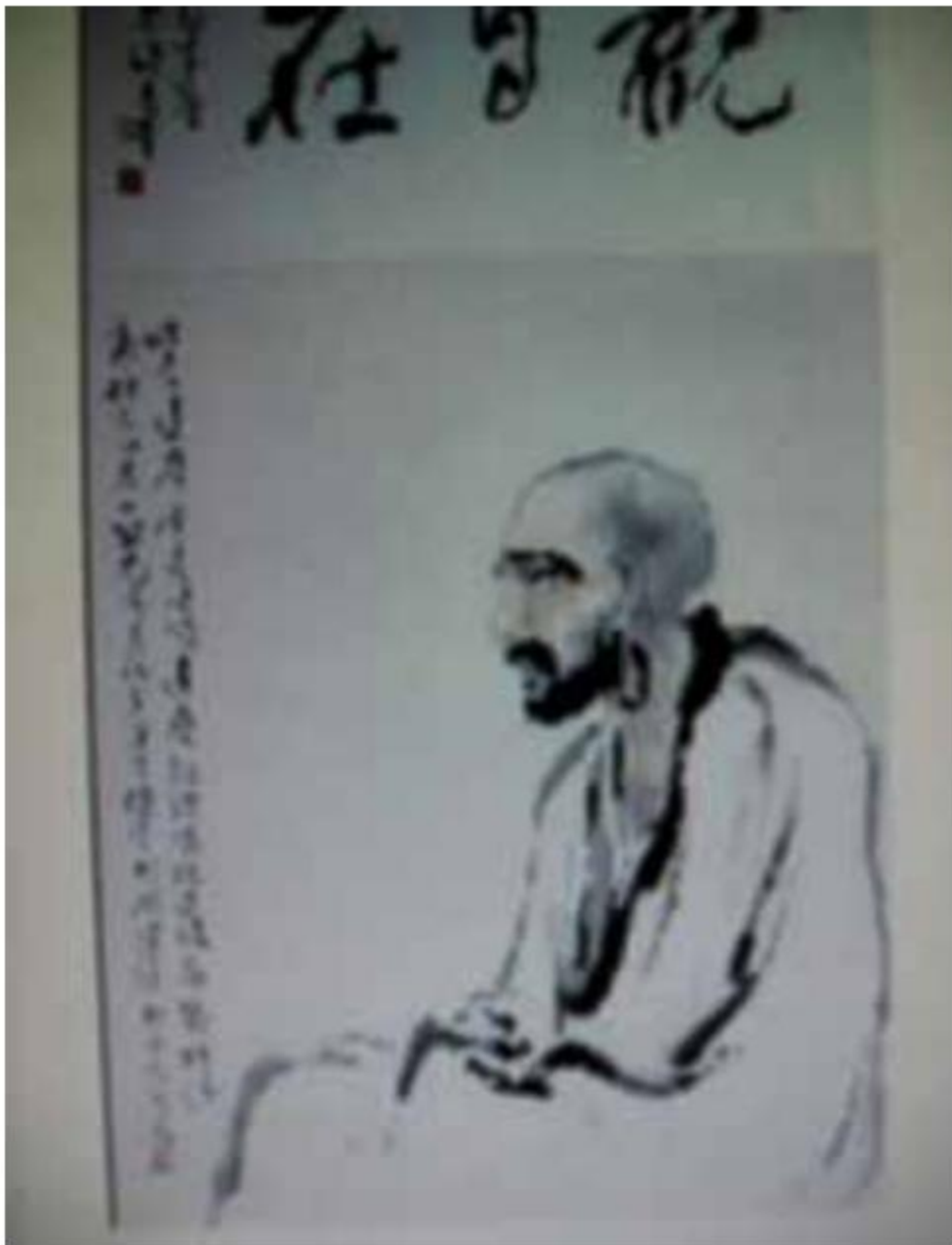
Thiền sư Thích Pháp Bảo cũng tức là Thiền Sư Giác Tính Hải Chiếu, tác giả của Ngưỡng Sơn Linh Xứng Tự Bi Minh (bài minh khắc trên bia,

đặt ở chùa Linh Xứng tại Ngưỡng Sơn) rất nổi tiếng. Bài minh khá dài này có đoạn ca ngợi Lý Thường Kiệt như sau:

*Việt hữu Lý Công
Cổ nhân chuẩn thức
Mạc quận ký ninh
Chưởng sự tất khắc
Danh dương hàm hạ
Thanh chấn hà vực
(Nước Việt có Lý Công
Theo đúng phép tổ tông
Cầm quân là tất thắng
Trị nước dân yên lòng
Danh lừng thiên hạ
Tiếng vang khắp núi sông⁶⁾).*

Các tác giả thuộc nhóm thứ hai và nhóm thứ ba thường chủ yếu là để lại các bài kệ. Tuy cũng là một thể loại sáng tác quen thuộc đối với các bậc tu hành nhưng tính phổ biến của kệ không rộng lớn như các thể loại khác. Trong số những tác giả thuộc nhóm thứ tư, lừng danh hơn cả là Lý Thường Kiệt. Ông vừa là bậc đại danh tướng, vừa là cây đại bút của văn học dân tộc. Chỉ cần là tác giả của bài Nam Quốc Sơn Hà, tên tuổi của Lý Thường Kiệt cũng đã đủ để bất diệt với muôn đời đất nước này (còn tiếp). ●

6. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần in trong Danh Tướng Việt Nam (tập 1). Nhà xuất bản Giáo Dục. 1996. Bản tái bản lần thứ 10.



Tranh Thiền sư Mãn Giác và bài Cáo Tật Thị Chúng (ảnh internet)



Tranh minh họa
Lý Thường Kiệt và bài thơ thần Sông Núi nước Nam (ảnh internet)



Giải pháp ngừa tội phạm bằng Phật giáo lên Diễn đàn Quốc hội

Trọng Hoàng (ghi)

Trong phiên thảo luận sáng nay, Thượng tọa Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Nội đã chia sẻ những giải pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong giới trẻ bằng Phật giáo.

Mở đầu, Thượng tọa nêu một số thực trạng đáng lo ngại trong việc vi phạm pháp luật và tội phạm do trẻ vị thành niên, giới trẻ gây ra, điển hình như vụ Lê Văn Luyện sát hại ba mạng người cướp tiệm vàng gây xôn xao và bức xúc trong dư luận.

Thượng tọa Thích Bảo Nghiêm đã nêu ra một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, trong đó đặc biệt nhấn mạnh những nguyên nhân từ gia đình như việc cha mẹ hầu như đều phó mặc việc dạy dỗ con em mình cho nhà trường, trong khi đó, chương trình đào tạo chỉ mới quan tâm đến việc truyền thụ những kiến thức, còn việc giáo dục kỹ năng sống, kiến thức pháp luật chưa được quan tâm. Việc chia sẻ, truyền thông, hiểu nhau giữa các thành viên trong gia đình không được thực hiện đúng mức, đúng cách. Khoảng cách giữa cha mẹ và con cái ngày càng lớn. Giáo dục về kiến thức, đạo đức, văn hóa ứng xử trong gia đình ngày càng mờ nhạt.

Từ đó, Thượng tọa đưa ra 5 nhóm giải pháp tác động vào gia đình, xây dựng nền tảng gia đình vững chắc, là thành lũy ngăn chặn nguy cơ vi phạm pháp luật và tội phạm, nhất là trong giới trẻ:

- Cần có tập huấn kiến thức Pháp luật về



hôn nhân gia đình, kỹ năng sống, tâm lý giao tiếp ứng xử trong gia đình, cách thức giáo dục con cái. Nên chăng coi đây là một điều kiện để được đăng ký kết hôn.

- Đẩy mạnh việc truyền thông, hướng dẫn đến các bậc cha mẹ cách thức giáo dục con cái, cách hiểu, đồng cảm và chia sẻ với con cái. Các tổ chức giáo dục, xã hội xuất bản các cẩm nang, tài liệu hướng dẫn cụ thể để xây dựng đời sống gia đình hạnh phúc, bền vững. Các cơ quan thông tin đại chúng có hình thức truyền thông phù hợp như tọa đàm, phim ảnh... nói về cách thức vun đắp hạnh phúc gia đình, dạy con và trở thành bạn của con. Không nên cho chiếu phim, ảnh bạo lực mạnh. Cần giáo dục văn hóa truyền thống yêu nước thương dân của Tổ tiên.

- Thường xuyên tổ chức trong phạm vi khu dân cư các hoạt động giao lưu, tư vấn, tham vấn gia đình với sự tham gia của tổ dân phố, đoàn thể như hội phụ nữ, hội phụ lão, đoàn thanh niên, chi bộ Đảng cùng đoàn Thanh niên.

- Xây dựng cơ chế, hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục, chăm sóc con cái, đặc biệt sử dụng các kênh truyền thông như internet, tin nhắn để liên lạc giữa gia đình và nhà trường

- Các tổ chức Tôn giáo, cơ sở tôn giáo cần phát huy vai trò hơn nữa trong việc chăm lo nền tảng đạo đức, văn hóa gia đình.

Về phía Phật giáo, Thượng tọa Thích Bảo Nghiêm khẳng định cùng chia sẻ trách nhiệm nặng nề này với xã hội. Thượng tọa chia sẻ kinh nghiệm: Phật giáo đã thực hiện việc vun đắp nền tảng gia đình và ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật thông qua:

- Đẩy mạnh các buổi thuyết giảng về Phật pháp, về nhân quả, nghiệp báo đến nhiều đối tượng, qua đó giúp mọi người tăng trưởng trí tuệ, nhận thức đúng đắn về các hành vi của mình. Từ đó, họ sợ, không dám làm điều xấu, điều ác mà tích cực làm việc thiện, việc có ích;

- Tổ chức các khóa tu ngắn, các sinh hoạt vui chơi lành mạnh, chùa

chiền sẽ là địa điểm đến, sân chơi cho Thanh thiếu niên, sinh viên vào các ngày nghỉ hè, lễ Tết, từ đó có ích cho tuổi trẻ giảm thiểu vi phạm pháp luật phạm tội, nhất là khóa tu cho giới trẻ. Đây là một thành công lớn của Phật giáo trong vài năm trở lại đây. Trong các khóa tu, các em có cơ hội thấy được tình thương của cha mẹ, và nhiều em đã có những giọt nước mắt ăn năn, hối hận, có khi chỉ vì những việc nhỏ như không giúp mẹ quét nhà, rửa bát. Trong các khóa tu này, các em cũng được truyền thông các kỹ năng sống, giao tiếp ứng xử trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội, biết chọn bạn mà chơi, chọn việc tốt mà làm, biết việc xấu mà tránh;

- Tổ chức các hoạt động tham vấn giữa tu sĩ Phật giáo và Phật tử về đời sống gia đình, giúp kiểm soát cơn giận, giải quyết mâu thuẫn, hướng dẫn điều chỉnh hành vi để có cuộc sống tốt hơn

- Tuyên truyền pháp luật trong các sinh hoạt tôn giáo.

Kết luận, Thượng tọa khẳng định hiện nay chúng ta đang bàn nhiều hơn về "chống", mà chưa chú trọng đúng mức đến "phòng", nhất là phòng từ gốc, trước hết từ gia đình. Đây là nền tảng quan trọng nhất của xã hội ngày nay và mai sau.

Bài phát biểu của Thượng tọa đã gây được sự chú ý, quan tâm của các Đại biểu.●



Sinh hoạt gia đình Phật tử cũng là giải pháp ngăn ngừa tội phạm

10 điều người trẻ dễ lãng phí nhất

Trong hành trình tạo dựng một cuộc đời có ý nghĩa, nếu bạn lỡ coi thường một trong 10 điều thiết yếu dưới đây, coi như bạn đã tự đánh mất một phần nhựa sống của chính mình



1. Sức khỏe: Lúc còn trẻ, người ta thường ỷ lại vào sức sống tràn trề đang có. Họ làm việc như điên, vui chơi thâu đêm, ăn uống không điều độ.... Cứ như thế, cơ thể mệt mỏi và lão hoá nhanh. Khi về già, cố níu kéo sức khỏe thì đã muộn.

2. Thời gian: Mỗi thời khắc "vàng ngọc" qua đi là không bao giờ lấy lại được. Vậy mà không hiếm kẻ ném 8 giờ làm việc qua cửa sổ. Mỗi ngày, hãy nhìn lại xem mình đã làm được điều gì. Nếu câu trả lời là không", hãy xem lại quỹ thời gian của bạn nhé!

3. Tiền bạc: Nhiều người hể có tiền là mua sắm, tiêu xài hoang phí trong phút chốc. Đến khi cần một số tiền nhỏ, họ cũng phải đi vay mượn. Những ai không biết tiết kiệm tiền bạc, sẽ không bao giờ sở hữu được một gia tài lớn.

4. Tuổi trẻ: Là quãng thời gian mà con người có nhiều sức khỏe và trí tuệ để làm những điều lớn lao. Vậy mà có người đã quên mất điều này. "Trẻ ăn chơi, già hối hận" là lời khuyên dành cho những ai phí hoài tuổi thanh xuân cho những trò vô bổ.



5. Không đọc sách: Không có sách, lịch sử im lặng, văn chương câm điếc, khoa học tê liệt, tư tưởng và suy xét ứ đọng. Từ sách, bạn có thể khám phá biết bao điều kỳ thú trên khắp thế giới. Thật phí "nửa cuộc đời" cho những ai chưa bao giờ biết đọc sách là gì!

6. Cơ hội: Cơ hội là điều không dễ dàng đến với chúng ta trong đời. Một cơ may có thể biến bạn thành giám đốc thành đạt hay một tỷ phú lâm tiền. Nếu thờ ơ để vận may vụt khỏi tầm tay, bạn khó có thể tiến về phía trước.

7. Nhan sắc: Là vũ khí lợi hại nhất của phụ nữ. Có nhan sắc, bạn sẽ tự tin và chiếm được nhiều ưu thế hơn so với người khác. Tuy nhiên, "tuổi thọ" của nhan sắc có hạn. Thật hoang phí khi để sắc đẹp xuống dốc. Hãy chăm sóc mình ngay từ bây giờ.

8. Sống độc thân: Phụ nữ ngày nay theo trào lưu "chủ nghĩa độc thân". Thực tế là khi sống một mình, bạn rất cô đơn và dễ cảm thấy thiếu vắng vòng tay yêu thương của chồng con. Bận bịu gia đình chính là một niềm vui. Sống độc thân, bạn đã lãng phí tình cảm đẹp để ăy.

9. Không đi du lịch: Một vĩ nhân đã từng nói: "Khi đi du lịch về, con người ta lớn thêm và chắc chắn một điều là trái đất phải nhỏ lại". Vì thế, nếu cho rằng đi du lịch chỉ làm hoang phí thời gian và tiền bạc, bạn hãy nghĩ lại nhé!

10. Không học tập: Một người luôn biết trau dồi kiến thức sẽ dễ thành công hơn người chỉ biết tự mãn với những gì mình biết. Nếu không học hành, bạn đang lãng phí bộ óc đấy! ●

Nhà Chùa và DOANH NGHIỆP với nhà chùa

Nguyễn Khắc Thuần

Trưởng khoa Việt Nam Học Đại học Bình Dương

1. Xưa nay, do xét thấy trong Thập giới (Dasasila) của người xuất gia tu hành có lời răn dạy thứ mười là không được tích chứa tiền, vàng bạc và báu vật nên rất nhiều người nghĩ rằng nhà Phật hoàn toàn xa lạ với doanh nghiệp nhưng thực ra lại không phải như vậy. Đúng là người tu hành không được tích chứa tiền, vàng bạc và báu vật cho riêng thân vì hễ còn lo tích chứa cho riêng thân thì lòng tham vẫn còn mà tham, sân, si là điều tối kỵ. Nhưng, tất cả những người nghĩ như vậy đã có sự nhầm lẫn giữa tích chứa cho riêng thân với việc vô tư tích góp cho nhà chùa để lo Phật sự và cứu giúp chúng sinh gặp điều chẳng lành. Khi cần, các bậc tu hành vẫn sẵn sàng vượt đường xa dặm dài để đi khuyến giáo và bách tính đã hoan hỷ đóng góp vì ai ai cũng đều biết rất rõ rằng các bậc tu hành chẳng hề xin gì cho riêng thân. Nói khác hơn, nhà chùa cũng cần có của cải, chỉ khác là của cải để trong chùa đúng là... của chùa. Lòng từ bi hỷ xả đã biến của cải thành phương tiện bảo vệ và tôn vinh đại đức làm người chứ không phải để vinh thân phì gia. Hầu như chùa nào cũng ít nhiều có báu vật nhưng đó là của cộng đồng, của chung văn hóa dân tộc, không mang tên sở hữu chủ là một bậc tu hành nào cả.

2. Lịch sử đã được chứng giám hàng loạt doanh nghiệp sơ khai hình thành trong nhà chùa và đem lại lợi tức cho xã hội cũng không phải là nhỏ. Sở dĩ nói đây là doanh nghiệp sơ khai vì tất cả còn rất giản đơn, điều hành rất có hiệu quả nhưng chẳng cần tới hệ thống chức danh như Hội Đồng Quản Trị hay Ban Giám Đốc. Và chẳng nhà chùa chưa bao giờ tự tuyên bố thành lập một doanh nghiệp nào và nói cho ngay, thời cổ và trung đại cũng chẳng có ai biết doanh nghiệp là gì. Nhưng, xét phương cách tổ chức và điều hành sản xuất,

chúng ta cũng không thể nào nói khác hơn rằng đó chính là những doanh nghiệp sơ khai. Hai loại hình doanh nghiệp sơ khai xuất hiện sớm nhất và được biết đến nhiều nhất là sản xuất nhang và tổ chức canh tác ruộng chùa.

2.1. Cổ xưa, người Trung Quốc không dùng nhang (cũng gọi là hương) mà thường dùng gỗ có dầu để đốt trong các dịp lễ tế. Từ khi Phật giáo được truyền bá tới, quan chức và dân Trung Quốc mới bắt đầu biết đến nhang⁽¹⁾. Để đáp ứng nhu cầu tự thân của nhà chùa và của xã hội rộng lớn, các nhà sư bắt đầu sản xuất nhang. Lúc đầu, đó chỉ là một dạng của tự sản tự tiêu nhưng về sau, nhang dần dần trở thành một mặt hàng quen thuộc, ở khắp các chợ đều có. Nhà chùa tổ chức và quản lý sản xuất nhang với quy mô ngày càng lớn và sản phẩm cũng ngày càng đa dạng. Nhang cây, nhang thê, nhang vòng, nhang cắm rồi nhang treo... đủ loại. Vào khoảng đầu công nguyên, ba trung tâm Phật giáo lớn đã hình thành, đó là Bành Thành (Trung Quốc), Lạc Dương (Trung Quốc) và Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh). Đây cũng là ba nơi sản xuất nhang rất có tiếng tăm, đặc biệt là Luy Lâu. Vùng rừng núi của nước ta vốn có rất nhiều trầm hương và các loại hương liệu khác. Đây chính là nguồn nguyên liệu quan trọng nhất dùng để sản xuất nhang thơm. Biết rõ điều này, khi đô hộ nước ta, các chính quyền phong kiến Trung Quốc đã ra sức vơ vét trầm hương và các thứ hương liệu khác. Tuy nhiên, theo nhận xét của Kha Duy Kỳ⁽²⁾

1. Về sự xuất hiện của nhang ở Trung Quốc, xin vui lòng tham khảo *Ban Cổ (Trung Quốc): tiền hán thư, Phạm Việp (Trung Quốc): Hậu Hán Thư, Lê Quý Đôn (Việt Nam): Văn đài loại ngữ (bản dịch, hiệu đính và chú thích của Nguyễn Khắc Thuần) trong Lê Quý Đôn tuyển tập, 8 tập, Nxb. Giáo Dục, 2006-2009...*

2. Kha Duy Kỳ (Trung Quốc): *Tổng Sử Tân Biên*.

thì nhang Trung Quốc nhiều mẫu mã đẹp mắt hơn nhưng không thơm bằng nhang của ta. Dần dần, rất nhiều chùa của ta tổ chức sản xuất nhang để cung cấp cho thị trường. Xưa là vậy mà nay vẫn tiếp tục như vậy. Đành rằng không ai gọi việc tổ chức sản xuất nhang trong chùa là doanh nghiệp, nhưng nếu không có tư duy của doanh nhân thì không thể nào tổ chức sản xuất được. Hình như ở trong chùa chỉ có tiếng tụng kinh và tiếng chuông là vang xa, còn thì đều âm thầm lặng lẽ chứ không hề phô trương, nhưng điều đáng nói là thành công lại thường rất lớn.

2.2. Trong nhiều bộ giáo khoa lịch sử Việt Nam trước đây, nhà sư bị coi là một trong những thế lực bóc lột không khác gì địa chủ phong kiến mà lý do căn bản là bởi người ta thấy chùa nào cũng đều nắm quyền sở hữu rất nhiều ruộng đất. Đó là kết luận khiến cường nên rất sai. Quả đúng là chùa nào cũng có rất nhiều ruộng đất nhưng ruộng đất ấy do bách tính tự nguyện cúng dường chứ các bậc tu hành từ bi không tước đoạt của bất cứ một ai. Và chẳng, nhà chùa vui vẻ nhận trước hết vì đây là tấm lòng của các thí chủ chứ không phải nhận để làm giàu, càng không hề nuôi tham vọng làm điền chủ. Nhà chùa luôn sẵn lòng chia sẻ khi trăm họ chẳng may gặp khó khăn và ai cũng hồ hởi tới nhận vì coi đó là lộc của Đức Phật. Trước mỗi quan hệ hai chiều hình thành rất tự nhiên và đầy tính nhân văn như vậy, nếu nhìn theo lối cắt xén để rồi suy diễn theo ý riêng là rất không công bằng. Nhưng, điều nổi bật và đáng quan tâm nhất là ở chỗ, ruộng đất tuy rất nhiều nhưng nhà chùa vẫn quản lý và tổ chức sản xuất rất có hiệu quả. Danh xưng phù hợp cho mô hình này là gì thì xưa cũng như nay chẳng ai chú ý tới nhưng bài học thực tiễn sinh động của nghệ thuật tổ chức và điều hành sản xuất ruộng chùa lại rất đáng trân trọng. Có lẽ nên mạnh dạn gọi đó là dạng thức sơ khai của doanh nghiệp, gọn nhẹ mà thành công và bền vững. Nhà nước được nhờ. Dân cũng được nhờ. Ích lợi nào phải bé nhỏ đâu.

3. Sang thời cận đại và hiện đại, bởi có quá nhiều biến thiên dồn dập của lịch sử nước nhà nên hai loại hình doanh nghiệp sơ khai ra đời trong chùa là sản xuất nhang và tổ chức sản xuất nông nghiệp dần dần biến mất. Ở ngoài chùa và hoàn toàn không phải của nhà chùa, nhiều doanh nghiệp sản xuất nhang theo quy trình bán công nghiệp hoặc công nghiệp đã nối nhau xuất hiện. Cũng ở ngoài chùa và hoàn toàn không phải của nhà chùa, hàng trăm trang trại nông nghiệp với nhiều quy mô lớn nhỏ khác nhau được khai sinh. Nhà chùa đã trở nên xa lạ với doanh nghiệp và đôi bên không còn có liên hệ nào nữa chẳng? Thực tế

lại hoàn toàn không phải như vậy. Mỗi quan hệ hai chiều giữa nhà chùa với doanh nghiệp vẫn rất chặt chẽ và đậm thắm.

3.1. Hầu hết các doanh nhân đều nặng lo về đời sống tâm linh. Nỗi ưu tư rất chính đáng đó đã khiến họ luôn bày tỏ thái độ thành kính đối với tôn giáo. Chưa ai tiến hành thống kê để có được những con số thật chính xác nhưng phần lớn doanh nhân thường tìm đến nhà chùa. Họ đến viếng chùa để được hít thở không khí thanh thản. Họ đến chùa để được nghe những lời chia sẻ ân cần của các bậc tu hành. Họ đến chùa để học thiền và dự các buổi hành thiền vì theo họ đó là cách giải tỏa căng thẳng tốt nhất. Họ đến chùa để chân thành cầu mong thập phương chư Phật phù hộ độ trì cho những dự án tốt đẹp của họ. Họ đến chùa để cùng được vô tư cúng dường. Họ đến chùa vì cho rằng đức tin nhất định sẽ đàng hoàng mở lối thành công cho họ. Họ thành tâm đến chùa vì mong mỗi gia đình, bạn hữu và doanh nghiệp của họ luôn luôn được bình an. Có một thời, cuộc tấn công không chút khoan nhượng của chủ nghĩa vô thần (Atheism) vào chủ nghĩa hữu thần (Theism) đã gây nên không ít xáo trộn mạnh mẽ trong đời sống tư tưởng của xã hội. Xưa nay, sự khác biệt về nhận thức là điều rất bình thường nhưng cuộc tấn công do những người có xu hướng cực đoan khởi xướng là không bình thường. Không theo bất cứ một tôn giáo nào là chuyện riêng của mỗi người nhưng vị thế của các tôn giáo cũng chẳng vì thế mà lung lay. Đời cần có đức tin, luôn cần có đức tin, miễn đức tin đó thực sự góp phần giúp cho thiên hạ không ngừng giữ vững đại đạo làm người. Tất nhiên là đại đạo làm người mỗi thời một khác, mỗi khu vực một khác và mỗi giai cấp cũng một khác... nhưng phạm đã làm người, nếu không quan tâm đến việc bảo vệ đại đạo làm người thì chừng như chưa phải là con người theo đúng nghĩa của từ này. Đức tin (Believe) mãnh liệt đến mức cuồng tín (Fanatical) thường dễ dẫn người ta đến mê tín (Superstitious) nhưng đức tin và mê tín là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Các nhà vô thần cực đoan đã đồng nhất đức tin với mê tín nên ý kiến của họ nhiều lắm cũng chỉ chuyển tải được một vài nội dung chính trị hời hợt nhưng lại bộc lộ quá nhiều những hiểu biết sơ sài về tôn giáo. Nói theo cách của người xưa thì trong cái sai lại còn có thêm cái sai nữa.

3.2. Có thống kê chi tiết mới thấy⁽³⁾ là trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ chùa chiền được trùng tu, tôn tạo và xây dựng nhiều như hiện nay, chưa

3. Xin vui lòng tham khảo thêm: Nguyễn Khắc Thuần đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam (5 tập) và tiến trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIX. Nxb. Giáo Dục. 1998-2005.

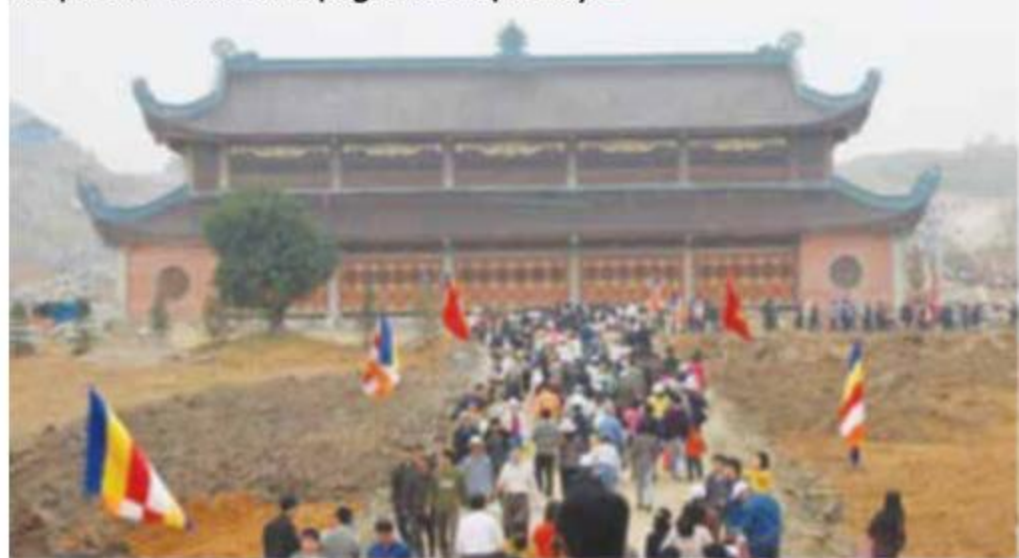
bao giờ chúng ta có được những ngôi đại tự nguy nga, những bức tượng quý giá và to lớn như hiện tại. Nếu không có sự hào hiệp và thành tâm cúng dường của doanh nhân, tất cả sẽ thật khó mà có được như vậy. Ai đó thấy chùa chỉ là chùa còn các nhà nghiên cứu văn hóa lại thấy rõ đó là dấu ấn văn hóa phản ánh đặc điểm nhận thức của xã hội hiện nay. Mỗi dấu ấn là một hiện thực sinh động về mối liên kết chặt chẽ và luôn có hai chiều tương tác lẫn nhau giữa doanh nghiệp với nhà chùa. Nhà chùa cảm tạ doanh nhân vì nhờ doanh nhân mà nhiều chùa chiến mới trở nên khang trang, xứng đáng là trung tâm văn hóa trong sạch và lành mạnh, xứng đáng là điểm tham quan và hành hương hấp dẫn của du khách khắp bốn phương. Doanh nhân mãi hàm ơn nhà chùa bởi nhờ tiếng nói của nhà chùa mà vị thế của họ được nâng cao, nhờ tinh thần thanh thoát mà hoạt động của họ ngày càng có hiệu quả.

3.3. Doanh nhân đến với nhà chùa và nhà chùa cũng thường đến với doanh nhân, đến theo cách riêng của nhà chùa. Trong không ít buổi thuyết giảng, nhà sư đã góp phần đặc lực vào quá trình làm cho xã hội hiểu đúng và đánh giá đúng vị thế quan trọng của đội ngũ doanh nhân. Muốn công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, trước hết phải tạo cơ hội cho đội ngũ doanh nhân phát triển. Nguồn trí tuệ phong phú và tính năng động đáng kể về hoạt động sản xuất và kinh doanh của dân tộc là đó. Nguồn vốn đầu tư tiềm ẩn mà lớn lao nhất của đất nước là đó. Nguồn của cải vật chất thực sự có giá trị bền vững nhất của đất nước cũng chính là đó. Nhưng, cũng phải mãi tới cuối năm 2004, Việt Nam mới quyết định lấy ngày 13-10 làm ngày doanh nhân Việt Nam. Kể cũng hơi muộn nhưng dầu sao thì muộn vẫn còn hơn không. Là một trong số những người có may mắn tham gia giảng dạy nhiều năm tại Học Viện Phật Giáo TP. HCM và cũng là khách mời quen thuộc của nhiều chùa trải từ Nam ra Bắc, tôi có dịp chứng kiến và đánh giá rất cao đóng góp của nhà chùa trong quá trình xây dựng và củng cố nhận thức đúng đắn cho xã hội về vị trí quan trọng của đội ngũ doanh nhân. Có lẽ một trong số những biểu hiện rõ rệt của sự nghiệp đổi mới là ở đây.

4. Gần đây, một số nhà chùa đã cho tái lập các hoạt động kinh doanh, ví dụ như sản xuất và bán các loại nhang hoặc trầm, sản xuất và bán các loại đồ thờ cúng, in và bán các ấn phẩm về giáo dục Phật học, mở các tiệm ăn chay... Theo tôi, đó là sự cần thiết và việc làm đó không ảnh hưởng gì đến giới luật của nhà Phật. Hoạt động này khiến cho xu hướng nhập thế của nhà Phật ngày càng trở nên

tích cực và sâu sắc. Hoạt động này đã thực sự đáp ứng được một phần không nhỏ những nhu cầu tốt đẹp của xã hội. Hoạt động này cũng có tác dụng khiến cho các bậc tu hành vừa giữ được lý tưởng siêu phàm của mình, vừa gần gũi và hiểu xã hội đầy đủ hơn. Một trong những chức năng không thể thiếu của nhà chùa là hướng dẫn đời sống tâm linh cho bách tính, cho nên, nếu không hiểu đầy đủ về xã hội, sẽ thật khó mà thực hiện được chức năng rất cao cả này. Và chẳng, tuy không coi việc thu lợi nhuận là mục đích quan trọng nhất nhưng rõ ràng, hiệu quả của hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng góp phần giúp nhà chùa tự tin hơn, chủ động hơn và cũng tươi tắn hơn trong việc lo Phật sự. Nói theo cách của người xưa là làm một việc mà được ba điều lợi.

Tóm lại, mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà chùa và giữa nhà chùa với doanh nghiệp là hiện tượng tự nhiên, cũng là hiện tượng tất nhiên. Trong nhận thức cũng như trong mọi hoạt động thực tiễn, chúng ta không nên (và có lẽ cũng không thể) tạo ra sự biệt lập giữa nhà chùa với doanh nghiệp. Sự gắn kết này rất có ích cho cả đất nước trong giai đoạn đổi mới sôi động như hiện nay. ●



Phật tử của nhà chùa và sinh viên tình nguyện chuẩn bị cơm chay miễn phí (ảnh internet)



DỄ VÀ KHÓ

Đại đức Thiện Minh
(tiếp theo và hết)

7/ Dễ là khi nằm mơ hằng đêm, khó là khi chiến đấu cho ước mơ thành tựu.

Trong Trung bộ Kinh Phật dạy, con người hãy nên không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai. Bởi quá khứ đã đoạn tận, tương lai thì chưa đến. Chỉ có hiện tại là quan trọng. Nhưng con người vì ái dục, si mê nên sống nhiều cho quá khứ, nghĩ nhiều cho tương lai mà đánh mất hạnh phúc hiện tại. Người lớn tuổi thường hoài niệm, tiếc nuối nên kể lể nhiều về quá khứ. Người trẻ tuổi thường mơ mộng nên suy nghĩ đến tương lai. Cả hai loại người này đều đánh mất oan uổng hiện tại trước mắt. Cho nên, đức Phật chê hai loại người vô trí, si mê này. “Mơ hằng đêm” là ám chỉ tương lai. Ví dụ mơ tu, mơ học, mơ đọc sách, mơ viết văn, mơ làm giàu, mơ nổi danh. Có nhiều người mơ trở thành nhà văn nổi tiếng nhưng không viết được quyển sách nào giá trị. Mơ nói tiếng Anh giỏi nhưng học tiếng Anh chỉ một hai buổi rồi thôi không học nữa. Cho nên, mơ thì dễ, nhưng thực hiện giấc mơ đó thì khó.

Vì vậy trong cuộc sống, ước mơ thì ai cũng có nhưng để biến ước mơ thành hiện thực thì phải có quyết tâm cao. Cách đây nhiều năm có một cô bé nhà nghèo hằng ngày phải đi bán khoai nuôi mẹ. Hằng đêm cô mơ mình làm bác sĩ, làm một người trí thức và thoát cảnh nghèo khó. Cô bé ấy đã không ngừng học tập. Cô học khi đang nấu khoai buổi tối. Cô học khi đang bán khoai buổi sáng ngoài chợ. Cô học ở mọi lúc mọi nơi, không dám phung phí thời gian quý báu của tuổi trẻ. Sau cô đậu một lúc 3 trường đại học. Cô chọn học y khoa như trong giấc mơ cô đã từng mơ hằng đêm. Giờ đây cô đã là một bác sĩ đang làm việc tại một bệnh viện lớn ở TP. HCM. Sự nỗ lực không ngừng, sự kham nhẫn và niềm tin không bao giờ cạn trong cô đã giúp cô đạt được giấc mơ đẹp. Nhưng không phải ai cũng làm được như cô bé bán khoai nghèo khổ kia. Khó lắm!!! Tại sao khó? Vì muốn thực hiện những gì chúng ta mơ cần có cái tâm và có đủ duyên. Giống như người tu hành từ bỏ quá khứ sống nhàn hạ trong gia đình vào chùa tu tập “khổ” nhiều hơn. Có chùa ở vùng sâu, vùng xa tự trồng trọt để nuôi chúng thì

tu sĩ cũng tham gia trồng cây, đào ao, làm đường, xây chùa. Ngoài ra, quý vị tu sĩ còn có duyên làm những việc thiện nguyện như chăm sóc người già neo đơn, nấu bếp cơm chay từ thiện, nuôi trẻ mồ côi.... Nói chung, chúng ta chịu cực khổ, chịu hy sinh, không chấp nhận cuộc sống chỉ có hưởng thụ thì mới làm nên được những giấc mơ lớn của đời ta. Quý vị tu hành thường mong cầu thành tựu đạo quả mà không siêng năng, tinh tấn, hết lòng giữ giới thanh tịnh, thực tập công phu thiền định thì có lẽ quý vị khó thực hiện giấc mơ đắc Tu đà huân hay A La Hán. Vì tu Phật là không nói suông mà phải làm. Đạo không chỉ để nói mà để hành. Do vậy, dễ là khi ta mơ, khó là khi thực hiện ước mơ đó. Đối với chúng ta, những người tu tập chuyên cần thì bản lĩnh để thực hiện ước mơ không phải là quá khó.

8/ Dễ là khi thể hiện chiến thắng, khó là khi nhìn nhận thất bại.

Ông bà ta nói: Thất bại là mẹ thành công. Những người biết nhìn thẳng vào thất bại để tìm nguyên nhân mà tránh sai lầm thì có cơ hội thành công. Con người thường thấy mình hơn người khác, khi làm được việc thường thấy mình hay, mình giỏi hơn người. Cái thấy đó phát ra từ trong tự ngã. Bởi con người chúng ta thường có tham vọng cứ nghĩ mình giỏi, cái gì mình làm cũng thành công. Họ không biết rằng con người ai cũng có giới hạn của mình. Cái quan trọng là biết giới hạn của mình ở đâu. Mỗi người chỉ giỏi ở một vài lĩnh vực nào đó thôi chứ không thể giỏi tất cả mọi điều. Nghệ sĩ đàn piano hay tuyệt, Giáo sư là nhà toán học xuất sắc, cầu thủ bóng đá nổi tiếng trong cả nước nhưng nếu nói mấy vị này xây nhà, bốc thuốc chữa bệnh hoặc đơn giản tự thiết kế trang phục chưa chắc họ làm giỏi được.

Chúng ta thường dễ khoe khoang về chiến thắng nhưng rất khó khăn nhìn nhận sự thua cuộc, thất bại của mình. Bởi vì nhìn nhận thất bại là biết mình kém, là công nhận người khác hay hơn mình. Ở đời ít ai chịu người khác hay hơn, giỏi hơn mình. Do vậy, người nào vượt qua được giới hạn tự ngã để nhìn thẳng vào những kém cỏi, những thất bại, những sai lầm của mình, người đó phải có tâm rộng lượng, tâm không ganh ghét trước những thành công của người khác.

9/ Dễ là khi vấp phải hòn đá, khó là khi đứng dậy đi tiếp.

Trong cuộc sống ai cũng có lần vấp ngã. Nhưng có người vấp ngã biết đứng dậy đi tiếp ngay tại chỗ đã từng vấp ngã. Cũng có người vấp ngã rồi gục luôn, không thể đứng lên được nữa. Con người biết vượt qua hoàn cảnh, vượt qua thị phi, vượt qua đúng sai... thì sẽ không thất bại. Bởi ai mà không từng bị rơi vào những hoàn cảnh bất như ý, bị chỉ trích, bị nói xấu, bị gièm pha. Làm lớn chừng nào, danh vọng nhiều chừng nào thì bị lên án, chỉ trích, chụp mũ, nói xấu nhiều. Hãy coi như những điều đó là đương nhiên như những viên đá trên con đường mình đi. Con đường gồ ghề lởm chởm đá nhọn thì mang giày mà đi. Con đường ít đá, bằng phẳng hơn thì mang dép mà đi. Con đường có cỏ hoa êm ái thì ta đi chân trần. Hoàn cảnh nào cũng hoan hỷ, tùy thuận mà đi qua. Đó mới là vô ngại.

10/ Dễ là khi hứa một điều, khó là khi hoàn thành lời hứa.

Hứa thì dễ nhưng làm điều đã hứa thì khó. Ai cũng từng hứa hẹn và cũng từng thất hứa. Hứa và hoàn thành lời hứa là hai việc khác nhau. Riêng người tu, khi đã hứa với ai chuyện gì phải làm cho xong. Nếu thất hứa

những lần sẽ mất niềm tin với những người chung quanh. Tu là sống không làm tổn hại ai, không làm phiền người chung quanh. Khi người tu đã hứa thì dù mau hay lâu cũng phải thực hiện những gì đã hứa. Giữ lời hứa rất quan trọng đối với người tu. Bởi đó là đạo đức. Có lúc nhiều dự tính của người này dựa trên lời hứa của người kia. Ví dụ: Cô Hai tính đi Miến Điện tu thiền vì Sư Trụ Trì hứa cho vé máy bay. Sư trụ trì hứa cho vé máy bay dựa trên sự phát tâm cúng dường của thí chủ. Như vậy trong cuộc sống có rất nhiều sự việc, con người đặt hy vọng vào lời hứa. Người nào hứa điều nhỏ thì người ta hy vọng nhỏ. Người nào hứa điều lớn thì người ta hy vọng lớn. Ví dụ Cha mẹ hứa chia gia tài cho mỗi đứa con một cái nhà. Mỗi cái nhà giá thị trường khoảng chừng 5-6 tỷ. Thế là cuộc đời của những đứa con đặt hết niềm tin vào lời hứa đó. Nếu cha mẹ suy nghĩ lại, không chia nhà nữa thì có khi đổ máu. Cho nên, hứa mà không giữ lời là ta đã gieo bất thiện nghiệp. Lời hứa là thuộc về thì tương lai nhưng nó vô cùng quan trọng với người ở hiện tại. Ví dụ hứa mua dép cúng dường cho trẻ em nghèo ở Ninh thuận thì các sư cô chùa Bửu Quang đã mua đầy đủ mang đi tặng cho các em. Đó là giữ lời hứa dù lời hứa nhỏ đối với các em nhỏ cũng vậy. Bởi vì nói có dép mà khi tới nơi không có dép, các em sẽ thất vọng biết chừng nào. Sự thất vọng đó cũng đồng nghĩa là mất niềm tin. Cho nên người tu không được hứa đại, hứa cho có mà không làm.

11/ Dễ là khi chúng ta nói yêu thương, khó là khi làm cho người khác cảm thấy được yêu thương hằng ngày.

Nói yêu thương thì dễ nhưng sống với tâm yêu thương và làm cho mọi người an vui trong tình thương của mình rất khó. Mẹ Theresa suốt cuộc đời đã sống vì người bệnh, người

nghèo. Mẹ không cần ai tôn vinh. Cuộc đời của mẹ Theresa là tấm gương sáng của lòng yêu thương và tha thứ. Những người nghèo đói, bệnh tật được nuôi dưỡng hằng ngày bằng chất liệu yêu thương từ những việc làm cụ thể của mẹ. Mẹ Theresa đã đem Thân mạng, Thọ mạng, Huệ mạng cúng dường cho biết bao chúng sanh tội nghiệp kia. Mẹ đã xả thân để xoa dịu những nỗi đau khổ cho cuộc đời. Nhiều người tu tập theo hạnh nguyện của Mẹ cũng giải thoát được đau khổ.

Vậy yêu thương không phải là ngôn ngữ nói trên cửa miệng. Yêu thương là một cách sống mà chúng ta phải tập để ban tặng cho những người chung quanh ta hằng ngày.

12/ Dễ là khi phê bình người khác, khó là khi cải thiện bản thân mình.

Có người dường như dòng máu của họ là "máu phê bình", luôn thích khen chê, tâm không biết hoan hỷ. Trong cuộc sống có rất nhiều loại người này, khó là cải thiện bản thân. Những người luôn chê người khác rất khó thành công. Đức Phật dạy phải luôn biết hoan hỷ với những gì người khác đang có, thông cảm với những gì xung quanh, là có tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả. Đức Phật dạy tu tập là trở về với bản thân, cải thiện bản thân. Hạnh phúc hay đau khổ, thiên đàng hay địa ngục là do tâm sanh ra. Vì vậy, tu là phải biết nhìn tâm của mình một cách tinh tế. Xét tâm mình để dễ nhìn thấy tâm người, thông cảm với người. Xét tâm mình để mỗi ngày sửa đổi gọi là tu tâm dưỡng tánh, cải thiện bản thân. Điều này khó làm nên chúng ta phải cố gắng tu cho tốt.

13/ Dễ là buồn bực vì mất mát, khó là khi quan tâm để đừng mất mát.

Tâm lý con người mất cái gì thương quý là tiếc là buồn. Mất cơ hội thăng tiến, mất người yêu, mất vàng, mất xe. Buồn bực là một cảm

giác. Buồn nên sanh ra bức. Nhưng khó là khi mình quan tâm đủ để cho điều mất mát đừng xảy ra. Cuộc đời vốn vô thường. Các Pháp vốn vô ngã, không có gì tồn tại bền lâu. Mọi cái từ tay người qua tay mình rồi từ tay mình qua tay người khác vậy thôi. Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Biết là mọi vật rồi sẽ mất đi nhưng mình biết quan tâm đủ đến điều đó thì mình sẽ không phiền não, nghĩa là sự vật hiện tượng vẫn mất đi nhưng do mình quan tâm đủ nên có quán chiếu đến vô thường. Ví dụ: Cái ly thủy tinh quý nó cũng có tuổi thọ của nó, nó bể thì thôi, không tiếc, không buồn bức.

14/ Dễ là khi nghĩ về một việc, khó là khi ngừng suy nghĩ và bắt đầu hành động.

Suy nghĩ về công việc nhưng chỉ là suy nghĩ chứ không làm. Lời nói không đẹp bằng hành động. Thường người nào có tật nói nhiều thì làm ít. Nói phải đi đôi với làm thì mới thành công. Theo tâm lý học thì con người thành công là 5% do thông minh, 95% do nỗ lực, siêng năng hành động. Đọc kinh nhiều, đọc sách nhiều, đọc kệ ngôn, thơ ca, những tinh hoa của lời Phật dạy cũng chưa phải là đủ mà cần áp dụng những gì đã đọc, đã học vào trong cuộc sống. Pháp Phật không phải để nói mà là để hành. 423 kệ ngôn, mỗi câu là khuôn vàng thước ngọc. Ví dụ: Biết đủ là giàu sang/ Thành tín là họ hàng/ Niết bàn là hạnh phúc. Có những người không biết đủ do lòng tham vô tận. Khi nắp quan tài đã đầy rồi có lẽ tâm họ vẫn còn thấy thiếu. Thành tín làm cho ai cũng quý mến muốn làm thân thuộc với nhau ngược lại sự dối trá làm cho những ai sống chung với nhau luôn cảm thấy bất ổn. Niết bàn là cõi không có ái. Hạnh phúc thật ra chỉ là một khái niệm. Thích thì hạnh phúc. Không thích thì khổ đau.

15/ Dễ là khi nghĩ xấu về người khác, khó là khi cho họ niềm tin.

Con người có tri giác sai lầm. Đức Phật nói là nghi kỵ. Tri giác thường sai lầm. Ví dụ khi mất tiền nên chúng ta nhìn ai cũng thấy nghi, từng ánh mắt, cử chỉ của họ sao giống người bất lương quá. Nhìn sợi dây tưởng con rắn. Những ai có tri giác sai lầm phong phú là một tai họa cho chính mình. Ai dễ nghi vội tin, vội phỏng đoán tạo nên ảo giác nghi kỵ người khác. Khó cho người khác niềm tin. Muốn được vậy phải có tâm từ ái, bao dung. Muốn hướng thiện người khác thì phải gieo cho họ niềm tin vào Tam bảo, hướng người ta theo đạo, giữ tam quy, ngũ giới.

16/ Dễ khi nhận, khó khi cho.

Câu này ám chỉ tâm bòn xén thường tình của con người. Ai cũng muốn nhận nhiều hơn cho đi. Trong thập nhị nhân duyên: vô minh, hành, ... Thường con người ta khi có là muốn nắm thật chặt, không buông, đó gọi là thủ. Người tu thì phải tập cho đi nhiều. Đường tu bố thí đứng đầu. Bố thí, tri giới, tham thiền là 3 pháp tu giúp người tu sĩ giải thoát.

Mười sáu việc dễ và khó trong cuộc sống tuy đơn giản nhưng ai cũng từng chạm trán với nó. Nếu biết lắng đọng, nhìn nó một cách sâu lắng và áp dụng trong đời sống tu tập thì sẽ có những chuyển biến tốt. Nếu nhìn thấy khó mà không tu thì ta dễ nổi tâm sân. Nếu nhìn việc khó trong lăng kính có tu tập, có áp dụng tứ niệm xứ thì sự khó là chất liệu để ta sống có nghệ thuật, có lòng hơn đối với người chung quanh và không làm phiền não người khác. Từ đó ta sẽ tiến dần đến bờ giác ngộ giải thoát. Còn thấy dễ mà không tu thì đó là một nấc thang để ta trượt dài trên sự ngã mạn ngu xuẩn và si mê. ●

Dòng sông tâm thức

Thiện Bằng

Thấp thoáng xa xa ẩn bóng dừa,
Sóng gợn lăn lăn gió nhẹ đưa,
Dòng sông lơ đãng xuôi dòng nước;
Đưa người xuôi ngược bến đò xưa.

Một mình ngồi ngắm áng mây trôi,
Chợt nhớ người xưa nay mất rồi,
Nghe tiếng gió đưa lòng rưng rấn;
Giọng nói thì thầm đã xa xôi.

Quá khứ còn đâu nơi chốn này,
Nhớ nhung thêm bận rường hồn đây,
Dĩn hãy lắng lòng soi chân tánh;
Hiện tại an vui bận lòng ai.

Dòng chảy thức tâm tựa dòng sông,
Niệm niệm nối nhau chạy lòng bông,
Tập dừng ý nghĩ lòng vui sướng;
Niềm vui lan tỏa tận hư không.

Ánh Sáng Từ Bi

Huệ Trắng

Thế gian bóng tối mịt mờ
Trăng vàng vàng rạc bên bờ độc đơn
Bình lên ánh sáng nào hơn
Nhơn Thiên lắm gọi nguồn ơn suối vàng
Tuy rằng Từ Phụ biệt ngàn
Nhưng còn giác Pháp lời Vàng di ngôn
Những lời của Đức Thế Tôn
Để cho các bậc Sa môn thừa hành
Nhưng ai có đủ duyên lành
Cũng đều được đứng trên cành hoa sen.

DẤU ẤN BỬU QUANG

Trần Quê Hương

Nhân Lễ mãn hạ cúng Dâng y Kathina PL. 2555
tại Tổ đình Bửu Quang, Phật giáo Nam Tông Nguyên Thủy
- Thủ Đức

TỔ tổ truyền lưu ánh vàng
ĐÌNH xưa dấu ấn huy hoàng pháp âm
BỬU châu vi diệu hương trầm
QUANG ân mẫu nhiệm thâm thâm suối nguồn
PHẬT tử bi tòa mười phương
GIÁO khuyên nhân thế soi đường thiện tâm
NAM kinh yếu chỉ thiền tham
TÔNG phong cội rễ Tỳ đàm nở hoa
NGUYÊN khai luận vấn Phật đà
THỦY dòng pháp nhũ hăng sa dăng trào
AN bình tâm trí thanh cao
CƯ trú tịnh lạc mật đào hiền lương
KIỆT Tỳ Lô Giá chơn thường
HẠ hóa tướng tánh về nương đạo tràng
TÂN niên tinh thức mộng vàng
MÃO thời tu dưỡng vượt ngàn sông mê
THÀNH tâm thành ý bồ đề
TỰU lên thuyền giác quy về pháp thân
VIÊN minh rạng rỡ trong ngần
MÃN công đức... sáng muôn phần tánh không
HƯỚNG thiện duyên, lánh trần hồng
DẪN đường nhân nghĩa, xa vòng trầm luân
PHẬT tâm chiếu diệu tường vân
TỬ tôn ngàn kiếp xoay vần sắc không
CÚNG dường thành kính hương lòng
DĂNG lên Tam bảo tươi hồng tánh chơn
PHÁP báu uy đức Tam tôn

Y thể tín biểu tâm hồn tịnh thanh
CA mẫu lắng lặng tinh anh
SA huyền nương nấu vạn mảnh trần duyên
ĐẾN đi ẩn mặc đức hiền
MƯỜI mười công hạnh mỗi giếng báo thân
PHƯƠNG thượng, phương hạ định thần
TẶNG già giới luật tích nhân quả lành
CÔNG phu trưởng dưỡng thiện sanh
ĐỨC từ kết tụ lưu danh ngàn sau
VÔ nhiễm căn tánh nhiệm mầu
LƯỢNG phẩm viên mãn thâm sâu đạo vàng.

Kính tặng TT. Giác Chánh
Hiền Khánh - Hoa Huệ

Trong Am Cốc Nhỏ

Tỳ khưu Tuệ Nhẫn

Sư về núi thăm rừng xanh
Trong am cốc nhỏ “xây thành hào sâu”
Hỏi tâm, tâm đã nhuộm màu
Hỏi rằng trăng khuyết bao lâu trăng tròn?
Hỏi đời phiền lụy mỗi mòn
Con tim bé nhỏ còn làm được chứ?
Hỏi mây, mây chẳng nói gì
Bao đời phiêu lãng trôi đi không ngừng
Hỏi bao chiếc lá trong rừng
Thu về rụng hết trên rừng cành khô
Hỏi quanh đây những nấm mồ
Sao không một tiếng “hello” thật buồn
Hỏi mưa, mưa cứ mãi luôn
Như từng dòng lệ trong lòng chia ly
Hỏi nhà ẩn sĩ đại bi
Cạn khô phiền lụy mê si thuốc nào
Trên vòm trời những vì sao
Bước chân du sĩ đi vào rừng khuya
Thiền luôn cho bán lối về
Nhân duyên tròn đủ bỏ đề tòa lương.

Đạo trường siêu thanh rõ ràng
Chơn tu mới thấy ngọn ngành lời thơ
Cõi trần là chốn mộng mơ
Vô thường chợt đến ngẩn ngơ tơ lòng
Hoa trôi sông nước mệnh mông
Gió mưa ào ạt vẫn không bến bờ
Long đong bóng tối mập mờ
Bến bờ không ghé theo dòng nước trôi
Duyên mai lãng sĩ nguyên không
Khéo tu thành đạt nổi dòng thích ca
Trì hành giáo lý Phật đà
Giải tâm thuyết pháp ta bà độ sanh
Ngày đêm tịnh mặc anh lành
Dừng danh Bồ tát cứu nhân độ đời
Dáng chào tái phục người ơi
Kết duyên quyết thuộc chúc lời lán dương
Ngài là sứ mệnh thiêng liêng
Bao truyền chánh pháp ai tin thì nhờ
Riêng con tâm đắc bài thơ
Viết lên trang giấy ước mơ đồng hành.

Tình Huynh Nghĩa Đệ

Minh Tâm

Sư huynh thầy đã phong danh
Đệ huynh hợp mặt nên danh rồi đời
Bao năm thầy dạy những lời
Huynh đệ dùm bọc để đời mai sau
Giúp người hoạn nạn ốm đau
Thấy người thiếu đạo ta nào tiếc chi
Lời thầy chỉ dạy liền tu
Khuyên người rắp ngũ ta liền kéo lên
Mong sao huynh đệ đường quên
Giúp cho phật pháp tiến lên sáng ngời
Tâm thành phật đệ tuyệt rồi
Thành tâm khẩn nguyện để đời tốt hơn
Từ bi công đức thành nhưn
Công phu đức đệ khuyên lớn mọi người
Tâm mình thanh thân tươi cười
Những lời thầy dạy điểm mười cho ta
Sư huynh hiểu đạo thấy xa
Khuyên người hiểu đạo phong ba chẳng hờn
Tuổi huynh nay đã thất tuần
Cũng nhờ thầy đệ thấy mừng cho huynh
Ngẫm đời nghề lại huynh ơi
Bên ta lặn hụp cuối đời như không
Trường chừng bể xác trôi sông

Cũng nhờ trời Phật không mong chuyện này
Không thì huynh đệ cách xa
Ấm đường cách biệt phong ba cõi nào
Sống sao cho đáng anh hào
Đợi cho hết kiếp ta vào cảnh liên
Thường huynh đệ nhắc rài câu
Nghĩa tình huynh đệ ơn sâu nào bằng
Đệ đây đau khổ quá nhiều
Những lời không tốt mỹ miều thế gian
Làm cho đau khổ gian nan
Tâm đệ xả hết không mang theo mình
Để cho tâm lắng nhẹ đi
Tìm ra chánh pháp để đi đúng đường
Lời thầy dạy bảo thiên đường
Chúng ta mê muội sai đường đó thôi
Giống như khúc gỗ đang trôi
Không ai rớt được biết trôi hướng nào
Đệ huynh như bóng bên mình
Chung rai sát cánh thành hình nay mai
Chúc huynh tâm nhẹ sóng mai
Đến ngày khai mở Như Lai đón chào
Tâm huynh như cánh hoa đào
Gió bay thổi nhẹ lạc vào cảnh tiên

I. GIA THỂ VÀ SỰ RA ĐỜI:

Ngài trưởng lão Sīvali được sanh ra trong một gia đình giàu có, thân mẫu ngài là công chúa Suppavāsā, ngài là cháu ngoại của đức vua xứ Koliya; thân phụ của ngài tên Mahāli, là người của xứ Licchavī.

Khi mang thai ngài, điều kỳ diệu xảy ra trong gia đình là nàng công chúa Suppavāsā được mọi người đem lễ vật đến dâng tặng rất nhiều. Những hạt giống nào mà công chúa đựng vào thì đem gieo trồng sẽ được huê lợi rất cao, cao gấp trăm lần. Khi thu hoạch xong, lúa đem đổ vào nhà kho, mặc dù chỉ đổ vào chút ít nhưng nàng công chúa đựng tay vào cửa kho thì ắt hẳn lúa được đầy kho, tràn cả ra ngoài. Lúa được đem bớt ra ngoài, nếu công chúa đựng tay vào thì lúa sẽ đầy trở lại nhưng chưa từng được lấy ra. Cơm được nấu trong nồi nếu được công chúa đựng tay vào nồi thì nồi cơm ấy sẽ không bao giờ bị vơi, chỉ cho đến khi công chúa lấy tay ra khỏi nồi thì cơm mới vơi đi. Đó là điều kỳ diệu khi đang mang thai ngài.

Một điều lạ nữa, đó là khi mang thai, công chúa phải mang thai ngài đến tận 7 năm trời, chứ không phải là 10 tháng như những thai phụ khác. 7 năm trôi qua, cho đến khi đã có triệu chứng sắp lâm bồn thì công chúa Suppavāsā phải chịu sự đau đớn khốc liệt. Tuy nhiên, với người có tâm tín thành Tam Bảo, nàng Suppavāsā vẫn thường xuyên suy niệm ân đức Tam Bảo như sau:

"Sammāsambuddho vata so bhagavā yo imassa evarūpassa dukkhassa pahānāya dhammaṃ deseti; suppaṭipanno vata tassa bhagavato sāvakasaṅgho yo imassa evarūpassa dukkhassa pahānāya paṭipanno; susukhaṃ vata taṃ nibbānaṃ yatthidaṃ evarūpaṃ dukkhaṃ na saṃvijjati⁽¹⁾".

"Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này. Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy là khéo hành trì. Các ngài hành trì để đoạn tận đau khổ này. Thật sự an lạc là niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt⁽²⁾".

1. Ud.15

2. Kinh Phật tự thuyết. Phẩm Muccalinda. Trưởng lão Sīvali (HT Thích Minh Châu dịch Việt).



Đệ nhất về lợi lộc

Tk. Định Phúc

Công chúa Suppavāsā muốn bố thí cúng dường vật thực tạo phước đến Đức Phật và chư Tăng nên bảo hoàng tử Mahāli đi đến đánh lễ bậc Đạo Sư, vãn an ngài và nói cho ngài biết tình trạng đau khổ của mình như vậy. Hoàng tử Mahāli làm y theo lời nàng, đi đến đánh lễ bậc Đạo Sư và Thế Tôn đã nói như sau:

"Sukhinī hotu suppavāsā koliyadhītā; arogā arogaṃ puttaṃ vijāyatu".

"Mong rằng Suppavāsā, con gái vua Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn".

Do lời nói này của Thế Tôn, ngay tại tư gia, công chúa Suppavāsā đã hạ sanh được một bé trai tuần tú một cách nhẹ nhàng, không đau đớn sau 7 ngày phải chịu những đau đớn khốc liệt. Hoàng tử Mahāli trở về nhà thì rất vui mừng. Sự ra đời của hài nhi đã đem đến cho mọi người sự an vui, mát mẻ, dập tắt đi sự nóng lòng, lo lắng nên hài nhi được đặt tên là Sīvali.

II. DUYÊN LÀNH XUẤT GIA

Với niềm vui này, công chúa Suppavāsā xin cung thỉnh Đức Phật cùng với chúng Tỳ kheo đến tại tư gia để tận tay nàng cúng dường đặt bát đến Đức Phật và chư Tăng trong vòng 7 ngày liên tục.

Đến ngày thứ 7, sau khi cúng dường những vật thực thượng hạng, loại cứng, loại mềm đến Thế Tôn và chúng Tỳ kheo xong. Tôn giả Sāriputta hỏi công tử Sīvali:

- Nay con, con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?

- Thưa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? Con đã sống bảy năm trong các ghè đầy máu!

Công tử Sīvali có tâm nguyện xuất gia và được cha mẹ đồng ý. Tôn giả Sāriputta dẫn công tử Sīvali về chùa và truyền dạy về mục quán tưởng căn bản về năm thể trước "tóc, lông, móng, răng, da". Giới tử Sīvali được thọ giáo từ thầy tế độ là tôn giả Sāriputta, và được tôn giả Mahāmoggallāna cạo tóc xuất gia. Trong lúc cạo tóc, Sīvali đã phát triển thiện tuệ nên vừa mới đặt dao cạo lên đầu là đã đạt được Thánh quả Tu-đà-huờn. Với đường cạo thứ nhất, thứ hai, vị giới tử nhỏ tuổi đã lần lượt chứng đạt Thánh quả Tư-đà-hàm và Thánh quả A-na-hàm. Vừa cạo tóc xong thì đồng thời vị Giới tử cũng chứng đắc được Thánh quả A-la-hán cao thượng.

Từ khi sadi Sīvali xuất gia, lợi lộc phát sanh đến cho vị ấy cũng như là chư Tỳ kheo Tăng luôn được dồi dào, đầy đủ về bốn món vật dụng. Đó là do quả báo của phước thiện trong quá khứ mà vị sadi đã tạo trử.

III. ĐỆ NHẤT VỀ LỢI LỘC

Chú giải Kinh Pháp Cú đã ghi lại câu chuyện nói về oai lực phước báu của Tôn giả Sīvali. Và đây cũng là sự kiện mà Thế Tôn đã tuyên dương Tôn giả là đệ nhất về lợi lộc trong hàng tinh tấn đệ tử của Ngài.

Lúc bấy giờ, sau khi mãn mùa an cư, Tôn giả Sāriputta muốn đi thăm viếng người em của mình là Tôn giả Khadiravaniyarevata tu thiền ở trong rừng keo. Đức Thế Tôn cùng với 500 vị tỳ kheo. Đi đến một đoạn đường có ngã ba, Tôn giả Ānanda bạch hỏi thế tôn:

- Bạch Thế Tôn, có hai đoạn đường để đi. Một đoạn đường dài 30 do tuần, có nhiều nguy hiểm,

không có người ở; một đoạn đường dài 60 do tuần, có làng xóm để khát thực, đường đi an toàn.

- Nay Ānanda, có Sīvali đi với chúng ta không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Vậy thì, nay Ānanda, chúng ta hãy đi đoạn đường dài 30 do tuần.

Thế Tôn cùng với chúng Tỳ kheo đi trên đoạn đường dài 30 do tuần ấy, chư thiên biết được tin này, và nhất là có mặt của vị trưởng lão Sīvali nên chư thiên rất hoan hỷ và đã dùng thân thông hóa hiện ra làng xóm, những phước xá để tiếp đón Thế Tôn và đoàn Tỳ kheo tùy tùng. Họ hóa ra những người cận sự nam, cận sự nữ tín thành Tam Bảo, đi đến đánh lễ, hộ độ và cúng dường đầy đủ các món vật dụng rất dồi dào và chu đáo. Trong suốt hành trình 30 do tuần không hề có một chút nguy hiểm hay khó khăn gì trong việc kiếm tìm vật thực. Đó là do nhờ oai lực phước báu phát sanh của Tôn giả Sīvali, bậc đệ nhất về lợi lộc.

Chẳng mấy chốc, Thế Tôn đã ngự đến khu rừng keo, nơi Tôn giả Khadiravaniyarevata trú ngụ. Tôn giả đã hóa hiện ra hương thất, trú xá để đón tiếp Thế Tôn và chư Tăng. Suốt thời gian trú tại đó, chư thiên đã xuống để hộ độ, cúng dường đầy đủ bốn món vật dụng, không thiếu sót đến Thế Tôn và chúng Tỳ kheo.

Một hôm, khi các Tỳ kheo đang hội họp bàn về phước báu thù thắng của Tôn giả Sīvali, Thế Tôn đã ngự đến và nhân sự kiện ấy, bậc Đạo Sư đã tuyên bố:

"Etadaggam, bhikkhave, mama sāvakanam bhikkhūnam lābhīnam yadidaṃ sīvali⁽³⁾".

"Trong các đệ tử của ta, nay các Tỳ kheo, tôi thắng về lợi lộc là Sīvali⁽⁴⁾".

IV. ÁC NGHIỆP QUÁ KHỨ

Một hôm, các vị tỳ Kheo hội họp tại giảng đường, bàn về việc Tôn giả Sīvali là bậc đại phước, đại trí nhưng tại sao Ngài lại phải chịu khổ đau đớn trong bụng mẹ suốt 7 năm 7 ngày? Đức Thế Tôn biết rõ việc ấy nên đã thuyết về câu chuyện tiền thân của Tôn giả Sīvali.

Thuở quá khứ, Tôn giả sanh làm một vị vua trị vì xứ Bārāṇasī. Lúc bấy giờ, vua nước láng giềng đem quân sang với ý định thôn tính xứ Bārāṇasī. Vua nước láng giềng cho quân lập doanh trại nghỉ qua đêm sau một ngày hành quân mệt mỏi. Vua xứ

3. A.i.24

4. Tăng Chi Bộ Kinh 1. Phẩm Người Tôi Thắng. Phần Các Vị Tỳ Kheo.

Bārāṇasī biết được việc ấy, đã bàn bạc với mẫu hậu, cho đem quân ra bao vây doanh trại giặc, không cho bất cứ người nào ra vào suốt 7 ngày. Sau 7 ngày mới mở cửa doanh trại để thả vua và binh lính của nước láng giềng về nước. Do nghiệp ác này, đức vua Bārāṇasī sau khi chết bị sanh vào địa ngục nhiều kiếp. Và đến kiếp cuối cùng phải chịu khổ trong suốt thời gian trong bụng mẹ 7 năm 7 ngày. Và mẫu hậu của vị vua ấy, vì đồng tình với vua nên cũng phải chịu đau đớn như con trai của mình, đó cũng là tiền thân của nàng công chúa Suppavāsā hiện tại⁽⁵⁾.

V. HẠNH NGUYỆN THUỞ XƯA

Cách đây 100.000 kiếp trái đất, vào thời kỳ giáo pháp của Thế Tôn Padumuttara, khi ấy có một công tử của gia đình trưởng giả nọ có duyên lành nghe Chánh pháp. Nhân dịp nghe Thế Tôn Padumuttara tuyên dương Trưởng lão Sudassana là vị thịnh văn đệ tử tối thắng về lợi lộc trong hàng thịnh văn đệ tử của Ngài. Chàng công tử ấy vô cùng hoan hỷ và ước nguyện cũng muốn đạt được địa vị ấy.

Vì lẽ đó, công tử đã đi đến đánh lễ Thế Tôn rồi cung thỉnh Thế Tôn cùng với chư thịnh văn đệ tử ngự đến tại tư gia để cúng dường vật thực suốt 7 ngày liên tục. Vào ngày thứ 7, sau khi cúng dường vật thực xong, công tử trẻ tuổi ấy đã quỳ dưới chân Thế Tôn, đánh lễ và phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn, với phước báu cúng dường suốt 7 ngày, con không mong muốn gì khác, chỉ mong muốn đạt được trở thành vị thịnh văn đệ tử tối thắng về lợi lộc trong hàng đệ tử thịnh văn của Thế Tôn trong thời vị lai.

Thế Tôn Padumuttara dùng tuệ nhãn quán xét duyên lành và thấy ước nguyện của vị công tử này sẽ thành tựu trong thời vị lai nên ngài đã thọ ký rằng:

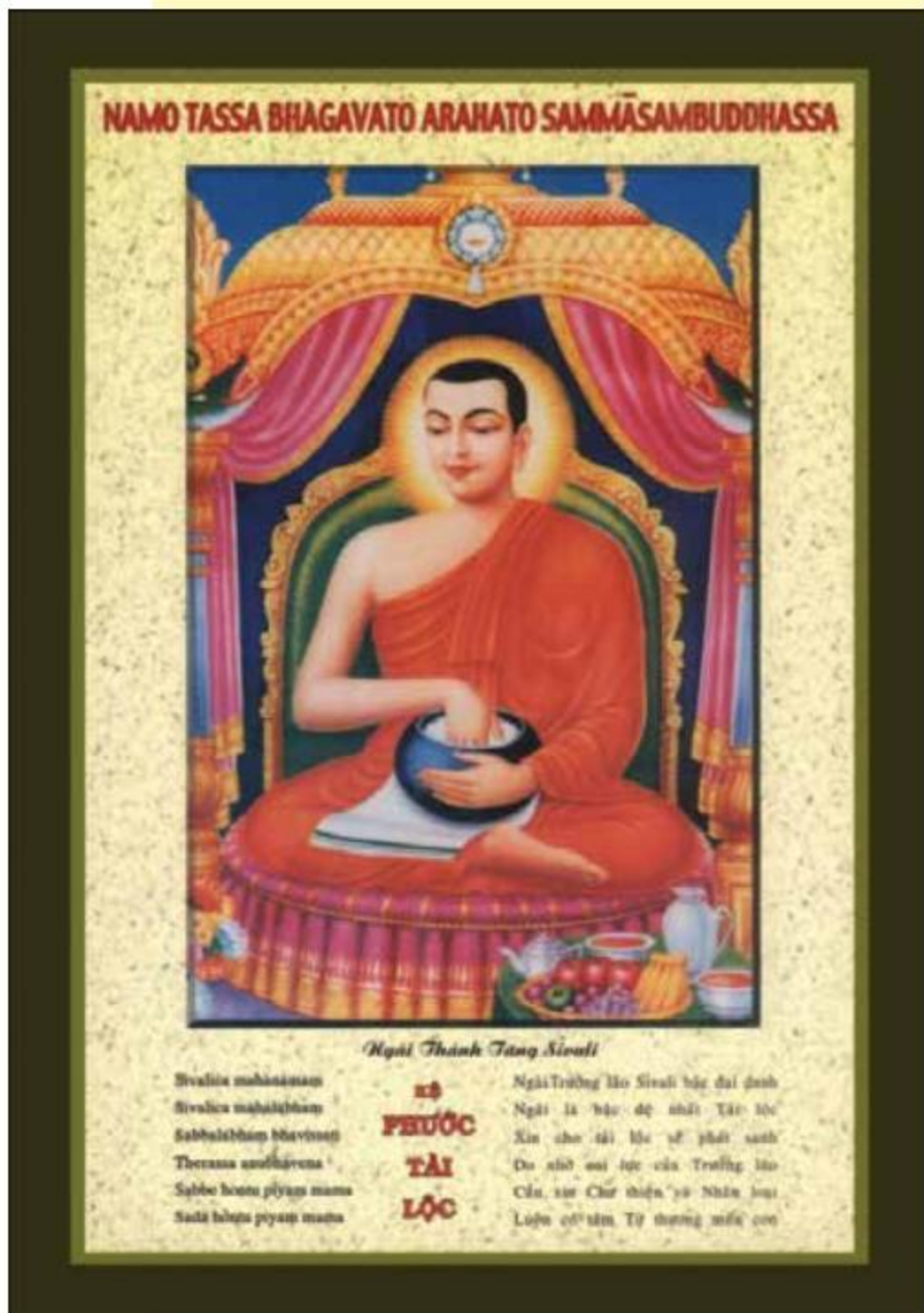
Tato avoca bhagavā suṇātha mama bhāsitaṃ,
Appameyyamhi buddhamhi saṅghamhi
suppatiṭṭhitā.

Dakkhiṇā tāya ko vattā appameyyaphalā hi sā,
Apicesa mahābhogo tñānaṃ pattheti uttamaṃ.
Lābhī vipulābhānaṃ yathā bhikkhu
sudassano,

Tathāhampi bhavēyyanti lacchatetaṃ anāgate.

Satasahassee ito kappe okkākakulasambhavo,

5. Khuddakanikāya. Apadāna 2. Phāṃ Bhaddiya. Trưởng Lão Sīvali. Kệ ngôn 6103-6107 (TK Indacanda dịch Việt).



Gotamo nāma nāmena satthā loke bhavissati.
Tassa dhammesu dāyādo oraso dhammanim-
mito,
Sīvali nāma nāmena hessati satthusāvako.

"Các người hãy lắng nghe lời nói của ta. Sự cúng dường đã khéo được thiết lập ở Đức Phật vô lượng, ở hội chúng, ai là người thông báo rằng chính việc cúng dường ấy là có quả báu vô lượng? Và luôn cả người có của cải dồi dào này cũng phát nguyện vị thế tối thượng rằng:

'Giống như vị Tỳ khưu Sudassana là có lợi lộc trong số các vị có lợi lộc dồi dào, mong rằng ta cũng có thể được tương tự như thế, (người này) sẽ đạt được điều ấy trong ngày vị lai.

Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

(Người này) sẽ trở thành thịnh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị (Phật) ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có

tên là Sīvali⁽⁶⁾".

Đó là lời thỏ ký của đức Thế Tôn Padumuttara cho công tử thanh niên, là tiền thân của Ngài Trưởng lão Sīvali trong kiếp hiện tại này.

Cách đây 91 kiếp trái đất, khi Thế Tôn Vipassī xuất hiện trên thế gian, tiền thân của Trưởng lão Sīvali là một thanh niên nghèo trong thành Bandhumati. Khi ấy, dân chúng trong thành đã tranh đua về việc bố thí cúng dường với đức vua nên đã hùn nhau lại làm phước cúng dường vật thực đến đức Thế Tôn Vipassī cùng với chư Tỷ kheo Tăng. Mọi thứ vật thực thượng hạng, loại cứng, loại mềm đã được chuẩn bị, sắp xếp chu đáo thì mọi người phát hiện còn thiếu sữa đông tươi và mật ong. Vị trưởng nhóm quyết định đi tìm mua cho bằng được hai món này để cúng dường, dù bất cứ giá nào cũng phải mua.

Khi ấy, chàng thanh niên nghèo là tiền thân của ngài Sīvali đi đến, trên tay cầm theo sữa đông tươi và mật ong đi vào thành, vị trưởng nhóm thấy được liền đến xin mua ngay với giá 1 kahapana. Chàng thanh niên rất ngạc nhiên với số tiền lớn như vậy, muốn tìm hiểu lý do vì sao nên chàng không chịu bán với giá đó. Hai bên cò kè giá cả, cuối cùng trị giá của hai món ấy đẩy lên đến 1000 kahapana. Chàng thanh niên nghèo quá đỗi ngạc nhiên nên hỏi rõ lý do và được giải thích rõ ràng.

Khi biết được nguyên nhân, chàng thanh niên đã phát tâm cúng dường toàn bộ phần sữa đông tươi và mật ong của mình với đại lễ cúng dường của dân chúng ấy. Sau khi cúng dường xong vật thực, khi Thế Tôn và chư Thánh thỉnh văn đã thọ thực xong, chàng thanh niên ấy đã đi đến đánh lễ Thế Tôn và phát nguyện sẽ trở thành vị thỉnh văn đệ tử tối thắng về lợi lộc trong hàng thỉnh văn đệ tử của Thế Tôn thời vị lai. Đức Phật Vipassī đã thọ ký điều này cho chàng thanh niên.

VI. KỆ NGÔN TÁN DƯƠNG

Sīvali ca mahānāmaṃ
Sabbalābhaṃ bhavissati
Therassa anubhāvena
Sabbe hontu piyaṃ mama.

*Ngài Sīvali bậc đại danh
Mong nhiều lợi lộc sẽ phát sanh
Do nhờ oai lực Ngài Trưởng lão
Tất cả muôn loài thương mến con⁽⁷⁾.*

6. Khuddakanikāya. Apadāna 2. Phāṃ Bhaddiya. Trưởng Lão Sīvali. Kệ ngôn 6188-6192 (TK Indacanda dịch Việt).

7. TK Samādhīpuñño dịch Việt

Sīvali ca mahālābhaṃ
Sabbalābhaṃ bhavissati
Therassa anubhāvena
Sabbe hontu piyaṃ mama.

*Ngài Sīvali bậc đại lộc
Mong nhiều lợi lộc sẽ phát sanh
Do nhờ oai lực Ngài Trưởng lão
Tất cả muôn loài thương mến con⁽⁸⁾.*

Sīvali ca mahāthero
Mama sīse ṭhapetvāna
Mantitena jāyomantaṃ
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

*Ngài Sīvali bậc Trưởng lão
Con xin tôn kính trên đỉnh đầu
Thành kính tán dương ân đức Ngài
Thường xuyên, con sẽ đánh lễ Ngài⁽⁹⁾.*

Sīvali ca mahāthero
Devatā narapūjito
Soraho paccayādimehi
Sīvali ca mahāthero
Yakkhādevābhipūjito
Soraho paccayādimehi
Ahaṃ vandāmi sabbadā
Sīvali therassa etaṃ guṇaṃ
Bhavalābhaṃ bhavantu me.
Iminā sakkārena sīvalitherāṃ abhipūjayāmi.
Sīvali ca mahāthero
Indo brahmāca pūjitaṃ
Sabbalābhaṃ bhavissati
Therassa anubhāvena
Sabbasoṭthī bhavantu me. ●



8. TK Samādhīpuñño dịch Việt

9. TK Samādhīpuñño dịch Việt

Sức khỏe phụ nữ trong y học Tây Tạng và vị nữ bác sĩ Tây Tạng “Đầu tiên”

Vincanne Adams và Dashima Dovchin
Lý Thị Thu Linh dịch

Y học Tây Tạng là một trong những hệ thống y học cổ xưa nhất vẫn tiếp tục tồn tại trên thế giới. Những đóng góp tiềm năng của y học Tây Tạng đối với quan điểm hiện đại về sức khỏe và chữa bệnh rất là lớn. Dựa trên bao thế kỷ của việc thử nghiệm, quan sát, và thích ứng với nhiều kỹ thuật y học từ Ấn Độ, Trung Quốc và Ba Tư, kết hợp cùng với các phương cách bản địa của cao nguyên Tây Tạng có niên đại từ thế kỷ thứ bảy, y học Tây Tạng tiếp tục canh tân cho đến ngày hôm nay và tự cải thiện mà vẫn không rời giới luật hay nhiều lý thuyết căn bản của Phật giáo. Y học Tây Tạng được gọi là sowa rigpa, nghĩa đen là “khoa học chữa bệnh”. Những văn bản nguyên tác, rGyud bzhi, hoặc Tứ Mật Kinh, có niên đại từ thế kỷ mười một, thời kỳ phục hưng của khoa y học Tây Tạng và của Phật giáo Tây Tạng nói chung. Một số văn bản y học cốt yếu sử dụng trong y học Tây Tạng được dịch từ tiếng Sanskrit và dần dần được đem vào trong Phật giáo Tangyur (bộ sưu tập kinh tạng các bài chú giải và luận giải Phật giáo). Cùng với truyền thống y học Ấn Độ cổ xưa, người Tây Tạng cũng chấp nhận quan niệm của Phật giáo Mật thừa về thân, đặc biệt là bộ kinh nổi tiếng Kālacakra Tantra (Kinh Thời Luân), và một số kỹ thuật dược lý bắt nguồn từ nghệ thuật luyện kim. Những vay mượn này dần dần được sửa đổi cho phù hợp, được làm cho phong phú hơn, và được dung hợp thành một truyền thống y học đặc biệt của Tây Tạng liên hợp chặt chẽ với Phật giáo.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ mô tả sự liên hợp giữa y học và Phật giáo Tây Tạng, cụ



thể, về lý luận y học, các quan niệm về cơ thể, sinh lý học, và bệnh lý. Và rồi chúng tôi sẽ tập trung vào những câu hỏi về sức khỏe của phụ nữ, và về sự đóng góp của nữ y sĩ Tây Tạng đầu tiên, nổi tiếng, Amchi Kandro Yangkar. Chúng tôi cũng sẽ tìm hiểu về các mối quan hệ giữa tôn giáo và khoa học được thể hiện qua cuộc sống và công việc của bà. Kandro Yangkar sống trong một giai đoạn chuyển đổi lớn ở Tây Tạng và giúp xây dựng ban y tế phụ nữ, ngày nay thuộc Mentsikhang Tây Tạng (Bệnh viện Y học Tây Tạng, Đại học Y khoa và Chiêm Tinh học). Chúng tôi đề cập đến Yangkar không chỉ vì những cống hiến của bà đối với sức khỏe phụ nữ, nhưng cũng vì ngày nay bà được thừa nhận là người Tây Tạng “đầu tiên”, và trong cộng đồng y khoa, một trong những nữ bác sĩ được tôn trọng nhất. Trong

công việc, bà minh họa một phương cách chữa bệnh theo Phật giáo mà các y sĩ Tây Tạng ngày nay gọi là phương cách "từ bi". Điều này được làm cho nổi bật hơn do những khó khăn về chính trị và xã hội mà bà phải đối diện và thời điểm bất ổn mà bà đã sống trong đó.

Y HỌC TÂY TẠNG VÀ PHẬT GIÁO

Y học Tây Tạng có sự liên hệ chặt chẽ với Phật Pháp. Truyền thống Phật giáo Tây Tạng cho rằng đức Phật công nhận tính chất cơ bản của sự hiện hữu như là một trong những cái khổ, và thiết lập việc loại bỏ nỗi khổ này bằng cách đề xuất một số cách hành xử để loại bỏ nguyên nhân gây ra khổ. Tất cả những giới luật liên quan đến việc xác định khổ và loại bỏ các nguyên nhân của nó được phản ánh trong ngành y học. Vì vậy, sau khi đạt giác ngộ, đức Phật có danh hiệu "Vị Y sĩ Thượng thừa". Y học Tây Tạng và triết học Phật giáo san sẻ một số khái niệm cơ bản về trạng thái nhân bản và tính chất vật chất của thể giới hiện tượng – những khái niệm khác biệt đáng kể so với suy nghĩ của người phương Tây. Trong các nỗ lực của đức Phật, cụ thể là những đề nghị để loại bỏ khổ thông qua các phương pháp y học công nhận rằng, ví dụ, tính chất tương đối và điều kiện hóa của các hiện tượng vật chất, do đó, tính thực dụng của tất cả các hiện tượng (ví dụ, động vật, khoáng vật, thực vật) trong việc tạo ra tình trạng sức khỏe.

Theo truyền thống phổ biến, các luận thuyết kinh điển về y học, rGyud bzhi, được đức Phật Thích Ca Mâu Ni giải nghĩa qua hiện thân của đức Phật Dược Sư (Bhaisajyaguru). Sự xuất hiện của các lý thuyết y học tại Tây Tạng bắt nguồn từ vị thông dịch viên người Ấn Độ, Candrānanda và ngài Đại Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), sống ở Tây Tạng dưới thời vua Trison Deutsen, và sau đó là Yuthok Yontan Gampo, vị trưởng lão, người được cho là đã luật hóa các giáo lý. Các văn bản được coi là rGyud bzhi hiện nay có lẽ đã được hệ thống hóa một lần nữa trong thời của Yuthok Yontan Gampo, vị hậu bối, trong thế kỷ thứ mười một và mười hai, và được bổ sung với nhiều bài chú giải trong các thế kỷ sau đó.

Biểu tượng chánh yếu trong Mật Tông là đức Phật Dược Sư (Bhaisajyaguru), ngài tỏa ra những tia ánh sáng nhiều màu gọi rửa cho chúng sinh sạch hết những vô minh và chữa lành khổ đau nơi thân do sự mất cân bằng dịch thể. Trong y học Tây Tạng, sự cân bằng



Thiếu nữ Tây Tạng - ảnh internet

dịch thể ảnh hưởng đến việc phòng chống dịch bệnh và duy trì sức khỏe cho tốt. Sự chuyển tải các tư tưởng Phật giáo và hình ảnh liên quan đến đức Phật Dược Sư vào trong các phương pháp y học qua hai phương cách. Mỗi phương cách có thể làm sáng tỏ sự hiểu biết duy nhất của phụ nữ trong, và những đóng góp độc đáo của phụ nữ với cách chữa bệnh của Phật giáo. Trước hết, Phật giáo Tây Tạng có những lý thuyết đặc biệt về bản chất của thể giới vật chất liên kết đạo đức, môi trường và chức năng sinh lý học, cùng với nhau trong nhiều cách tiếp cận đối với các bệnh phụ khoa, đưa ra những giải pháp cho sức khỏe phụ nữ có thể coi là đặc biệt Phật giáo. Thứ đến, các nhà trị liệu nhận ra tầm quan trọng trong cách ứng xử của họ như những con người từ bi và tính ưu việt của sự phục vụ tha nhân. Những phương cách trị liệu này được minh chứng nơi nữ bác sĩ "đầu tiên" của Tây Tạng.

Chuyển Tải Lý Tưởng Phật Giáo Vào Lý Thuyết Y Học: Khái Quát

Nền tảng lý thuyết và thực hành của y học Tây Tạng được quy định trong một bài luận giải cơ bản được gọi là Gyud bzhi, hoặc Tứ Mật Kinh. Ngoài Tứ Mật Kinh, còn có vô số khái yếu được sử dụng rộng rãi, trong đó có Lam Lục Bảo Thạch Luận (The Blue Beryl Treatise), là một bộ sưu tập độc đáo với những lời chú giải và hình ảnh minh họa từ các luận cứ y học được hình thành trong Thế kỷ thứ XVII, được sử dụng như là một bản ghi nhớ cho các bác sĩ tập sự Tây Tạng. Các tài liệu đó giới thiệu một phương pháp trị liệu trong đó các giáo lý Phật giáo tạo nên cơ sở cho các lý thuyết về

sinh lý và bệnh lý, cũng như các phương pháp để chẩn đoán và trị liệu. Ví dụ, Phật giáo cho rằng vũ trụ là vô thường và liên tục thay đổi. Ý tưởng này được chuyển tải vào các lý thuyết y học về thế giới vật lý, và phương cách mà qua đó các hiện tượng thô có liên quan với nhau như sau: y học Tây Tạng cho rằng cơ thể con người tự động điều chỉnh theo những thay đổi vô hạn định, nhưng sự mất cân bằng có thể xuất hiện nếu những ảnh hưởng bên ngoài và sự cân bằng bên trong cơ thể không thể hòa hợp với nhau.

Trong y học Tây Tạng, sự thiếu hòa hợp này được coi là xuất phát từ hoạt động của hai mươi lăm yếu tố, bao gồm ngũ hành, lục vị và những đặc tính thứ yếu. Lấy một ví dụ về lý thuyết của ngũ hành, mọi vật chất trong thế giới vĩ mô và vi mô được hình thành bởi năm yếu tố vũ trụ-vật lý của đất (sa), nước (chu), lửa (me), gió (rung), và không gian (nammkha). Cơ thể cũng bao gồm vũ trụ-vật lý cơ bản của ngũ hành. Sự rối loạn liên quan đến sự thiếu hài hòa hoặc mất cân bằng bằng cách tăng hoặc giảm các yếu tố này trong cơ thể hoặc trong môi trường.

Vì mỗi cá nhân tương trưng cho sự kết hợp độc đáo của các yếu tố này, và vì sức khỏe cá nhân được quyết định bởi sự duy trì cân bằng nội tại, sự dư thừa của một hay nhiều yếu tố có thể gây ra bệnh, đó là, sự xáo trộn cân bằng tự nhiên. Sự cân bằng nội tại được quyết định bởi sự tương tác hài hòa của tam dịch thể (ba chất nước trong cơ thể): gió (rlung), mật (mkhris pa), và đờm (badkan). Tam dịch thể bảo đảm sự hoạt động lành mạnh của cơ thể bằng cách điều chỉnh sự hợp thành cơ bản của các yếu tố thông qua các bộ phận và các ống dẫn trong cơ thể. Tam dịch thể không phải là những thực thể riêng biệt, cũng không được xem như là những bộ phận hoặc hệ thống bộ phận, mà là những nguyên tắc có hệ thống hoặc các năng lượng có liên quan đến những hiện tượng tự nhiên như nóng, lạnh và sự di chuyển, cũng liên tục thay đổi. Chúng có mối liên hệ rõ ràng và cụ thể với nhau, và khi chúng hoạt động bình thường, chúng có những yếu tố sinh lý phù hợp với nhau. Khi hoạt động của chúng bị xáo trộn, các yếu tố sinh lý nói trên đều biến thành bệnh lý.

Các tư tưởng Phật giáo được chuyển tải sang lý thuyết y học qua hai phương pháp, thứ nhất là qua hệ thống dịch thể. Phẩm chất đặc biệt và sức mạnh của những dịch thể được xác định không chỉ bằng phẩm chất của các yếu tố có mặt trong các tế bào phôi thai (bản thân của chúng

bị ảnh hưởng bởi phẩm chất của những dịch thể tái tạo từ cha và mẹ, bởi những điều kiện bẩm sinh, và bởi chế độ ăn uống của người mẹ), và còn bởi sự hiện diện của tam độc, tham, sân và si, được thể hiện trong sự hình thành thai nhi dưới dạng của các thể dịch: gió, mật và đờm. Nói cách khác, sự phát triển của các dịch thể trong bào thai phụ thuộc một phần vào phẩm chất của nghiệp (nghĩa là, phẩm chất của sự tồn tại đạo đức của một người) được luân chuyển từ nghiệp của kiếp sống quá khứ.

Bằng cách này, y học Tây Tạng đưa ra mối quan hệ giữa đạo đức tôn giáo và sinh lý học trong đó sự có mặt của các chất độc là kết quả của những hành động quá khứ. Do vậy, cơ thể con người, chỉ bằng sự hiện hữu đơn thuần của nó, là biểu hiện của tiềm lực tinh thần và đạo đức. Nó thể hiện sự kết hợp của ngũ hành, là kết quả của sự pha trộn của tinh cha, huyết mẹ, để tạo ra cuộc sống hay được "bắt lửa" từ sức mạnh của cuộc sống, chứa đựng tiềm năng nghiệp cá nhân. Chính sức mạnh này tạo ra các tế bào cơ thể và dịch thể, sau đó là những phần phức tạp của cơ thể khi các dịch thể hoạt động trên các thành phần kết hợp nên thân. Tóm lại, những thiện ác trong quá khứ được thể hiện trong sức mạnh, phẩm chất, hoặc sức sống sinh lý của một người (còn tiếp). ●



Phật Dược sư được tôn thờ là vị thần của sức khỏe trong y học mật tông Tây tạng (ảnh internet)

Uống nước cây sả tươi làm cho tế bào ung thư tự tiêu hủy

Tại Do Thái, ruộng rẫy trồng sả tươi là thánh địa cho bệnh nhân ung thư (cancer)

Alison Kaplan Sommer April 02, 2006

Uống một liều lượng nhỏ chừng 1g cây sả tươi, chứa đủ chất dầu làm cho tế bào cancer tự hủy trong ống nghiệm.

Các nhà nghiên cứu người Do Thái đã tìm ra đường lối làm cho tế bào cancer tự hủy diệt. Tại trường đại học Ben Gurion, Đầu tiên người ta thấy một nông dân tên là Benny Zabidov, người này đã trồng một loại cỏ trong trang trại Kfar Yedidya của mình thuộc vùng Sharon, ông này không hiểu sao có rất nhiều bệnh nhân cancer, họ đến từ khắp nơi trong nước, tập trung trước cửa nhà Zabidov hỏi xin cây sả tươi. Thì ra các bác sĩ bảo họ đến. Họ được khuyên phải uống mỗi ngày 8 lần cây sả tươi ngâm với nước sôi trong những ngày họ đến chữa bằng radiation và chemotherapy.

Tất cả bắt nguồn từ các nhà nghiên cứu tại trường đại học Ben Gurion thuộc vùng Negev, năm ngoái họ đã khám phá ra dầu thơm trong cây sả đã diệt được tế bào cancer trong ống nghiệm, trong khi tế bào lành vẫn sống bình thường. Dẫn đầu toán nghiên cứu là bác sĩ Rivka Okir và giáo sư Yakov Weinstein, giữ chức vụ của Albert Katz Chair, trong nghiên cứu sự khác biệt của tế bào và những bệnh ác tính, từ các phân khoa vi sinh học và miễn nhiễm tại BGU.

Chất dầu sả là chìa khóa cấu thành đã tạo mùi thơm chanh và mùi vị dược thảo như cây sả (Cymbopogon citratus), melissa (melissa officinalis) and verbena (Verbena officinalis).

Huyền Trang sưu tầm

Theo Ofir, sự học hỏi tìm ra chất dầu sả gây cho tế bào cancer tự tử gọi là chương trình gây sự tử vong của tế bào (programmed cell death).

Uống một liều lượng nhỏ 1g cây sả có đủ chất dầu thúc đẩy tế bào cancer tự hủy trong ống nghiệm! Các nhà thanh tra thuộc trường BGU thử lại sự ảnh hưởng của chất dầu sả trên tế bào cancer bằng cách cho thêm tế bào lành, đã được nuôi cấy, vào. Số lượng cho vào bằng với số lượng trà cây sả với 1g đã được ngâm nước sôi. Nhận thấy trong khi chất dầu sả diệt tế bào cancer thì tế bào lành vẫn sống bình thường.

Sự khám phá được đăng trên báo khoa học Planta Medica, được nhấn mạnh về các sự thí nghiệm các phương thuốc chữa trị bằng dược thảo.



Ngay sau đó, sự khám phá đã được đưa lên phổ biến bằng các phương tiện truyền thông công chúng.

Tại sao dầu sả lại tác dụng như vậy? Không ai biết chắc chắn, nhưng các khoa học gia trường BGU đã đưa ra một lý thuyết: trong mỗi tế bào của cơ thể chúng ta có một chương trình di truyền, nó đã gây ra một "chương trình tế bào chết". Khi có điều gì sai lạc, tế bào phân chia ra mà không kiểm soát được và trở thành tế bào cancer.

Ở tế bào bình thường, khi tế bào khám phá ra hệ thống kiểm soát không điều hành đúng, thí dụ khi nó nhận thấy tế bào chứa đựng những di truyền sai lạc khi phân chia – nó sẽ kích hoạt cho tế bào chết đi, đó là sự giải thích của Weinstein. Sự nghiên cứu này đã cho thấy lợi ích của dược thảo trên về mặt y khoa.

Sự thành công của họ đã đưa tới kết luận về cây sả, có chứa chất dầu, được coi như có khả năng chống lại tế bào cancer, như là họ đã từng nghiên cứu tại trường BGU và đã được phổ biến trên truyền thông, nhiều bác sĩ tại Do Thái đã bắt đầu tin tưởng những nghiên cứu có thể mở rộng hơn nữa, trong khi vẫn khuyến cáo những bệnh nhân, tìm đủ mọi cách để chống lại căn bệnh này, bằng cách dùng cây sả để tiêu diệt tế bào cancer.

Đó là lý do tại sao trang trại của Zabidov – nơi duy nhất trồng cây sả (lemon grass) tại Do Thái – đã trở nên một thánh địa cho những bệnh nhân này. May mắn thay họ đã tự tìm thấy đôi bàn tay thần diệu. Zabidov đón tiếp những người khách viếng thăm với những ấm trà cây sả và những đĩa bánh ngọt bằng thái độ niềm nở, ông ta nói: Cha tôi chết vì cancer, chị vợ tôi chết khi còn trẻ cũng vì cancer. Vì vậy, tôi hiểu rõ những gì họ đã phải chịu, và tôi có thể không biết gì về thuốc men, nhưng tôi biết lắng nghe. Những bệnh nhân thường nói với tôi về sự điều trị đắt tiền mà họ phải trải qua. Tôi không bao giờ bảo họ ngưng chữa trị, nhưng cũng rất tốt khi họ dùng thêm trà cây sả.

Zabidov biết rõ tiếng gọi của nghề nông đã đến với ông từ thời trai trẻ. Ở tuổi 14, ông đã theo học trường trung học canh nông Kfar Hayarok. Sau khi phục vụ trong quân đội, ông làm việc cùng nhóm lý tưởng chủ nghĩa hướng về phương nam, trong vùng sa mạc Arava một moshav mới (agriculture settlement) gọi là Tsofar.

Ông ta mỉm cười và nói: Chúng tôi rất thành công. Chúng tôi trồng trái cây và rau. Chúng tôi cũng nuôi nấng những đứa con xinh xắn. Trong một chuyến du lịch sang châu Âu vào giữa thập niên 80,

ông ta bắt đầu thích dược thảo. Do Thái, ở một thời, thường có khuynh hướng là không gì thích hơn các món ăn phương Đông và chỉ có một số thể loại dược trồng có tính thương mại như cây cần tây (parsley), cây thì là (dill), cây ngò thơm (coriander).

Đi lang thang trong khu chợ Paris, tìm kiếm một vài loại dược thảo, Zabidov đã thấy được một tiềm lực có thể xuất cảng to lớn nằm trong một góc chợ. Zabidov mang mẫu về nhà, ông ta mỉm cười, nói: Đây là sự bất hợp lệ có tính kỹ thuật, để xem chúng có thể lớn lên trong nhà kính vùng sa mạc không. Không bao lâu ông ta có thể trồng các loại như rau húng quế (basil), cây kinh giới (oregano), cây ngải giấm (tarragon), một loại tỏi (chives), cây đan sâm (sage), và bạc hà. Công việc của ông ta là phát triển cơ ngơi vùng sa mạc, ông ta quyết định di chuyển về phía bắc, lập trang trại moshav tại Kfar Yedidya, một giờ rưỡi lái xe ở phía bắc Tel Aviv. Bây giờ ông ta bán hàng mấy trăm kí lô cây sả mỗi tuần và đã ký kết những hợp đồng phân phối hàng với các tiệm thực phẩm. Zabidov đã chính mình học hỏi về dầu cây sả và giúp khách hàng của ông ta hiểu biết hơn nữa, cũng như mời các chuyên gia y khoa tới trang trại của ông ta, nói chuyện về công dụng của cây sả. Ông ta cũng có trách nhiệm để nói chuyện với khách hàng của mình về cách dùng dược thảo này, Khi tôi nhận thấy có gì xảy ra, tôi cầm phone lên và gọi bác sĩ Weinstein ở đại học Ben Gurion, vì những người này hỏi tôi cách tốt nhất để dùng dầu cây sả. Ông ấy nói ngâm sả trong nước sôi và uống 8 ly mỗi ngày.

Zabidov là người có công tìm ra cây sả, không phải đơn giản chỉ cho công việc trong trang trại, mà còn vì ảnh hưởng đến sức khỏe của chính ông ta. Ngay cả trước khi sự lợi ích của cây sả được biết đến và sử dụng, ông ta và gia đình đã uống trà cây sả hằng năm bởi vì hương vị thích thú của nó. ●





Tìm hiểu Luật hình sự



Câu hỏi: Tôi có người quen vi phạm pháp luật đã bị bắt tạm, tôi đến thăm họ không cho gặp trong thời gian tạm giam, rồi sau này nghe nói thủ tục hành chính hay hình sự gì đó. Vậy xin cho hỏi: "Người tạm giữ theo thủ tục hành chính và người tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự. Khác nhau như thế nào? Có gì khác nhau không?"

(Tăng sinh, ni sinh K 6- TCPH).

Luật sư Lâm Thị Mai:

Thủ tục Tạm giữ người theo hành chính khác với Tạm giữ người theo thủ tục tố tụng hình sự về một số điểm khác nhau như sau:

- **Một là**, đối tượng có thể bị tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự là những người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Còn đối tượng bị áp dụng biện pháp tạm giữ theo thủ tục hành chính là những người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

- **Hai là**, mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự là: Để kịp thời ngăn chặn tội phạm và để bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Mục đích áp dụng biện pháp tạm giữ (theo thủ tục tố tụng hình sự) nói riêng là để xác định căn cứ khởi tố bị can đối với người bị bắt hoặc giao người bị truy nã cho cơ quan đã ra lệnh truy nã. Còn mục đích tạm giữ người theo thủ tục hành chính là ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc để thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính.

- **Ba là**, những người sau đây có quyền ra lệnh tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự: Thủ

trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp Trung đoàn và tương đương; Người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng; Chỉ huy trưởng vùng Cảnh sát biển. Ngoài Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp huyện, người chỉ huy tàu bay, tàu biển, thì còn rất nhiều người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính. Như vậy, thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục tố tụng hình sự hạn chế hơn thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

- **Bốn là**, về thủ tục thì cả tạm giữ người theo thủ tục tố tụng hình sự và tạm giữ người theo thủ tục hành chính đều phải có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền. Nhưng sau khi ra quyết định tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự, thì người có thẩm quyền phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi ra quyết định tạm giữ. Viện kiểm sát có quyền xem xét và nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ, thì huỷ bỏ quyết định tạm giữ; khi đó người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Còn quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính không phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Người bị tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự bị tạm giữ ở nhà tạm giữ, hoặc buồng tạm giữ của trại tạm giam. Còn người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính không bị giữ ở nhà

tạm giữ, hoặc buông tạm giữ của trại tạm giam.

- **Năm là**, thời hạn tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự là ba ngày và có thể gia hạn hai lần mỗi lần không quá ba ngày. Còn thời hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính là 12 giờ và có thể kéo dài đến 24 giờ; đối với người vi phạm quy chế biên giới hoặc vi phạm hành chính ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Việc gia hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính không cần phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành. Còn việc kéo dài thời hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

Thời hạn tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự được trừ vào thời hạn tạm giam, cứ một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam. Nếu sau đó người đã bị tạm giữ bị kết án và phạt tù có thời hạn, thì thời hạn tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù (Điều 33 Bộ luật Hình sự). Còn thời hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính không được trừ vào thời hạn tạm giam và do vậy cũng không được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt. Nhưng hiện nay, trong thực tiễn xét xử vẫn còn một số trường hợp Tòa án trừ thời hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính vào thời hạn chấp hành hình phạt. Cho nên, khi tính toán và trừ thời hạn tạm giữ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù cần chú ý một số trường hợp sau:

Thứ nhất, trường hợp công dân bắt người

phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và giải ngay đến Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân tiến hành việc giữ người bị bắt, lập biên bản nhận người và giải người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Công việc này chiếm một thời hạn nhất định nhưng không được tính thời hạn này là thời hạn tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự bởi vì việc tạm giữ ở đây là tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Thứ hai, trường hợp người phạm tội tự thú, đầu thú tại Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân cũng tiến hành việc giữ người bị bắt, lập biên bản nhận người và giải người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Và công việc này cũng chiếm một thời hạn nhất định nhưng không được tính thời hạn này vào thời hạn tạm giữ theo thủ tục tố tụng hình sự bởi vì việc tạm giữ ở đây là tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Thứ ba, theo quy định của Bộ luật Hình sự, thì "đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm" là dấu hiệu thuộc mặt khách quan của một số tội phạm như: Tội buôn lậu (điểm a và c khoản 1 Điều 153); tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (điểm a và c khoản 1 Điều 154); tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm (khoản 1 Điều 155); tội sản xuất, buôn bán hàng giả (khoản 1 Điều 156); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (khoản 1 Điều 158); tội kinh doanh trái phép (khoản 1 Điều 159)... Cho nên, sẽ xảy ra một số trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm hành chính bị tạm giữ, sau đó Cơ quan ra lệnh tạm giữ người xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Sau khi thụ lý vụ án cơ quan tiến hành tố tụng đã ra lệnh tạm giam thì thời hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính cũng không được trừ vào thời hạn tạm giam.

Trong các trường hợp nêu trên, nếu người đã bị tạm giữ theo thủ tục hành chính bị kết án và bị phạt tù, thì không được trừ thời hạn tạm giữ theo thủ tục hành chính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Cám ơn câu hỏi chia sẻ của quý Tăng.●

Lễ an vị tượng Phật Níp Bàn lớn nhất hệ phái Phật giáo Nguyên thủy

Võ Tấn Phát

Ngày 23-10 (27-9 Tân Mão), chùa Thiền Quang II tọa lạc tại số 219 Ấp 3, Xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai đã tổ chức lễ an vị tượng Phật Níp Bàn.

Đến tham dự và chứng minh buổi lễ có TT. Thiện Pháp, TT. Thiện Nhân, TT. Trí Đức cùng chư tôn đức Tăng – Ni trụ trì và đại diện các chùa và các cấp Chính quyền sở tại cùng hơn 1.000 Phật tử ở Tp. Hồ Chí Minh và các nơi về tham dự buổi lễ.

Được biết tôn tượng Phật nhập Níp Bàn do TT. Chí Tâm trụ trì bốn tự khởi công kiến tạo từ ngày 27-8-2010 (18-7- năm Canh Dần) với tổng kinh phí hơn 600 triệu đồng, do chư Tăng – Ni và Phật tử phụng cúng. Đây là tượng Phật Níp Bàn lớn nhất hệ phái Phật giáo Nguyên thủy với chiều dài 18m, chiều cao 5,2m và ngang 5,2m. Nhân lễ an vị có nhiều hoạt động phong phú diễn ra như dâng y Kathina, thuyết pháp, cúng dường trai tăng. ●



Cung thỉnh chư Tăng quang lâm



Chư Tăng tụng kinh an vị tượng Phật Níp bàn

Lũ lụt ở Thái Lan

PV PGNT

Thời gian qua lũ lụt đã hoành hành tại Bangkok và 26 tỉnh thành của Thái Lan, đây là trận lũ lụt tồi tệ nhất trong năm thập kỷ qua đang đe dọa thủ đô Bangkok, theo Bangkok Post nước đã bắt đầu lan ra nhiều khu vực tại Bangkok như sân bay Don Muang (Đôn Mường), Bang Phlad và Thawi Wattana...

Lũ lụt kéo dài ở Thái Lan khiến cuộc sống hàng triệu người dân điêu đứng. Hãng AFP dẫn thống kê mới nhất của Chính phủ Thái Lan, tính đến ngày 02-11-2011 đã có 427 người chết vì lũ lụt. Tốc độ đô thị hóa quá nhanh cộng với biến đổi khí hậu đã khiến Thái Lan, một điểm thu hút đầu tư nước ngoài, đất nước của du lịch, phát triển nông nghiệp... đứng trước những thách thức.

Các cơ quan tín dụng quốc tế dự đoán kinh tế Thái Lan thiệt hại khoảng 6,5 tỷ đô la Mỹ, dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2011 từ mức 4% hồi đầu năm đã được hạ xuống chỉ còn 2,8%. Lũ lụt ở Thái Lan khiến người ta phải nhìn lại quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ thiên nhiên. Tác hại lũ lụt ở Thái Lan làm sững sốt cả thế giới. ●



Các nhà sư lội nước trên đường phố tại thành phố Ayutthaya



Lễ Khánh Tuế Lần Thứ 94 Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu

Hiền Huy Hòa Hiệp

Vào lúc 14g00, ngày 20 tháng 10 năm 2011 (24/09 Tân Mão - PL: 2555) tại Thiền Viện Vạn Hạnh (750 Nguyễn Kiệm - P. 4 - Q. Phú Nhuận - TP.HCM) đã tổ chức buổi lễ khánh tuế lần thứ 94 Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu. Tới tham dự chứng minh gồm có:

Đại lão HT. Thích Đức Nghiệp

HT. Thích Trí Quảng

HT. Thích Giác Toàn

HT. Thích Trung Hậu

HT. Thích Thiện Nhơn

HT. Thích Đạt Đạo

TT. Thích Bửu Chánh

GS. Trần Văn Khê, cùng chư tôn đức, Tăng Ni sinh khóa IX và đông đảo Phật tử xa gần.

Trong buổi lễ hãng phim Sen Việt đã ra mắt bộ phim kỷ sự tài liệu đầu tiên về các vị cao Tăng Việt Nam do hãng phim Sen Việt và Thiền viện Vạn Hạnh tổ chức thực hiện.

"Sen Vàng Ngát Hương" là bộ phim tài liệu về Cuộc đời và Đạo nghiệp của Trưởng lão - Hòa thượng Thích Minh Châu. Sau hai lần chiếu thử tại TP. HCM (26/03) và Huế (20/06), đây là lần công chiếu thứ 3 mở rộng tại Thiền viện Vạn Hạnh.

Thời lượng phim dài 140 phút đã để lại những ấn tượng sâu sắc - những xúc cảm bồi hồi - sự nể phục quý kính về vị cao Tăng có tầm vóc Quốc tế và sức ảnh hưởng lớn tại Việt Nam cùng các Quốc gia trên thế giới.

Buổi chiếu phim hoàn mãn, Thiền viện Vạn Hạnh đã phát 1.500 phần quà cho những khách mời tham dự. ●



Chư tôn đức Tăng xem phim



Lễ khánh tuế tại phương trượng



Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nghiệp quang lâm



HT Thích Thiện Nhơn, HT Thích Giác Toàn, TT Bửu Chánh (từ phải sang) chụp hình lưu niệm cùng đại Trưởng lão HT. Thích Minh Châu

Hội nghị 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam

PV PGNT

Trong thời gian qua thực hiện Nghị quyết của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các tỉnh thành tuần tự tổ chức hội nghị 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam như Hà Nội (30-11), TP. Hồ Chí Minh (31-10), Kiên Giang (01-11), Bình Dương (02-11), Nhằm khẳng định sự lớn mạnh và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển đất nước. ●



HT Thích Trí Thủ và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng



Mít tinh kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN của tỉnh hội Phật giáo tỉnh Hà Tĩnh



Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN tại Đồng Tháp

Hòa thượng Thích Thanh Tứ nhận huân chương Hồ Chí Minh

PV PGNT

Với những đóng góp to lớn cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cho xã hội, sự nghiệp đoàn kết toàn dân tộc, ngài Hòa thượng Thích Thanh Tứ đã được Nhà nước trao tặng huân chương Hồ Chí Minh.

Sáng ngày 23-10, tại Học viện Phật giáo (Sóc Sơn, Hà Nội) Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã long trọng tổ chức lễ đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh của Nhà nước trao tặng, Hòa thượng Thích Thanh Tứ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đã trang trọng trao Huân chương Hồ Chí Minh tặng Hòa thượng Thích Thanh Tứ trước sự chứng kiến của đông đảo đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, đoàn thể, chức sắc Tôn giáo và các tăng ni, Phật tử. ●



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trao tặng huân chương Hồ Chí Minh cho HT. Thích Thanh Tứ



Ông Vũ Trọng Kim chúc mừng Hòa thượng Thích Thanh Tứ

Mùa lễ hội dâng y Kathina

PV PGNT

Theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy sau ba tháng an cư kiết hạ là lúc mà Tăng – tín đồ chào đón một mùa lễ hội hết sức đặc biệt, mang đậm dấu ấn của Phật giáo Theravāda, đó chính là lễ dâng y Kathina.

Mùa lễ hội được bắt đầu vào ngày 16 – 10 âl (khoảng giữa tháng 10 Tây lịch) và kết thúc vào khoảng 15-10 âl (khoảng giữa tháng 11 Tây lịch), đây là một mùa lễ hội mang đậm nét văn hóa Phật giáo Nguyên thủy, nhằm đóng góp thêm sự đa dạng và phong phú cho văn hóa Việt Nam. Mùa lễ hội được diễn ra tuần tự với những nghi thức hết sức đặc biệt như nhiều Phật ba vòng, tuyên ngôn bằng tiếng Phạn... Các chùa Phật giáo Nguyên thủy tổ chức tuần tự bắt đầu mùa lễ hội là chùa Nam Tông (16-09 âl) và một số chùa tổ chức với sự tham dự của đông đảo Tăng, tín đồ như chùa: Bửu Long, Phổ Minh, thiền viện Phước Sơn, Chantarangsay, Tổ đình Bửu Quang, Thích Ca Phật Đài (chùa Thiền Lâm) cũng trong dịp này tăng tín đồ Phật giáo tưởng niệm ngài Hòa thượng Kim Minh, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.... Được biết trong buổi lễ dâng y Kathina tại tổ đình Bửu Quang (20-09 âl) cũng diễn ra lễ bế giảng khóa an cư kiết hạ cho Tăng – Ni Phật giáo Nguyên thủy, đến tham dự có các chức sắc thuộc trung ương giáo hội Phật giáo và Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh, các cấp chính quyền thành phố và sở tại, cùng hơn 1000 Phật tử tham dự.

Đặc biệt năm nay nhân dịp lễ hội dâng y Kathina, tại chùa Huyền Không (xã Hương Hồ, huyện Hương Trà, Tp. Huế) hoàng gia Thái Lan đứng ra tổ chức, đây là một hoạt động lễ hội hết sức ý nghĩa trong việc giao lưu văn hóa và thắt chặt mối quan hệ hữu nghị giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Thái Lan. ●



Lễ dâng y Kathina tại chùa Thanh Long - Bình Dương



Lễ dâng y Kathina tại chùa Tăng Bảo - Bình Chánh



Lễ dâng y Kathina tại chùa Quang Minh - Đồng Nai



Lễ dâng y Kathina tại Tịnh xá Phước Huệ (Tâm Hỷ)



Lễ dâng y Kathina tại chùa Phước Hộ - Đồng Nai

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 14

01	Gđ. Đinh Kiều Oanh	15 quyển
02	Gđ. Mai Xuân Hiến	10 quyển
03	Gđ. Trần Thị Bảy	05 quyển
04	Gđ. Nguyễn Đức - Hiền Minh	65 quyển
05	Phật tử Chùa Phổ Minh (TT kỳ 69)	60 quyển
06	Gđ. Ngô Thị Tuyến	10 quyển
07	Gđ. Nguyễn Thị Ngâu	10 quyển
08	Gđ. Phạm Lê An	50 quyển
09	Gđ. Đặng Đức Tiệp	15 quyển
10	Gđ. Nguyễn Hương (Hoan)	10 quyển
11	Gđ. Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
12	Thích Ca Phật Đài	200 quyển
13	Tập thể đoàn Phật tử Vũng Tàu	24 quyển
14	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
15	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
16	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
17	Gđ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
18	Gđ. Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
19	Gđ. Anh Kiên	100 quyển
20	Gđ. Nhật Huỳnh	25 quyển
21	Gđ. Như Mai (Cháu cô bảy Vĩnh Phúc)	50 quyển
22	Gđ. Thiện Kiến	10 quyển
23	TN. Diệu Minh	10 quyển
24	Gđ. Lê Thị Minh Hà	50 quyển
25	Gđ. Lê Thị Chiêm (Viên Lễ)	25 quyển
26	Trần Thị Phết	25 quyển
27	Gđ. Minh Đức	15 quyển
28	Đặng Kiêm Liên	10 quyển

29	Gđ. Nguyễn Thị Yến Linh	10 quyển
30	Gđ. Phạm Hồng Trang	10 quyển
31	Gđ. Lê Thị Kim Chi	05 quyển
32	Gđ. Hiền Khánh (Hoa Huệ)	100 quyển
33	Gđ tu nữ Quang Thủy	25 quyển
34	Tu nữ Diệu Đức	10 quyển
35	gđ Mười Trang	10 quyển
36	Tu nữ Diệu Liên	03 quyển
37	Cô Thu	10 quyển
38	Gđ Phạm Minh Hùng	10 quyển
39	ĐD Phước Định	20 quyển
40	Quang Nhiên	10 quyển
41	Chú Hội cô Lài	20 quyển
42	Gđ Minh Phúc - Trúc Như	10 quyển
43	Gđ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
44	Gđ Đỗ Đăng	10 quyển



giá: 20.000 đồng